



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

CÔNG TY CP SẢN XUẤT & CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Mục lục

PHẦN I TỔNG QUAN	2
THÔNG TIN DOANH NGHIỆP.....	4
QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN	5
NGÀNH NGHỀ LĨNH VỰC KINH DOANH	6
TỔNG QUAN VỀ CÁC SẢN PHẨM CÔNG TY	7
SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC	8
DANH SÁCH THÀNH VIÊN HĐQT, BKS, BAN TGD	9
ĐỊNH HƯỚNG VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN.....	12
PHẦN II MÔI TRƯỜNG KINH DOANH	13
TỔNG QUAN NGÀNH NHỰA THẾ GIỚI	14
NGÀNH NHỰA VIỆT NAM.....	19
TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG FILLER MASTERBATCH	22
TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG PHÀO NỆP SPC	26
PHẦN III KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2021.....	34
ĐÁNH GIÁ CHUNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....	35
HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ 2021.....	39
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH.....	40
PHẦN IV QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP	43
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	44
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT	48
THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS.....	50
HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO	51
THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ ĐẦU TƯ	54
PHẦN V BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG.....	55
TỔNG QUAN BÁO CÁO	56
PHẠM VI BÁO CÁO.....	56
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	56
HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG.....	61

PHẦN I
TỔNG QUAN

❖ Tầm nhìn:

Trở thành doanh nghiệp tiên phong, dẫn đầu trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm tinh chế từ đá CaCO₃, tạo dựng vị thế vững chắc trong chuỗi giá trị toàn cầu.

❖ Sứ mệnh:

Mang lại những sản phẩm chất lượng cao bằng việc ứng dụng các công nghệ tiên tiến.

Đảm bảo hài hòa các lợi ích của khách hàng, cổ đông.

Tạo môi trường làm việc nâng cao sự sáng tạo, trách nhiệm, chuyên nghiệp của cán bộ, nhân viên Công ty.

❖ Giá trị cốt lõi:

Chất lượng trên từng sản phẩm: Chất lượng sản phẩm là yếu tố sống còn đối với một doanh nghiệp khi tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Chủ động hoàn thiện năng lực sản xuất, luôn đảm bảo sản phẩm đầu ra theo đúng các thông số kỹ thuật đạt chuẩn, từng thành viên của Nhựa Pha Lê đều nỗ lực hoàn thành công việc được giao với chất lượng cao nhất.

Liên tục ứng dụng công nghệ vào sản xuất: Không chỉ đảm bảo ổn định chất lượng, việc đầu tư ứng dụng công nghệ tiên tiến giúp phát minh ra các phương thức sản xuất mới, từ đó cải thiện chất lượng đồng thời tiết kiệm chi phí.

Chia sẻ và đồng hành cùng đối tác: Tâm niệm đối tác là bạn đồng hành cùng chia sẻ trên con đường hoạt động kinh doanh, Nhựa Pha Lê luôn hỗ trợ các đối tác trên tinh thần hợp tác thành công, đôi bên đồng hưởng lợi.

Trách nhiệm với cộng đồng: Không chỉ vì mục tiêu phát triển kinh tế mà còn tồn tại để phục vụ người tiêu dùng, cải thiện và nâng cao đời sống đội ngũ cán bộ công nhân, đem lại lợi ích dài lâu cho đối tác và cổ đông, góp vào lợi ích chung của toàn xã hội.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

- ✓ Tên công ty : Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê
- ✓ Tên tiếng Anh : Pha Le Plastics Manufacturing and Technology Joint Stock Company
- ✓ Tên viết tắt : PHA LE PLASTICS MANUFACTURING AND TECHNOLOGY., JSC
- ✓ Mã chứng khoán : PLP
- ✓ Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103018538 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/11/2008, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 01/10/2020
- ✓ Trụ sở chính : Lô đất CN4.3 Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng
- ✓ Địa chỉ liên hệ: Văn phòng Hà Nội - Tầng 2, Tháp A, Tòa nhà Rivera Park Hà Nội, 69 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội
- ✓ CN Nghệ An: Mỏ đá Thung Hung, Xóm Bản Hạt, Xã Châu Tiến, Huyện Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An
- ✓ Vốn điều lệ : 400.000.000.000 đồng
- ✓ Điện thoại : (+84-24) 3555 1669
- ✓ Website : <http://phaleplastics.com.vn>
- ✓ Đại diện pháp luật : **Ông Mai Thanh Phương**
- ✓ Chức vụ : Chủ tịch HĐQT

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN

- **2008 - Thành lập**
Vốn điều lệ là 100 tỷ đồng, hoạt động chính trong lĩnh vực khai thác và sản xuất khoáng sản.
- **2009 - 2013 - Chuẩn bị**
Được cấp phép và khai thác mỏ Thung Hưng – Nghệ An. Thành lập Chi nhánh Nghệ An tại Mỏ Thung Hưng để khai thác.
- **2014 - Đầu tư**
Nhà máy sản xuất đá CaCO₃ tại Quý Hợp Nghệ An, công suất Xưởng khai thác đá 100 tấn/ giờ, Xưởng tuyển đá chip với công suất 30 tấn/ giờ.
Nhà máy sản xuất bột đá siêu mịn và phụ gia ngành nhựa tại KCN MP Đình Vũ – Hải Phòng, bột đá siêu mịn công suất 108.000 tấn/ năm và 96.000 tấn phụ gia ngành nhựa/ năm.
- **2016 - Tăng tốc**
Nhà máy sản xuất Filler Masterbatch đi vào hoạt động với 2 dây chuyền, công suất thiết kế 26.400 tấn/ năm.
- **2017 - Niêm yết**
Chính thức niêm yết 15 triệu cổ phiếu trên sàn Hose với mã chứng khoán PLP. Đầu tư khai thác thêm 02 dây chuyền sản xuất Filler Masterbatch nâng công suất lên 52.800 tấn/ năm.
- **2018 - Mở rộng**
Đầu tư và nâng cấp dây chuyền filler masterbatch lên 95.000 tấn/ năm. Hoàn tất việc mở rộng Nhà máy Nghệ An, đầu tư 02 dây chuyền sản xuất bột đá siêu mịn trắng phủ axit công suất 56.000 tấn/ năm.
- **2019 – Đột phá**
Phát hành tăng vốn thành công từ 150 tỷ đồng lên 250 tỷ đồng vốn điều lệ doanh nghiệp.
- **2020 – Chuyển mình**
Phát hành tăng vốn thành công từ 250 tỷ đồng lên 400 tỷ đồng vốn điều lệ doanh nghiệp.
Đầu tư xây dựng Nhà máy số 1 sản xuất sàn đá công nghệ SPC Royal Crystal tại Nhơn Trạch Đồng Nai với công suất 12 triệu m²/ năm
- **2021 – Tiên phong**
Tiên phong đầu tư dây chuyền sản xuất sàn đá công nghệ SPC đa lớp tại KCN MP Đình Vũ Hải Phòng với công suất lên đến 14 triệu m²/ năm
Đưa 02 dây chuyền sản xuất phào, nẹp, sản phẩm phụ trợ của sàn SPC với sản lượng 3 triệu md/ năm

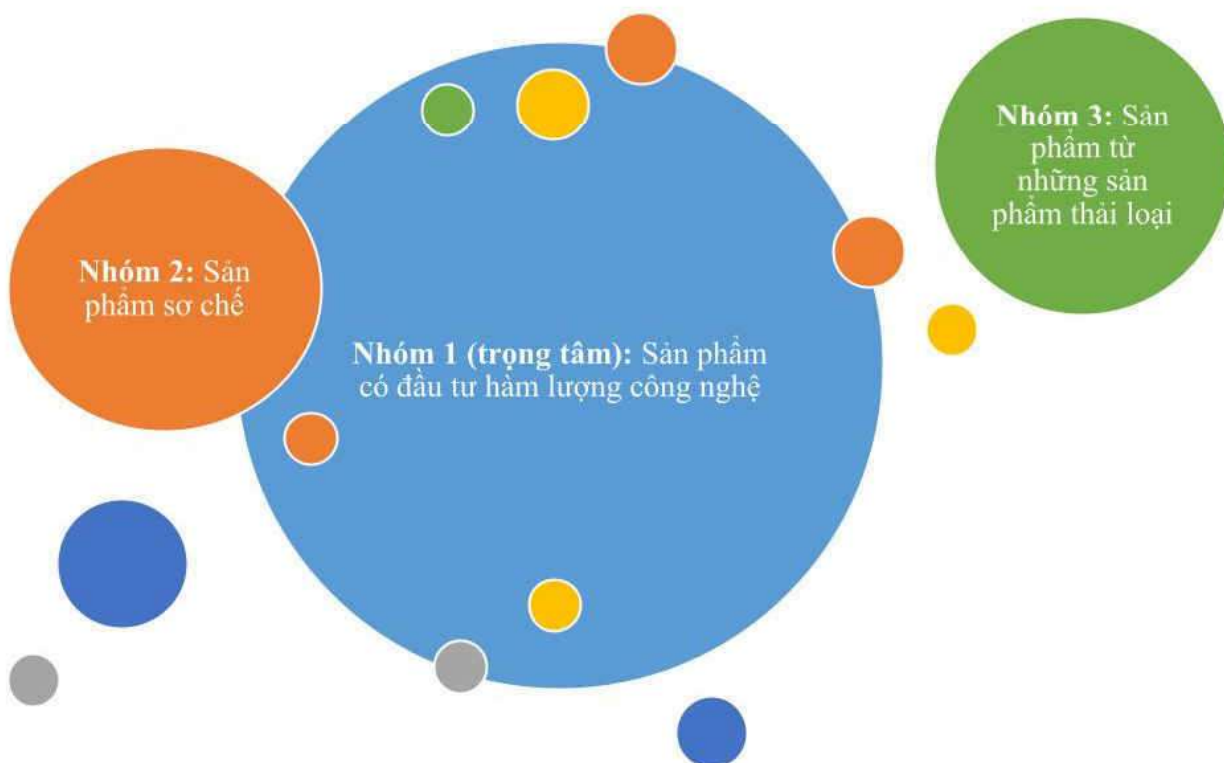
NGÀNH NGHỀ LĨNH VỰC KINH DOANH

- Thăm dò, khai thác, chế biến và mua bán khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Sản xuất sợi nhân tạo;
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su;
- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách bằng đường thủy, đường bộ bằng xe ô tô;
- Mua bán, cho thuê máy móc, thiết bị ngành khai khoáng, xây dựng, giao thông;
- San lấp, dọn dẹp tạo mặt bằng xây dựng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng cơ sở;...

TỔNG QUAN VỀ CÁC SẢN PHẨM CÔNG TY

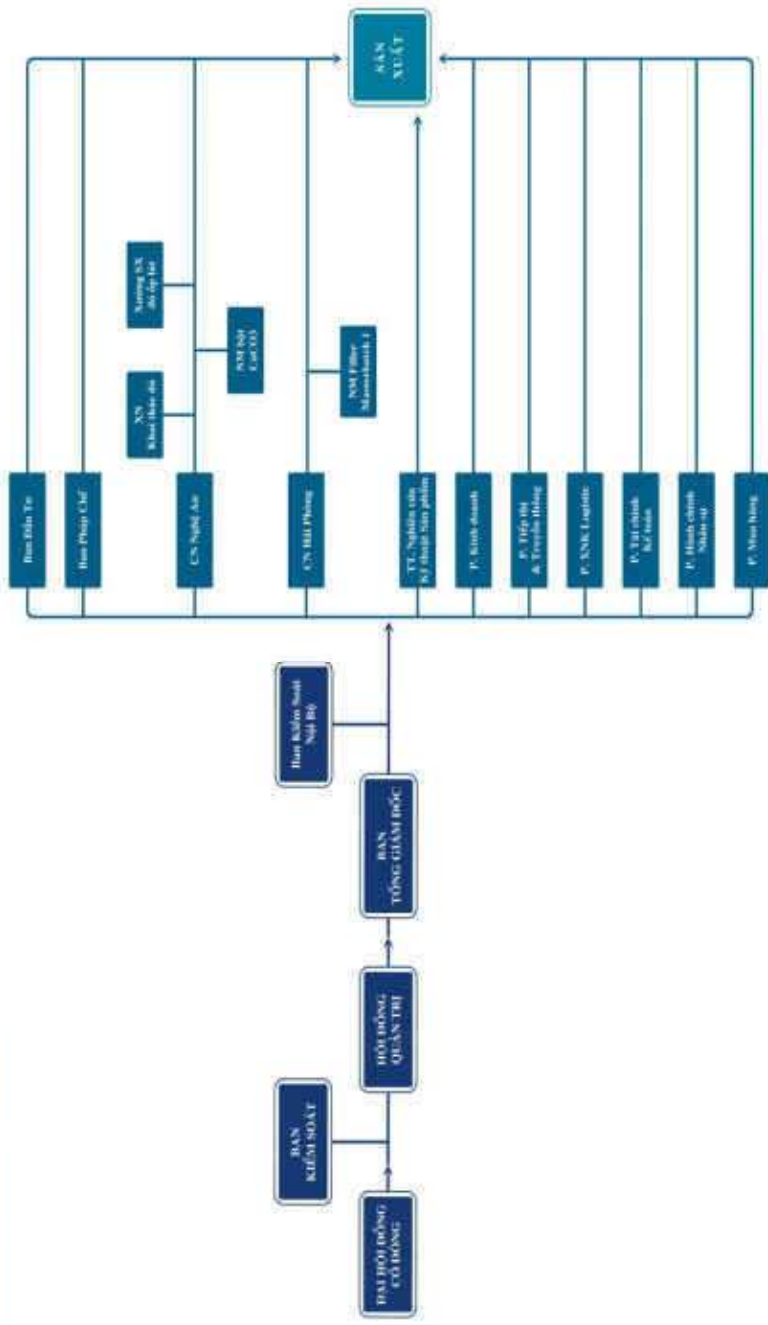
Sản phẩm của Nhựa Pha Lê được phân thành 3 nhóm chính:

- **Nhóm 1 (trọng tâm):** Bao gồm các sản phẩm có đầu tư hàm lượng công nghệ trong quá trình sản xuất, bao gồm các sản phẩm là nguyên vật liệu trung gian được chế biến sâu hoặc các thành phẩm sử dụng cho người tiêu dùng. Nhóm 1 bao gồm:
 - Filler Masterbatch (đang sản xuất)
 - Nhựa thành phẩm (đang nghiên cứu)
 - Vật liệu xây dựng gốc nhựa đá: đá Marble, ván sàn đá công nghệ SPC, nhựa gỗ, giấy đá, ... (đã triển khai một số hạng mục)
- **Nhóm 2:** Sản phẩm sơ chế từ nguồn nguyên liệu khai thác tại mỏ đá CaCO₃: Đá CaCO₃, Bột đá mịn.
- **Nhóm 3:** Sản phẩm từ những sản phẩm thải loại từ các thành phẩm nhóm 1 và 2



CTCP SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC



DANH SÁCH THÀNH VIÊN HĐQT, BKS, BAN TGD

❖ **Danh sách Thành viên Hội đồng quản trị**

1. Ông Mai Thanh Phương - Chủ tịch HĐQT

+ **Ngày bổ nhiệm:** 02/2014

+ **Học vấn :** Kỹ sư ngành Địa chất; Cử nhân Kinh tế

+ **Kinh nghiệm:** 28 năm kinh nghiệm quản trị sản xuất, khai thác khoáng sản và đầu tư

+ **Sở hữu :** 9.840.000 cổ phiếu PLP (24.6 %)

+ **Kiểm nhiệm:**

- Phó chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Tổng công ty công trình đường sắt (RCC)
- Thành viên HĐQT – Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang (LGL)
- Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ Long
- Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Neo Floor
- Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Mipeco

2. Ông Nguyễn Hồ Hưng - Thành viên HĐQT (miễn nhiệm tháng 9/2021)

+ **Ngày bổ nhiệm:** 04/2017

+ **Học vấn:** Cử nhân kinh tế

+ **Kinh nghiệm:** 27 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, quản trị và đầu tư

+ **Sở hữu :** 0 cổ phiếu PLP (0%)

+ **Kiểm nhiệm:**

- Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH khai thác và chế biến khoáng sản Barit Cao Bằng
- Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát

3. Ông Lê Thạc Tuấn - Thành viên HĐQT

+ **Ngày bổ nhiệm:** 04/ 2017

+ **Học vấn:** Kỹ sư xây dựng mỏ; Cử nhân kinh tế

+ **Kinh nghiệm :** 28 năm kinh nghiệm quản trị doanh nghiệp sản xuất, khai thác

khoáng sản

+ **Sở hữu:** 0 cổ phiếu PLP (0%)

+ **Kiểm nhiệm:**

- Giám đốc - Công ty cổ phần Điện gia dụng Nagakawa

4. Bà Trần Hải Yến - Thành viên HĐQT

+ **Ngày bổ nhiệm:** 11/2021

+ **Học vấn:** Cử nhân quản trị kinh doanh

+ **Kinh nghiệm :** 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị kinh doanh

+ **Sở hữu:** 177.760 cổ phiếu PLP (0,44%)

+ **Kiểm nhiệm:**

- Tổng giám đốc - Công ty CP Thương mại và Du lịch Tân Việt An

❖ **Danh sách Thành viên Ban Kiểm Soát**

1. Ông Đinh Đức Tuấn – Trưởng Ban kiểm soát

+ **Ngày bổ nhiệm:** 04/2018

+ **Học vấn:** Kỹ sư Xây dựng mỏ; Cử nhân tài chính – ngân hàng; Cử nhân kinh tế đối ngoại

+ **Kinh nghiệm:** 28 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, quản trị và đầu tư

+ **Sở hữu:** 0 cổ phiếu PLP (0%)

+ **Kiểm nhiệm :** Không

2. Bà Vũ Ngọc Thúy - Thành viên Ban kiểm soát

+ **Ngày bổ nhiệm:** 04/2017

+ **Học vấn:** Cử nhân kế toán

+ **Kinh nghiệm:** 8 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, kiểm toán

+ **Sở hữu:** 0 cổ phiếu PLP (0%)

+ **Kiểm nhiệm:**

- Kiểm toán viên - Công ty TNHH Mazars Việt Nam, Hà Nội

3. Bà Mai Thị Thanh Hoa - Thành viên Ban kiểm soát

+ **Ngày bổ nhiệm:** 04/ 2018

+ **Học vấn:** Cử nhân ngành Thương mại- Ngoại thương

+ **Kinh nghiệm:** 17 năm kinh nghiệm quản trị kinh doanh

+ **Sở hữu:** 0 cổ phiếu PLP (0%)

+ **Kiểm nhiệm:** Không

❖ **Danh sách Thành viên Ban Tổng Giám Đốc**

1. Bà Trần Hải Yến – Tổng Giám đốc

- + Ngày bổ nhiệm: 08/2020
- + Học vấn: Cử nhân quản trị kinh doanh
- + Kinh nghiệm: 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị kinh doanh
- + Sở hữu: 177.760 cổ phiếu PLP (0.44%)

2. Ông Cao Văn Thái - Phó Tổng Giám đốc

- + Ngày bổ nhiệm: 06/2018
- + Học vấn: Cử nhân Tiếng Trung
- + Kinh nghiệm: 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất
- + Sở hữu: 266.640 cổ phiếu PLP (0.44%)

3. Ông Nguyễn Thanh Bình - Phó Tổng Giám đốc

- + Ngày bổ nhiệm: 05/2021
- + Học vấn: Cử nhân kinh tế
- + Kinh nghiệm: 22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất
- + Sở hữu: 0 cổ phiếu PLP (0 %)

4. Ông Phạm Xuân Trí – Giám đốc Tài chính

- + Ngày bổ nhiệm: 05/2021
- + Học vấn: Thạc sĩ kinh tế
- + Kinh nghiệm: 7 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán
- + Sở hữu: 0 cổ phiếu PLP (0 %)

❖ **Danh sách Kế toán trưởng**

1. Bà Trần Thị Bích Loan (Miễn nhiệm tháng 9/2021)

- + Ngày bổ nhiệm: 05/2021
- + Học vấn: Cử nhân tiếng Anh, Cử nhân tài chính kế toán
- + Kinh nghiệm: 32 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán
- + Sở hữu: 0 cổ phiếu PLP (0 %)

2. Ông Phạm Xuân Trí – (Bổ nhiệm tháng 9/2021)

- + Ngày bổ nhiệm: 09/2021
- + Học vấn: Thạc sĩ kinh tế
- + Kinh nghiệm: 7 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán
- + Sở hữu: 0 cổ phiếu PLP (0 %)

ĐỊNH HƯỚNG VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

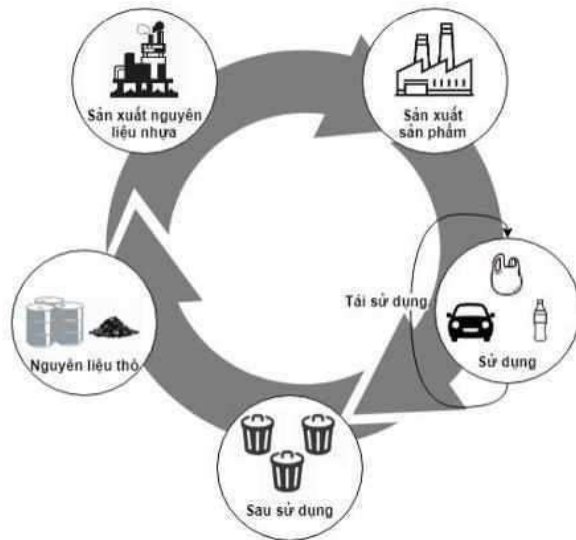
- ❖ **Chiến lược phát triển từ 2021 – 2025**
 - ✓ Trở thành doanh nghiệp tiên phong, đi đầu trong ứng dụng khoa học công nghệ vật liệu để chuyển hóa tài nguyên khoáng sản Việt Nam thành các sản phẩm tiêu dùng chất lượng cao được thị trường trong nước quốc tế thừa nhận;
 - ✓ Thành công trong vận hành hoàn hảo toàn bộ chuỗi cung ứng thông qua ứng dụng mô hình quản lý 5S, sản xuất tinh gọn tiết kiệm, ứng dụng tự động hóa công nghệ hiện đại
 - ✓ Lọt TOP 100 công ty có nơi làm việc hạnh phúc nhất Việt Nam
- ❖ **Các mục tiêu chủ yếu của công ty đến năm 2025:**
 - ✓ Doanh thu xuất khẩu các sản phẩm đạt 10.000 tỷ đồng/năm trong vòng 5 năm tới
 - ✓ Thị phần : Trở thành Top 3/10 nhà phân phối sản phẩm SPC lớn nhất của thị trường Mỹ
 - ✓ Sở hữu các Công ty phân phối sản phẩm SPC đạt mục tiêu Market share chiếm 1% thị trường USA
 - ✓ Triển khai mô hình quản lý 5S cho toàn bộ hệ thống nhân viên khối văn phòng và toàn bộ các nhà máy ở mức độ 100%
 - ✓ Triển khai hệ thống quản trị năng lực nhân viên để áp dụng các chương trình đào tạo, huấn luyện nâng cao năng lực và phát triển sự nghiệp cho 100% nhân viên
 - ✓ Triển khai khảo sát định kỳ sự hài lòng của nhân viên toàn hệ thống trong môi trường làm việc của PLP đạt 90% mức độ hài lòng

PHẦN II
MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

TỔNG QUAN NGÀNH NHỰA THẾ GIỚI

Lịch sử hình thành và đặc điểm của ngành nhựa thế giới

Ngay từ khi bắt đầu, nguyên vật liệu nhựa ra đời như một giải pháp thay thế nguồn tài nguyên khan hiếm và không bền vững như rùa, ngà hoặc xương động vật. Kể từ đó, nhựa đã định hình một thế giới nơi mang lại sự an toàn, vệ sinh, thoải mái và an sinh cho xã hội của



chúng ta. Ngày nay, nhựa có mặt trong vô số các sản phẩm công nghiệp, hàng tiêu dùng và nhựa công nghệ dụng giúp chúng ta tiết kiệm năng lượng, khí thải CO₂, nước và thậm chí cả trong ngành thực phẩm.

Vật liệu nhựa so sánh với các loại nguyên liệu khác

So với các loại nguyên liệu truyền thống như kim loại, gỗ, thủy tinh, da, ... vật liệu nhựa có một số tính chất ưu việt hơn như sau:

- ✓ Khả năng chống ăn mòn, chống thấm: so với các loại nguyên liệu truyền thống như kim loại hay gỗ thì khả năng chống bị ăn mòn do tác động của oxy hóa hay khả năng chống thấm nước của vật liệu nhựa là tốt hơn.
- ✓ Dễ tạo hình và sản xuất: với nhiệt độ nóng chảy thấp hơn kim loại hay thủy tinh, vật liệu nhựa giúp công việc tạo hình và chế tác sản phẩm trở nên dễ dàng hơn cũng như tiết giảm được chi phí sản xuất.
- ✓ Khả năng tái sinh và tính đa dạng lớn: ngoài khả năng tái sinh tốt, nguyên liệu nhựa còn có tính đa dạng hơn so với các loại nguyên vật liệu truyền thống.

Phân loại vật liệu nhựa

- ✓ **Nhựa nhiệt dẻo:** là loại vật liệu nhựa khi nung nóng đến nhiệt độ nóng chảy sẽ biến đổi về hình dạng vật lý và giữ lại hình dạng đó khi giảm nhiệt độ. Quá trình này có thể áp dụng nhiều lần khiến cho nhựa nhiệt dẻo là vật loại có khả năng tái sinh rất cao. Một số loại nhựa nhiệt dẻo phổ biến đó là PE và các dẫn xuất (HDPE,

LDPE, LDPE, LLDPE) , PP, PVC, PS Vì đặc tính linh hoạt, chi phí sản xuất rẻ hơn nhựa nhiệt rắn nên nhiệt dẻo chiếm khoảng 75 % cơ cấu tiêu thụ toàn cầu. Các loại nhựa dẻo được sử dụng nhiều nhất là PE, PP, PVC, và PET. Trong cơ cấu tiêu thụ vật liệu nhựa toàn cầu năm 2017, PE (với các dẫn xuất HDPE, LDPE, LLDPE) và PP chiếm tỷ trọng cao nhất với lần lượt 28% và 20%. Đứng thứ 3 trong cơ cấu tiêu thụ là PVC với 12%.

✓ **Nhựa nhiệt rắn** : là loại vật liệu nhựa khu nung nóng đến nhiệt độ nhất định sẽ biến đổi cả về hình dạng vật lý lẫn tính chất hóa học tạo ra cấu trúc không gian ba chiều và không thể nóng chảy lại được nữa, do đó nhựa nhiệt cứng không có khả năng tái sinh. Một số loại nhựa nhiệt rắn phổ biến là Epoxy, vinyl, melamine.

Màng	Nguyên liệu nhựa	Công nghệ sản xuất	Sản phẩm	Đầu ra
Nhựa bao bì	PE (HDPE, LDPE), PP và PET	Thổi (Extrusion blow molding)	Bao bì màng mỏng, túi ni lông, chai nhựa PET	Doanh nghiệp chế biến thực phẩm, đồ uống và các hệ thống bán lẻ, siêu thị.
Nhựa xây dựng	PVC, PE (HDPE)	Ép đùn (Extrusion molding)	Ống nhựa, tấm trần và tường nhựa	Người tiêu dùng
Nhựa dân dụng	PP, PS, ABS	Ép đúc (Injection molding)	Các sản phẩm đồ gia dụng	Người tiêu dùng
Nhựa kỹ thuật	PVC, PP, PU	Ép đúc (Injection molding)	Các loại linh phụ kiện	Các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô, thiết bị điện, điện tử.

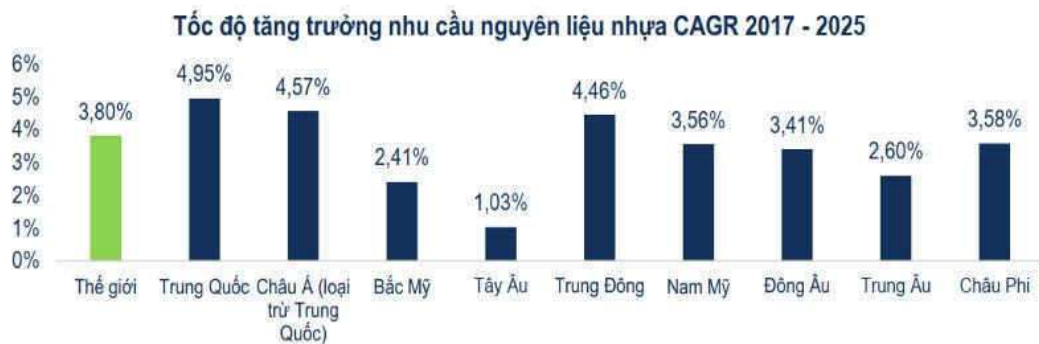
Cung cầu ngành nhựa thế giới



Nguồn: Plastic Euro

NAFTA, châu Âu và Trung Quốc là các khu vực có sản lượng sản xuất nguyên liệu nhựa lớn nhất trên thế giới. Bắc Mỹ và Châu Âu là những khu vực phát triển đầu tiên của ngành nhựa thế giới từ những năm 1950. Lợi thế về nguồn nguyên liệu đầu vào như khí thiên nhiên đối với khu vực Bắc Mỹ hoặc dầu thô như đối với khu vực Châu Âu hay than đá với khu vực Trung Quốc, khiến cho ngành công nghiệp hóa dầu ở

những khu vực này cực kỳ phát triển và đóng vai trò quan trọng trong chuỗi giá trị của ngành nhựa thế giới. Trong giai đoạn 2012-2017, sản lượng nguyên liệu nhựa sản xuất của khu vực Châu Á liên tục tăng trưởng trong khi sản lượng của khu vực NAFTA và Châu Âu đã bước vào giai đoạn bão hòa, sản lượng sản xuất và tiêu thụ giảm dần xuống xung quanh 4% từ năm 2013 – 2017. Cơ cấu sản xuất nguyên liệu nhựa toàn cầu đang có xu hướng chuyển dịch sang Châu Á và đặc biệt là Trung Quốc. Nguyên nhân là do ngành nhựa tại 2 khu vực là Châu Âu và Bắc Mỹ đã bước vào giai đoạn bão hòa với tỷ lệ tiêu thụ nhựa bình quân đầu người đã ở mức cao.



Nguồn: Nexant

Nhu cầu nguyên liệu nhựa của thế giới dự báo sẽ tăng trưởng chậm. Theo dự báo của Nexant, nhu cầu tiêu thụ nguyên liệu nhựa của toàn thế giới chỉ tăng trưởng bình quân 3,8% một năm giai đoạn 2017-2025. Nguyên nhân do ngành nhựa thế giới đã trong giai đoạn bão hòa khi sản lượng nhựa sản xuất toàn cầu chỉ tăng trưởng với tốc độ trung bình ở mức 4% trong vòng 20 năm qua.

Trung Quốc và Châu Á là động lực tăng trưởng chính của ngành nhựa thế giới. Tốc độ tăng trưởng nhu cầu nguyên liệu nhựa của Trung Quốc và phần còn lại của Châu Á được dự báo lần lượt ở mức 4,95% và 4,57% cao hơn so với mức trung bình của thế giới. Nguyên nhân do, Châu Á là khu vực có mức tăng trưởng kinh tế ở mức cao và mức tiêu thụ nguyên liệu nhựa bình quân đầu người vẫn còn thấp so với trung bình thế giới. Bên cạnh đó, Trung Đông cũng là một khu vực có mức tăng trưởng nhu cầu nguyên liệu nhựa cao với tốc độ tăng trưởng dự báo ở mức 4,46% trong gian đoạn 2017-2025.

Triển vọng và xu hướng của ngành nhựa Thế giới

❖ Triển vọng tăng trưởng của ngành nhựa Thế giới

Sản lượng nguyên liệu nhựa sản xuất và tiêu thụ dự báo sẽ đạt 412 triệu tấn vào năm 2022, tương đương với tăng trưởng trung bình 3,4%/năm giai đoạn 2017 - 2022. Bốn loại nguyên liệu nhựa phổ biến nhất là PE, PP, PVC và PET vẫn sẽ chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu sản xuất và tiêu thụ các loại nguyên liệu nhựa toàn cầu, ước tính khoảng 66% vào năm 2022.

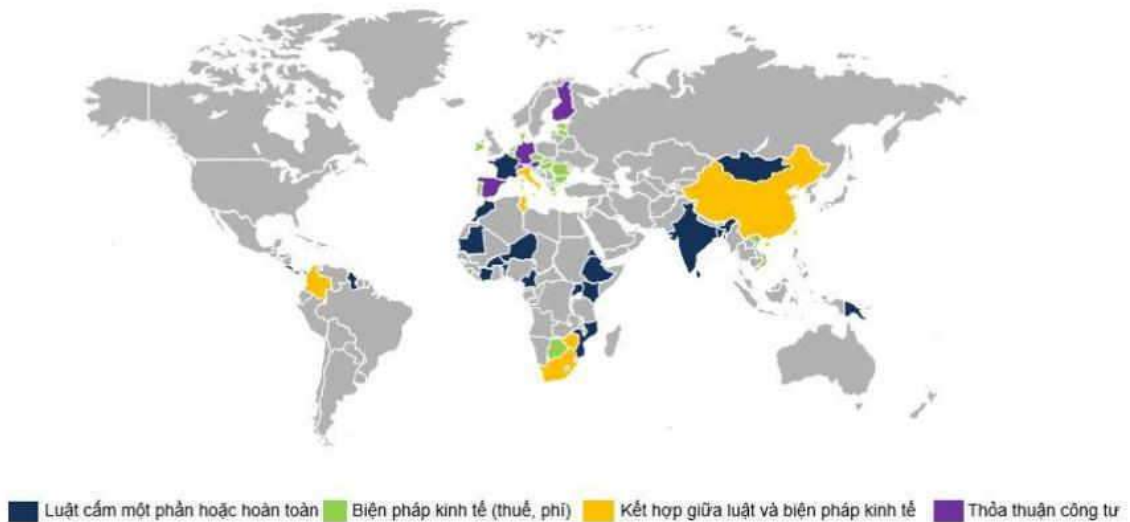
Châu Á và Trung Quốc sẽ là động lực tăng trưởng chính của ngành nhựa thế giới với vai trò là khu vực sản xuất và tiêu thụ nguyên liệu nhựa lớn nhất trên thế giới.

Ngành nhựa thế giới được kỳ vọng sẽ tăng trưởng với tốc độ trung bình từ 3 - 4% một năm giai đoạn 2017 - 2022. Động lực tăng trưởng chính của ngành nhựa bao gồm:

- ✓ Màng nhựa bao bì và nhựa dân dụng được kỳ vọng sẽ tăng trưởng trung bình khoảng 3% khi quy mô dân số và tăng trưởng kinh tế cũng như thu nhập của người dân tiếp tục tăng trưởng, đặc biệt là tại khu vực châu Á.
- ✓ Giá trị xây dựng toàn cầu được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng trung bình 3,6% giai đoạn 2017 - 2022, tạo động lực tăng trưởng đầu ra cho màng nhựa xây dựng
- ✓ Màng nhựa kỹ thuật kỳ vọng sẽ tăng trưởng khoảng 2,1% do (1) tăng trưởng ngành sản xuất ô tô dự báo ở mức 2,1% giai đoạn 2017 - 2022, (2) xu hướng giảm nhẹ trọng lượng của các loại phương tiện khiến nguyên liệu nhựa được sử dụng ngày càng nhiều trong ngành công nghiệp ô tô.

❖ Xu hướng của ngành nhựa Thế giới

Trước vấn đề quá tải rác thải nhựa, các quốc gia trên thế giới đang dần đẩy mạnh việc hạn chế sử dụng bao bì nhựa và đặc biệt là bao bì dùng một lần nhằm giảm thiểu lượng rác thải nhựa ra môi trường. Các biện pháp chủ yếu là cấm một phần hoặc toàn bộ việc sử dụng bao bì, và các biện pháp kinh tế liên quan đến thuế hoặc phí phạt. Việc các khu vực tiêu thụ nhiều sản phẩm nhựa bao bì như EU, Mỹ, Trung Quốc hướng đến việc hạn chế sử dụng bao bì nhựa dùng một lần sẽ gây ảnh hưởng rất lớn đến màng nhựa bao bì toàn cầu.



Nguồn: UN Environment

Trong xu hướng tiêu dùng các sản phẩm thân thiện với môi trường, sản phẩm nhựa tự hủy là sản phẩm được ưa chuộng để thay thế cho các sản phẩm nhựa truyền thống. Tổng năng lực sản xuất các loại nguyên liệu nhựa tự hủy toàn cầu năm 2018 đạt 2,1 triệu tấn/năm trong đó nhựa phân hủy sinh học chiếm 1,2 triệu tấn và nhựa sinh học chiếm 0,9 tấn. Theo dự báo của European Bioplastics, tổng năng lực sản xuất các loại nguyên liệu nhựa tự hủy năm 2023 ước đạt 2,6 triệu tấn/năm tương đương với tăng trưởng trung bình 4,4% một năm giai đoạn 2018-2023.

NGÀNH NHỰA VIỆT NAM**❖ Tổng quan thị trường năm 2021**

Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới và trong nước gặp nhiều khó khăn do dịch bệnh COVID - 19 tác động đã làm đứt gãy các chuỗi cung ứng, sản xuất kinh doanh nhiều lĩnh vực, ngành nghề gặp khó khăn, trong đó có ngành công nghiệp nhựa, nhưng năm 2020 ngành nhựa vẫn duy trì khá tốt được hoạt động sản xuất, kinh doanh và tăng trưởng. Dịch COVID-19 đã dẫn đến những biến đổi lớn trên thị trường chất dẻo toàn cầu, khiến cho các nhà sản xuất polyme phải vất vả chuyển hướng và điều chỉnh trong thời gian ngắn. Các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm nhựa xuất khẩu Việt Nam cũng điều chỉnh với xu hướng mới của thế giới.

Trong giai đoạn 2016 - 2021, ngành Nhựa Việt Nam đã nắm bắt được xu hướng dịch chuyển sản xuất của thế giới. Bên cạnh việc giữ vững, đạt mức tăng trưởng tốt ở những thị trường xuất khẩu lớn như Mỹ, Nhật Bản, EU, Hàn Quốc và Trung Quốc thì mặt hàng sản phẩm nhựa của Việt Nam đã được đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường khác.

Túi nhựa là sản phẩm nhựa chiếm tỷ trọng xuất khẩu cao nhất trong giai đoạn 2016 – 2021. Tuy nhiên tốc độ tăng trưởng bình quân của mặt hàng túi nhựa không cao vì trong những năm gần đây rất nhiều thị trường lớn của sản phẩm túi nhựa của Việt Nam như Nhật Bản và một số thị trường EU như Hà Lan, Đức đều hạn chế hoặc cấm sử dụng sản phẩm túi nhựa dùng một lần, khó phân hủy ảnh hưởng đến môi trường.

Các mặt hàng sản phẩm nhựa khác của Việt Nam xuất khẩu trong giai đoạn 2016 - 2021 cũng nhiều biến động theo nhu cầu của các thị trường xuất khẩu nhựa như: tăng cường xuất khẩu các mặt hàng dùng trong cuộc sống hàng ngày hay sử dụng cho xây dựng như tấm, phiến, màng nhựa, sản phẩm nhựa gia dụng, đồ dùng trong xây lắp...

Bên cạnh đó, cơ cấu chủng loại mặt hàng sản phẩm nhựa xuất khẩu của Việt Nam đã dịch chuyển khá rõ dưới tác động của dịch COVID - 19. Thói quen mua sắm của người dân như ở một số thị trường lớn của mặt hàng nhựa như Mỹ, Nhật Bản, EU, Hàn Quốc... đã chuyển từ hàng hoá cơ bản sang những hàng hóa phục vụ cho việc làm đẹp tại nhà hoặc xây dựng, sửa sang trang trí nhà cửa trong thời gian dịch COVID - 19 do người dân ở nhà nhiều hơn. Thị trường nhà mới đang được thúc đẩy nhờ số lượng căn tồn ở gần mức thấp kỷ lục, đặc biệt là những nhà cấp thấp. Dịch COVID-19 đã thúc đẩy nhu cầu về chỗ ở rộng rãi và đắt tiền hơn khi hàng triệu người phải làm việc và học tập tại nhà.

❖ Xu hướng phát triển

- Thời gian tới, ngành nhựa được kỳ vọng tiếp tục đà tăng trưởng cao vì những lý do sau:
 - Ngành nhựa là một ngành đặc biệt bởi các sản phẩm nhựa vừa có thể là đầu vào của một ngành khác (dệt may, da giày, điện tử,...), vừa có thể là sản phẩm tiêu dùng cuối cùng (bao bì, đồ gia dụng, xây dựng...). Do đó, khi các ngành này phát triển thì nhu cầu sử dụng các sản phẩm nhựa cũng tăng lên.
 - Việt Nam là một quốc gia đang phát triển. Tốc độ tăng trưởng GDP trung bình của Việt Nam trên 6% trong 10 năm trở lại đây. Các hoạt động sản xuất, xuất khẩu, xây dựng... đều tăng trưởng nhanh, kéo theo nhu cầu tiêu thụ và sử dụng các sản phẩm nói chung và đặc biệt là sản phẩm nhựa – sản phẩm có vai trò quan trọng trong nhiều ngành kinh tế – tăng mạnh. Trong thời gian tới, dự kiến tiêu dùng, xuất khẩu và xây dựng của Việt Nam tiếp tục gia tăng, khiến cho nhu cầu các sản phẩm nhựa bao bì, gia dụng, xây dựng được dự kiến tăng tương ứng.
 - Việt Nam ngày càng mở cửa và cải thiện môi trường đầu tư thu hút nhiều đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, trong đó có ngành nhựa, giúp tạo điều kiện cho ngành này phát triển cạnh tranh và hiện đại hơn, từ đó tăng thêm cơ hội ở cả thị trường trong nước và quốc tế.
 - Các Hiệp định thương mại tự do mới của Việt Nam một mặt giúp đa dạng hóa thị trường nhập khẩu và giảm thuế nhập khẩu nguyên liệu và máy móc cho ngành nhựa, mặt khác tăng cường khả năng tiếp cận các thị trường mới cho các sản phẩm nhựa của Việt Nam.
 - Tình hình kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn sau đại dịch COVID-19 có thể sẽ khiến người tiêu dùng nhiều quốc gia chuyển sang sử dụng các sản phẩm nhựa với giá cả phải chăng hơn và do đó nhựa của Việt Nam sẽ có nhiều cơ hội hơn ở các thị trường này.

- **Đầu tư nước ngoài vào ngành nhựa Việt Nam có xu hướng gia tăng giúp giảm chi phí đầu vào cho ngành nhựa**

Sau nhiều biến động của thị trường thế giới (do tác động của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, do ảnh hưởng của dịch COVID-19, do nhiều nước lớn bắt đầu các kế hoạch tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu), Việt Nam nổi lên như một trong những điểm đến ổn định và thuận lợi có thể bổ sung cho Trung Quốc trong chuỗi cung ứng của một số lĩnh vực trong đó có nhựa.

Hơn nữa, việc Việt Nam ký kết hàng loạt các FTA thế hệ mới trong thời gian gần đây (như CPTPP, EVFTA, RCEP) giúp mở ra cơ hội thu hút đầu tư không chỉ ở các nước

đôi tác FTA mà cả các nước khác (để đầu tư sản xuất hàng hóa tại Việt Nam và xuất khẩu đi tận dụng các cơ hội của FTA). Ngành nhựa cũng không nằm ngoài cơ hội này. Thêm vào đó, ngành nhựa của Việt Nam có nhiều tiềm năng, đầu tư nước ngoài trong ngành này trong những năm qua cũng chưa nhiều, dư địa cho các nhà đầu tư nước ngoài vẫn còn rất lớn.

Theo xu hướng này thì ngành nhựa Việt Nam có thể sẽ phát triển sôi động và cạnh tranh hơn trong thời gian tới. Với tiềm lực về tài chính và công nghệ của khối ngoại có thể sẽ giúp giải quyết một phần bài toán về thiếu hụt nguyên liệu và máy móc dây chuyền sản xuất trong nước, từ đó giảm chi phí đầu vào cho ngành nhựa.

- **Nhu cầu đối với các sản phẩm nhựa kỹ thuật cao được dự kiến gia tăng**

Ngành nhựa phụ thuộc rất lớn vào các ngành khác mà nhựa là một trong những nguyên liệu đầu vào như ngành điện tử, viễn thông, xe đạp – xe máy..... Do khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển, các sản phẩm này ngày càng tinh vi và hiện đại, đòi hỏi nhựa nguyên liệu sử dụng cũng phải có chất lượng tương ứng. Vì vậy, nhu cầu đối với nhựa kỹ thuật cao được dự kiến sẽ gia tăng trong thời gian tới.

Trong khi đó, một mặt nhiều doanh nghiệp nhựa trong nước cũng đã bắt đầu đầu tư lớn cho công nghệ để cho ra nhiều sản phẩm nhựa chất lượng cao phục vụ trong nước và xuất khẩu. Mặt khác khối FDI đang từng bước thâm nhập thị trường nhựa Việt Nam với tiềm lực vốn, công nghệ và quản lý hiện đại giúp nâng cao năng lực và kỹ thuật của ngành nhựa Việt Nam. Vì thế, khi nhu cầu gia tăng và nguồn cung bắt đầu đáp ứng được thì thị trường nhựa kỹ thuật cao sẽ có xu hướng phát triển mạnh trong thời gian tới.

- **Các sản phẩm nhựa chất lượng cao, tái chế, thân thiện môi trường sẽ ngày càng được ưa chuộng**

Đối với các sản phẩm nhựa tiêu dùng cuối cùng, do tình hình kinh tế thế giới khó khăn sau đại dịch COVID-19, các sản phẩm nhựa bình dân được dự đoán sẽ có nhu cầu cao hơn trong ngắn hạn. Tuy nhiên, trong trung hạn và dài hạn, với thu nhập ngày càng gia tăng đặc biệt ở khu vực thành thị Việt Nam và tại các nước xuất khẩu phát triển, nhu cầu đối với các sản phẩm nhựa chất lượng cao (nhẹ, bền, an toàn cao...) sẽ gia tăng, đặc biệt để thay thế các sản phẩm từ vật liệu truyền thống như sắt thép, thủy tinh....

Bên cạnh đó, ý thức bảo vệ môi trường của người tiêu dùng, đặc biệt ở các nước phát triển, ngày càng được nâng cao, khiến họ chuyển hướng sang những sản phẩm nhựa thân thiện môi trường như nhựa tái chế, nhựa có thể phân hủy. Để các sản phẩm nhựa Việt Nam tiếp tục duy trì xuất khẩu đi các thị trường lớn như EU, Mỹ, Nhật thì các doanh nghiệp nhựa cũng phải thay đổi để đáp ứng xu hướng này.

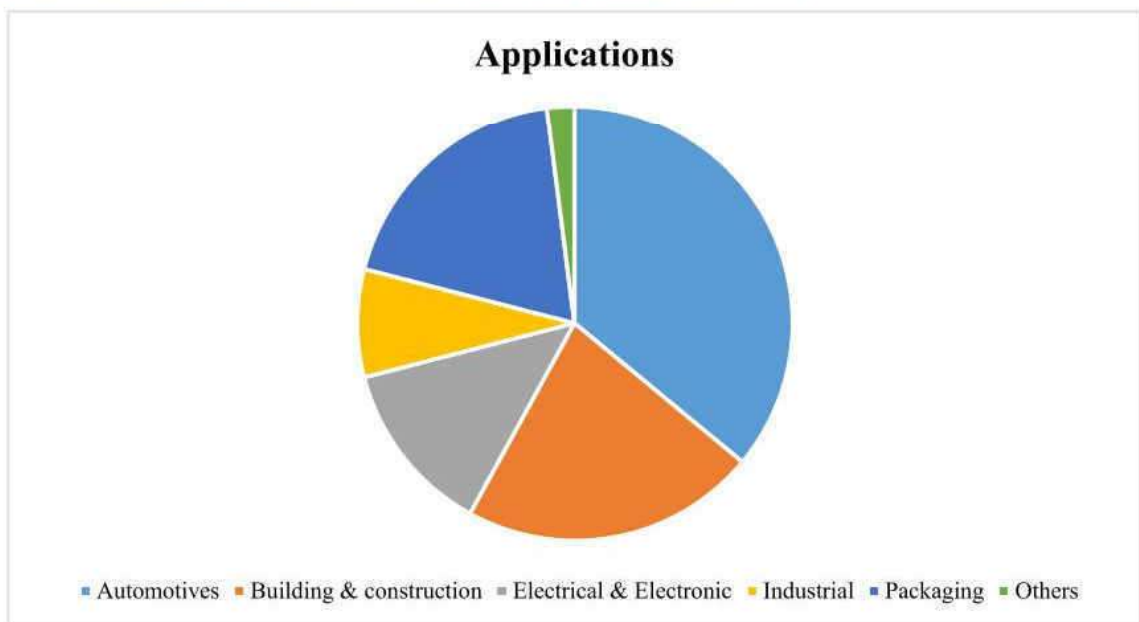
TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG FILLER MASTERBATCH

Thị trường Filler Masterbatch toàn cầu kỳ vọng đạt tốc độ tăng trưởng CAGR trên 3,1% cho đến năm 2025

Sự tăng trưởng toàn cầu của thị trường Filler Masterbatch chủ yếu là do việc sử dụng rộng rãi trong các ngành công nghiệp trong đó có ngành công nghiệp ô tô và xây dựng. Sản phẩm được sử dụng trong các ứng dụng ô tô nội thất và ngoại thất khác nhau do các đặc tính nâng cao như mô đun uốn cong, khả năng chịu nhiệt cũng như đặc tính nhẹ của polymer và chất độn polymer. Tăng cường sử dụng chất độn polymer trong vật liệu xây dựng và thiết bị là một yếu tố quan trọng để tăng trưởng thị trường. Sự tăng trưởng của các ngành công nghiệp các sản phẩm cuối lớn được dự kiến sẽ thúc đẩy nhu cầu về chất độn Filler với tốc độ đáng kể.

Ngoài ra, sự gia tăng nhu cầu về vật liệu chi phí thấp và tính cơ học cao cùng với những đổi mới về KTCN trong sản phẩm Filler là một trong các yếu tố được coi là thúc đẩy sự tăng trưởng thị trường Filler trong thời gian tới.

Thị phần Filler masterbatch toàn cầu, theo ứng dụng, 2021 (%)



Nguồn: Market Research Future

Tăng trưởng theo khu vực

Khu vực Thị trường ở châu Á - Thái Bình Dương chiếm thị phần lớn nhất của thị trường Filler toàn cầu và dự kiến sẽ chứng kiến sự tăng trưởng đáng kể trong giai đoạn sắp tới.

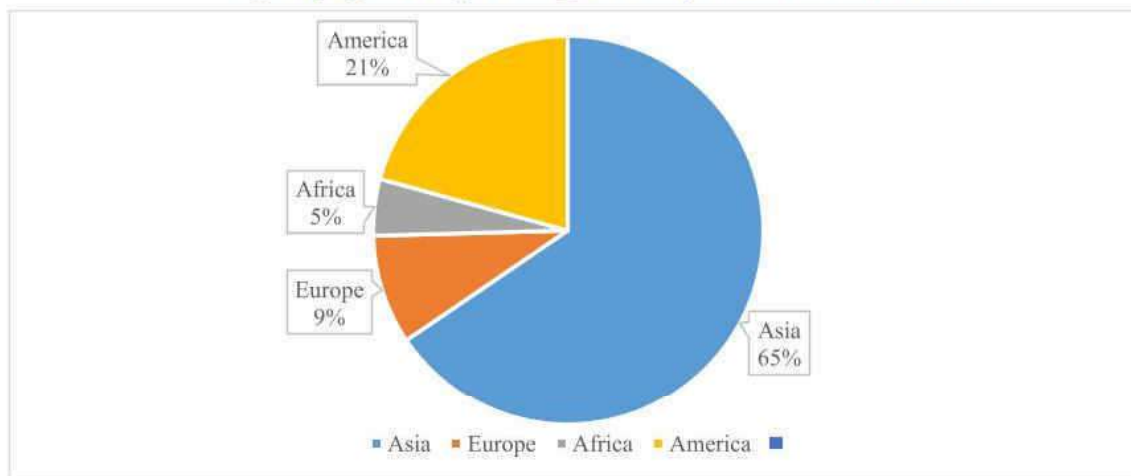
Thị trường Châu Âu dự báo khó lường vì Đông Âu đã và đang đối mặt với những cuộc khủng hoảng an ninh. Xung đột an ninh đã gây ra một đợt phục hồi trên thị trường dầu thô và khí đốt cũng như một liều lượng lớn về sự không chắc chắn, làm tăng thêm áp

lực lạm phát vốn đã cao trên thị trường hàng hóa toàn cầu.

Tin tức về hoạt động quân sự của các nước Đông Âu đã đẩy tiêu chuẩn dầu toàn cầu lên cao hơn \$ 6-7 / bbl, với giá dầu Brent tương lai gần \$ 105 / bbl. Giá khí đốt tự nhiên ở châu Âu tăng vọt, trong khi giá than châu Âu trong năm tới tăng tới 13%. Điều này chắc chắn sẽ phản ánh vào giá cả các sản phẩm thuộc chuỗi hạ nguồn trong ngành công nghiệp hóa dầu, một số trong số đó đã được nhìn thấy.

Thị trường ở Mỹ Latinh và Trung Đông & Châu Phi dự kiến sẽ tăng trưởng với tốc độ đáng kể trong giai đoạn tới do sự tăng trưởng của các ngành công nghiệp sử dụng cuối cùng lớn như ô tô, bao bì và xây dựng

Tỷ trọng các thị trường tiêu thụ Filler Masterbatch



Nguồn: *Market Research Future*

Thị trường Châu Á được dự báo tăng trưởng 7%, riêng Trung Quốc tăng trưởng 7,5% giai đoạn 2019-2025

- ✓ Thị trường Châu Âu : giá trị thị trường đạt 3,8 tỉ usd năm 2025
- ✓ Thị trường Bắc Mỹ: giá trị thị trường đạt 3 tỉ USD năm 2025

Thị trường Filler Masterbatch Việt Nam

Sự xuất hiện của Covid-19 khởi đầu từ Trung Quốc và nhanh chóng lan rộng trên phạm vi toàn cầu trong suốt hai năm 2020, 2021 đã gây ra rất nhiều xáo trộn trong mặt bằng giá Polymer cũng như giá Filler masterbatch.

Năm 2021 đầy khó khăn và thử thách nhưng vẫn có nhiều các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đã và đang nỗ lực hơn để tham gia vào lĩnh vực sản xuất đầy tiềm năng này. Một số Doanh nghiệp lớn có thể kể đến như: CTCP Nhựa Châu Âu, Nhật Huy, An Tiên, CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê, Phú Lâm, PMJ.... Đa số các doanh nghiệp hướng tới xuất khẩu, sản lượng xuất khẩu toàn ngành chiếm 90% còn lại 10% tiêu thụ nội địa. Ngoài các doanh nghiệp trong nước mới mở còn có sự tham gia của các nhà sản xuất, thương mại từ nước ngoài chuyển dịch cơ cấu đặt nhà máy sản xuất tại

Việt Nam như: Sam-A của Hàn Quốc hay một số công ty của Trung Quốc như: Công Ty TNHH ZHEN YUAN, Công ty TNHH Yeong Shing, Công Ty TNHH CHENG-FENG, Công Ty TNHH Dae Myung Chemical, Công Ty TNHH Capot



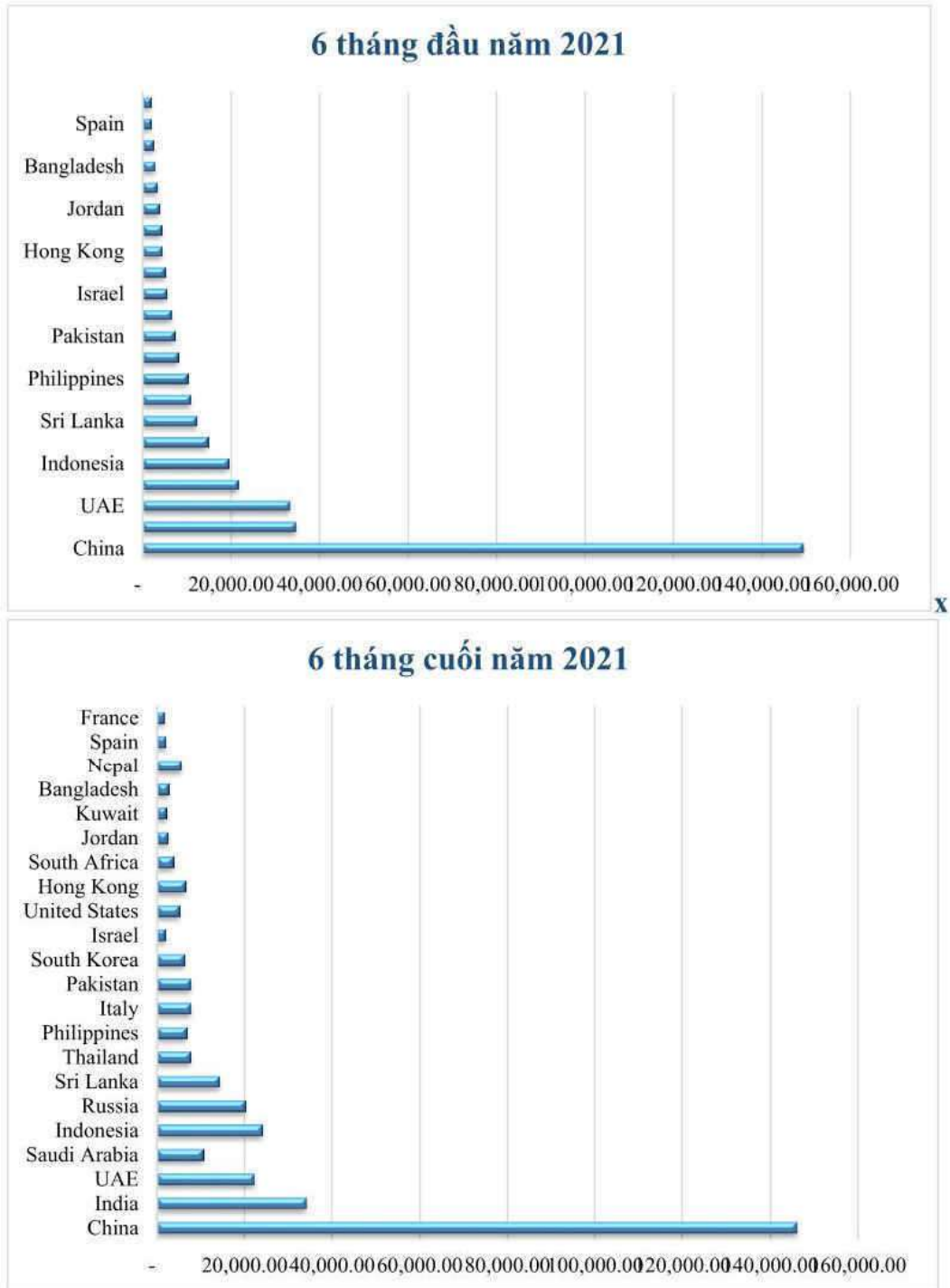
Vượt qua ảnh hưởng của dịch bệnh covid, CTCP Nhựa Pha Lê (PLP) vẫn ổn định và duy trì sản xuất 07 dây chuyền hiện có và nâng cao chất lượng sản phẩm bằng việc cải tiến công nghệ, hướng tới sự ổn định về chất lượng các mặt hàng hiện có và đầu tư nghiên cứu phát triển sản xuất, thử nghiệm các sản phẩm mới như Talc, PS... Sản phẩm Filler masterbatch của PLP sản xuất chủ yếu phục vụ cho ngành bao bì và ép khuôn. Đây cũng là ngành sản xuất chiếm tỉ trọng lớn trong ngành nhựa và sử dụng tỷ lệ Filler tương đối cao.

Nửa đầu năm 2021 có tất cả 49 doanh nghiệp xuất khẩu filler trong đó: 60% là các nhà sản xuất xuất khẩu và 40% là các công ty thương mại xuất khẩu. Đến nửa cuối năm 2021 thị trường FM Việt Nam chỉ còn 41 doanh nghiệp xuất khẩu filler, do có 07 doanh nghiệp không cạnh tranh được về giá nên đã ngừng xuất khẩu. Tổng sản lượng Filler Việt Nam xuất khẩu năm 2021 ước tính là 508.300 tấn. Trữ lượng 70% thuộc về top 10 các nhà xuất khẩu đầu ngành.

Top các thị trường nhập khẩu filler từ Việt Nam năm 2021:

Khu vực	Quốc gia	Sản lượng (tấn) 6 tháng đầu năm 2021	Sản lượng (tấn) 6 tháng đầu năm 2021
CHÂU Á	Trung Quốc	149.380,21	146.180,7
	Ấn Độ	34.688,10	34.200,63
	UAE	33.372,31	22.309,43
CHÂU ÂU	Nga	14.790,56	180.381,32
	Italy	8.055,65	7.846,30
CHÂU PHI	South Africa	4.360,82	3.783,10

Trong nửa cuối năm 2021 có sự chuyển dịch nhập khẩu từ các quốc gia Châu Âu, Nam Mỹ sang khu vực Châu Á (đặc biệt Nam Á)



TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG PHÀO NỆP SPC

Thị trường Ván sàn SPC thế giới và Việt Nam – Bản lề cho sự phát triển của Phào nẹp SPC

Giai đoạn 2015 – 2016 đánh dấu sự ra đời của ván sàn SPC, một loại ván lát sàn mới thay thế cho các loại vật liệu lát nền cũ trên thị trường. Ván sàn SPC đã có sự tác động mạnh mẽ ngay lập tức thay đổi xu hướng tiêu dùng trên toàn cầu vì loại sản phẩm này sở hữu những tính năng vượt trội hơn hẳn các loại ván sàn thông thường như: có tuổi thọ cao, lắp đặt dễ dàng, tốt cho sức khỏe con người, thân thiện với môi trường, không bắt cháy, không sợ nước hay mối mọt... Do đó, không chỉ người tiêu dùng mà các nhà phân phối vật liệu xây dựng lớn, các thương hiệu bán lẻ trên thế giới đều tìm kiếm những nguồn cung cấp những mặt hàng này từ các nhà sản xuất quy mô lớn trên phạm vi toàn cầu.

Tổng quan ngành công nghiệp lát sàn

Ngành công nghiệp lát sàn trên thế giới không ngừng tăng trưởng mạnh trong nhiều năm qua. Đạt tổng trị giá 324.26 tỷ USD vào năm 2017, dự kiến sẽ đạt 447.74 tỷ USD vào năm 2023 và 621.54 tỷ USD vào năm 2028, tỷ lệ tăng trưởng doanh thu hàng năm là 6.1%.

Về ứng dụng khu vực nhà ở chiếm hơn 50% thị phần toàn thị trường năm 2020. Thị trường lát sàn cho các dự án thương mại được kỳ vọng sẽ tăng trưởng trên 4.5% hàng năm cho đến năm 2024.

Năm 2019 là năm chứng kiến sự gia tăng mạnh mẽ của sản đá công nghệ SPC vào thị trường ván sàn Việt Nam. Sự hấp dẫn của loại ván sàn này phần lớn nằm ở khả năng chịu nước tuyệt đối bởi tính chất vật lý của nhựa giúp sàn có khả năng chống trọt với khí hậu nóng ẩm Việt Nam, điều mà các dòng sàn truyền thống khó đáp ứng được. Cũng chính vì điều này mà sản đá công nghệ SPC đã nhanh chóng chiếm trọn chỗ đứng khi vừa mới du nhập vào thị trường.

Sự tăng trưởng mạnh mẽ của sàn SPC

Hiện nay SPC đang tăng trưởng mạnh mẽ về giá trị doanh thu và chiếm thị phần từ hầu hết các sản phẩm cạnh tranh khác. Trung Quốc vẫn đang giữ hạng đầu là quốc gia thống trị trong xuất khẩu SPC. Mỹ vẫn là thị trường nhập khẩu hàng đầu cho mặt hàng ván sàn SPC



(Nguồn: Tài Liệu Hải Quan Việt Nam Xuất Khẩu, 2020)

Sản lượng xuất khẩu sang thị trường Bắc Mỹ chiếm hơn 74% tổng sản lượng xuất khẩu. Bắc Mỹ còn chiếm hơn 78% tổng giá trị xuất khẩu. Do đó, có thể thấy rằng Bắc Mỹ vẫn là thị trường số một cho sản phẩm sàn đá công nghệ SPC (hay LVT nói chung).

Nắm chắc xu thế phát triển

Trong một báo cáo của Vietnam Report cho thấy, thị trường ván sàn đã phát triển ổn định và đáp ứng tốt nhu cầu nội địa. Theo thống kê của Tổng cục điều tra dân số và nhà ở (UNFPA), năm 2020, tổng dân số của Việt Nam là 97,3 triệu dân, trong đó nhóm dân số trẻ chiếm tới 70% dân số. Đây là một lợi thế quan trọng trong việc chuyển đổi tư duy sử dụng sản phẩm truyền thống sang sản phẩm công nghệ mới như sàn đá công nghệ SPC.

Theo BMI, tốc độ tăng trưởng xây dựng nhà để ở (mảng tiêu thụ chính của gạch ốp lát) sau khi giảm tốc trong năm 2019 (5,8%) dự báo sẽ phục hồi trở lại trong giai đoạn 2020-2023 với tốc độ trung bình 7%/năm.

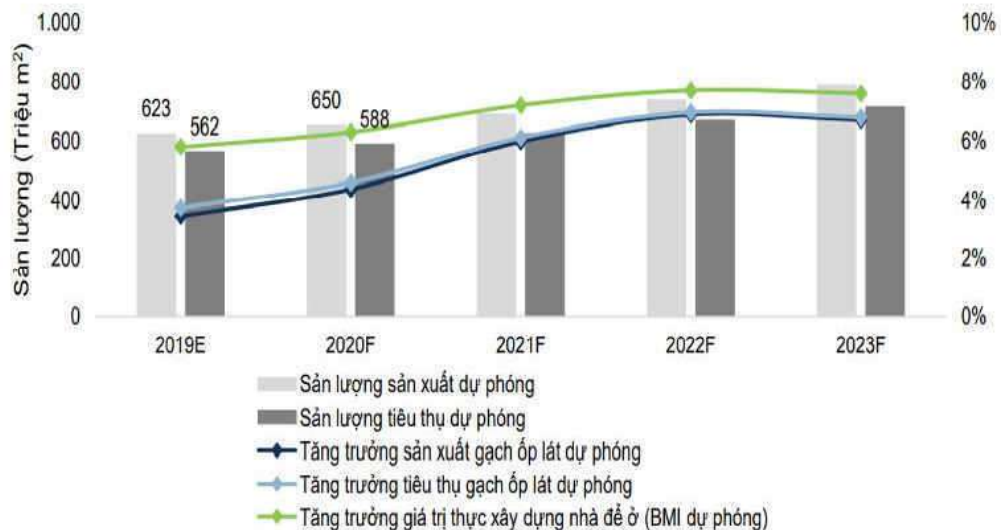
Bảng 12: BMI dự báo tăng trưởng xây dựng mảng nhà để ở và nhà không để ở 2019 – 2028

Chỉ số	2018e	2019e	2020f	2021f	2022f	2023f	2024f	2025f	2026f	2027f	2028f
Tăng trưởng thực giá trị xây dựng dân dụng	7,5%	7,8%	7,8%	7,8%	7,5%	7,2%	7,2%	7,1%	7,1%	7,0%	7,0%
Tăng trưởng thực giá trị xây dựng nhà để ở	7,5%	5,8%	6,3%	7,2%	7,7%	7,6%	7,5%	7,4%	7,5%	7,2%	7,3%
Tăng trưởng thực giá trị xây dựng nhà không để ở	7,6%	10,2%	9,5%	8,4%	7,1%	6,8%	6,9%	6,8%	6,6%	6,7%	6,6%

Nguồn: BMI Q42019 Infrastructure Report, FPTIS Research,

Sản lượng sản xuất và tiêu thụ ngành gạch ốp lát được dự báo đạt đỉnh năm 2022 với tỷ lệ tăng trưởng chỉ hơn 1%, sau đó giảm dần trong năm 2023. Trong khi đó, tỷ lệ tăng trưởng mảng xây dựng nhà để ở vẫn tăng đều ở tốc độ 7%.

Biểu đồ 50: Dự phóng sản lượng sản xuất & tiêu thụ ngành gạch ốp lát Việt Nam giai đoạn 2019 – 2023



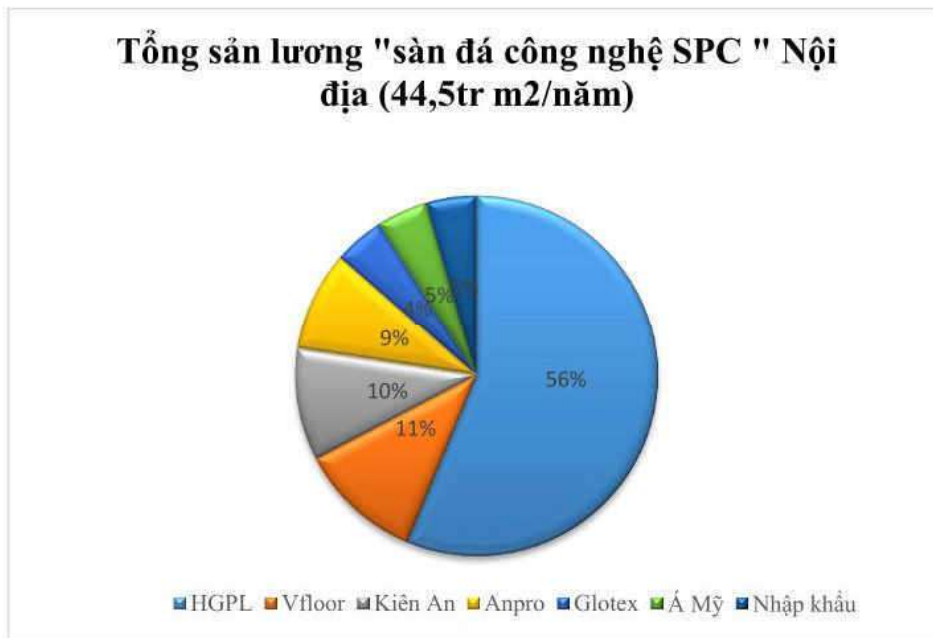
Nguồn: FPTIS Research.

Thị phần các ông lớn trong ngành sản xuất ván sàn SPC tại Việt Nam hiện nay

- ✓ Công ty cổ phần Hoàng gia Pha Lê (do Công ty CP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê sở hữu 51% cổ phần) - TOP 3 doanh nghiệp sản xuất sàn đá công nghệ SPC tại Việt Nam và Thế Giới. Sở hữu hệ thống sản xuất sàn đá công nghệ hiện đại công suất 26 triệu m2 sàn/năm – Doanh nghiệp duy nhất tại Việt Nam tự chủ nguồn cung ứng nguyên liệu chất lượng cao.
- ✓ Công ty cổ phần sản xuất Havitech sản xuất thương hiệu VFLOOR với sản lượng nhà máy đạt 5 triệu m2/năm;
- ✓ Công ty cổ phần nhựa Kiên An với 02 sản phẩm nổi bật là Tấm nhựa vân

đá cẩm thạch và Ván sàn hèm khóa composite đạt công suất 4,5 triệu m²/năm;

- ✓ Công ty cổ phần vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường: Với nhãn hiệu AnPro – nhãn hiệu vật liệu xây dựng nhựa kiến trúc công nghệ cao của An Phát Holdings (APH) đạt công suất trung bình 4 triệu m²/năm.
- ✓ Công ty cổ phần công nghệ Á Mỹ được xây dựng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc – cái nôi của ngành gốm sứ Việt Nam, đã từng dẫn dắt nhiều tập đoàn lớn trong ngành, với sản lượng SPC đạt 2 triệu m²/năm;
- ✓ Công ty cổ phần Wilson Việt Nam – một trong những nhà phân phối sản phẩm gạch công nghiệp hàng đầu Việt Nam hiện nay, với sản phẩm gạch nhựa hèm khóa SPC, Wilson Việt Nam đạt công suất 2 triệu m²/năm.



Có thể thấy, hiện nay các doanh nghiệp sản xuất loại vật liệu mới này đang có sự đầu tư lớn để phát triển sản phẩm. Trữ lượng có thể ngay lập tức đáp ứng thị trường hiện đạt 44,5tr m²/năm, cho thấy việc cung đang vượt mức cầu thị trường.

Tình hình xuất khẩu

Việt Nam tiếp tục được đánh giá là điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư ngoại, nhất là trong bối cảnh cuộc chiến thương mại Mỹ – Trung Quốc đang leo thang và chưa có điểm dừng. Thế nhưng, ngược lại với làn sóng vốn ngoại ồ ạt vào thị trường Việt Nam, các doanh nghiệp (DN) trong nước lại chưa tìm ra giải pháp hiệu quả để nắm giữ thị phần nội địa.

Chuỗi tăng trưởng xuất khẩu liên tục 10 năm qua của Việt Nam tạm dứt gãy do

Covid-19 bùng phát trên toàn cầu. Ngoài những doanh nghiệp đang cố gắng duy trì đơn hàng sẵn có, cũng xuất hiện doanh nghiệp thành công ngay lần đầu ra mắt thị trường Mỹ. Cuối tháng 6/2020, lô hàng Sản đá công nghệ SPC đầu tiên của Hoàng Gia Pha Lê đã xuất sang Mỹ. Sau 02 năm tích cực đầu tư, hệ thống dây chuyền SPC đã hoàn tất công tác đầu tư và vận hành 24 dây chuyền. Kỳ vọng của hệ thống này trong 2 năm tới sẽ dành được 1% thị phần của thị trường 30 tỷ đô của Bắc Mỹ.

Chưa dừng lại đó, những doanh nghiệp có tiềm lực xuất khẩu và vốn chi tập trung cho thị trường nước ngoài hiện cũng đang đối diện với nhiều rủi ro lớn. Bởi các nước nhập khẩu đang ráo riết thiết lập các rào cản thương mại về tiêu chuẩn, chất lượng, quy cách dán nhãn, thay đổi hình thức bao bì sản phẩm... Mỗi sự thay đổi về rào cản kỹ thuật sẽ tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất của doanh nghiệp bởi doanh nghiệp buộc phải điều chỉnh quy trình, công nghệ sản xuất, thậm chí thay đổi cả kế hoạch sản xuất, khiến tiêu tốn rất nhiều chi phí và giảm đáng kể năng lực cạnh tranh trên thị trường ngoại.

Thị trường Phào nẹp SPC – Miền đất hứa với nhiều tiềm năng

Sự ra đời tất yếu

Phào, nẹp SPC là những phụ kiện không thể thiếu khi thi công và hoàn thiện nội thất, đặc biệt là với sàn SPC. Đây là phụ kiện có chức năng che đi các khoảng trống giữa nở cho sàn khi hoàn thiện, đồng thời được sử dụng để trang trí giúp tăng tính thẩm mỹ cho nền lát sàn gỗ. Sản phẩm có các ưu điểm vượt trội so với phào, nẹp gỗ như chống mối mọt, cong vênh, chống nước, chịu nhiệt, chống cháy hoàn toàn, khả năng giữ màu tốt và chống biến dạng, va đập mạnh, có độ bền rất cao, không chịu ảnh hưởng của các yếu tố thời tiết. Chính vì vậy, khi ván sàn SPC ra đời với những ưu điểm nổi trội cũng là lúc mở toang cánh cửa đưa phào nẹp SPC đến tay người tiêu dùng.

Bất kì một công trình thi công ván sàn SPC nào cũng cần đến các loại phụ kiện như phào, nẹp, hèm U để đồng bộ hóa. Khi thị trường ván sàn SPC tăng trưởng, việc ra đời và phát triển phụ kiện ván sàn là điều tất yếu.

Cán cân cung cầu thiên lệch

Khi nhu cầu sử dụng sàn SPC đang gia tăng trên toàn thế giới, thì nguồn cung về phụ kiện ván sàn vẫn chưa đáp ứng được đà tăng để tạo cho mình một sân chơi riêng.

Theo số liệu điều tra thị trường cho thấy, hầu hết các quốc gia đều nhập khẩu Phụ kiện ván sàn SPC từ Trung Quốc. Đất nước tỷ dân vẫn cho thấy mình là một hình mẫu trong việc đón đầu xu thế phát triển của các ngành công nghiệp. Mặt hàng của họ được ưa chuộng do yếu tố giá thành rẻ, thời gian cung cấp nhanh...

Trong khi đó, tại Việt Nam, hơn khoảng 10 nhà sản xuất Ván sàn SPC nhưng hiện tại chỉ có 01 đến 02 đơn vị tập trung đầu tư cho mặt hàng này, trong đó phải kể đến Công ty CP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê. Với tệp khách hàng quốc tế sẵn có với sản lượng mua ván sàn SPC hàng triệu m²/ năm cùng với thị trường nội địa đang chờ khai phá, hứa hẹn sẽ mang đến nhiều đột phá cho Nhựa Pha Lê trong thời gian tới.

Động lực cho sự phát triển

Nhu cầu về nội thất nói chung và ván lát sàn – phụ kiện phào nẹp ván lát sàn nói riêng trong những năm gần đây liên tục ghi nhận những sự tăng trưởng đáng kể. Song song với đó, diễn biến phức tạp của đại dịch đã và đang góp phần khiến mỗi con người đều mong muốn được trở về gần hơn với tổ ấm. Thời gian ở nhà tăng lên

kiến ngôi nhà và nội thất trong nhà giữ vai trò ngày càng quan trọng trong đời sống hiện đại. Trích dẫn tạp chí FCW 2020:

“Đại dịch covid khiến các nhà máy sản xuất phải đóng cửa, các nhà bán lẻ đóng cửa và khách hàng ngừng chi tiêu. Trong khi đó, hoạt động xây dựng mới và tu sửa, sửa chữa được chỉ định là cần thiết. Đây là điểm sáng duy nhất của ngành sản phẩm. Tuy nhiên, ảnh hưởng chung của việc ngừng hoạt động là nhu cầu giảm hai con số vào tháng 4 và tháng 5 ”

“Ít nơi tiêu tiền, tỷ lệ tiết kiệm tăng vọt. Chi tiêu để xây dựng những ngôi nhà mới dành cho một gia đình và xây dựng cải tạo cho chủ nhà vẫn tăng mạnh vì đây là những hoạt động thiết yếu. Những xu hướng tích cực này sẽ được theo sau bởi sự gia tăng doanh số bán nhà hiện có và các dự án tu sửa và thay thế bổ sung khi nền kinh tế tăng trưởng mạnh. ”

“Đồng thời, các hộ gia đình có thể có động lực để nâng cấp nhà ở của mình khi họ lấy lại sự tự tin sau nhiều tháng nhìn sàn và đồ đạc đã cũ và nay đã cũ hơn nhiều. Người tiêu dùng sẽ tìm cách tạo không gian làm việc tại nhà, sửa sang lại nhà bếp và mở rộng các khu vực giải trí tại nhà vì lo ngại về virus corona sẽ khiến họ có nhiều thời gian hơn ở nhà ”- FCW 2020

Dựa trên các cơ sở:

- ✓ Xu hướng sử dụng sản phẩm sản nhiều lớp công nghệ cao
- ✓ Chuỗi cung ứng của Mỹ đang bị gián đoạn và không thể đáp ứng được nhu cầu thị trường do: dịch bệnh Covid-19 và chiến tranh thương mại Mỹ-Trung khiến Mỹ áp thuế 25% với các sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc
- ✓ Nhu cầu remodeling lại nhà của người Mỹ tăng đột biến do có nhiều thời gian rảnh rỗi ở nhà.

Đây là cơ hội tốt cho việc cung ứng SPC và các phụ kiện SPC cho Mỹ, nhanh chóng cạnh tranh với các nhà sản xuất quốc tế để giành thị phần.

Những người tiêu dùng trong độ tuổi từ 35 đến 54 đang là phân khúc khách hàng đóng góp doanh thu nhiều nhất. Bên cạnh đó, những người trẻ tuổi mới đi làm thường có xu hướng chi tiêu nhiều hơn vào việc xây dựng phong cách, lối sống thể hiện qua việc bài trí nội thất trong căn hộ. Dự báo số người dưới 35 tuổi quan tâm tới việc cải tạo, tân trang nhà cửa cũng như thay thế, sửa chữa nội thất sẽ tiếp tục tăng mạnh trong những năm sau.

Sự tăng trưởng vượt bậc và được dự báo là vẫn còn tiếp tục phát triển mạnh mẽ của ngành hàng này, đặc biệt trong giai đoạn dịch bệnh diễn biến phức tạp, có thể được lý giải dựa vào những lý do sau:

- ✓ Việc mua căn hộ cũ và tu sửa lại trước khi chuyển vào luôn được người tiêu dùng chú trọng, nhằm mục đích tạo cảm giác mới mẻ đồng thời loại bỏ những hòng hóc và bất cập hiện có của ngôi nhà.
- ✓ Sự gia tăng của lãi suất mua nhà và giá trị bất động sản đã khiến người dân chi tiêu vào việc sửa sang nhà cửa hơn là chi số tiền lớn để mua nhà mới.
- ✓ Văn hóa tự làm (DIY) đang ngày càng phổ biến trên khắp thế giới với sự hỗ trợ của chuyên gia thông qua các video Youtube, các khóa học chuyên nghiệp và các bộ tool-kit để sử dụng sẵn có.

Thị trường tiêu thụ ván sàn – phụ kiện phào nẹp ván sàn của Việt Nam đang được đánh giá là có tiềm năng cực kỳ lớn. Nhu cầu ván sàn – phụ kiện phào nẹp ván sàn của thị trường trong nước rất cao.

Tốc độ tăng dân số CAGR của Việt Nam đạt 1,14% tới năm 2025, đi kèm với đó là tốc độ CAGR của mức tăng diện tích sàn nhà ở trong giai đoạn này đạt 1,61%. Diện tích sàn nhà tới năm 2025 dự kiến tăng từ 66 triệu m² tới 71,24 triệu m² mỗi năm. Trong đó, nhu cầu về ván sàn nói riêng tăng từ 27 đến hơn 29 triệu m². Với tỷ lệ phụ kiện phào nẹp ván sàn bằng khoảng 60% diện tích ván sàn thì dự kiến nhu cầu của phụ kiện phào nẹp ván sàn cũng sẽ tăng từ 16,2 đến 17,4 triệu m². Ngành xây dựng tăng trưởng mạnh trong năm 2021 với mức tăng trưởng tăng trưởng khoảng 7,23% và còn tiếp tục tăng trong tương lai. Đây sẽ là cơ hội để các doanh nghiệp ván sàn nói chung và cung cấp sản gỗ công nghiệp nói riêng tìm kiếm cơ hội kinh doanh, mở rộng thị trường và phát triển hơn nữa.

PHẦN III
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2021

ĐÁNH GIÁ CHUNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm 2021 là năm đầu tiên thực hiện định hướng phát triển của Công ty giai đoạn 2021-2025, theo đó hoạt động của Công ty được mở rộng ra các lĩnh vực khác ngoài sản phẩm truyền thống là Filler Materbatch và khai thác tài nguyên. Cùng với việc chính thức sở hữu 51% cổ phần tại CTCP Hoàng Gia Pha Lê, doanh thu thuần năm 2021 được hợp nhất thành 2.500 tỷ đồng, tăng 43% so với doanh thu năm 2020. Lợi nhuận sau thuế đạt 122 tỷ đồng, tăng gần 3 lần so với năm trước.

Dvt: Triệu đồng

Chi tiêu	2020	2021	Tỷ trọng		Thay đổi (%)
			2020	2021	
Tổng doanh thu	1,789,016	2,498,347			40%
Doanh thu thuần về bán hàng	1,786,074	2,412,715	99.84%	96.57%	35%
Doanh thu tài chính	2,359	84,724	0.13%	3.39%	3491%
Thu nhập khác	583	908	0.03%	0.04%	56%
Tổng chi phí	1,746,337	2,379,959			36%
Giá vốn hàng bán	1,628,631	2,157,705	93.26%	90.66%	32%
Chi phí tài chính	61,582	87,609	3.53%	3.68%	42%
Chi phí BH, QLDN	54,187	132,158	3.10%	5.55%	144%
Chi phí khác	1,937	2,487	0.11%	0.10%	28%
Lợi nhuận gộp	157,443	255,010			62%
Lợi nhuận trước thuế	42,680	124,403			191%
Thuế TNDN	2,882	2,229			-23%
Lợi nhuận sau thuế	39,798	122,174			207%

Hoạt động kinh doanh năm 2021 ảnh hưởng bởi các yếu tố chính:

- (i) Diễn biến dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp và bắt đầu ảnh hưởng mạnh đến Việt Nam. Giai đoạn tháng 05-12/2021 là giai đoạn rất khó khăn với Công ty khi các

địa phương có cơ sở hoạt động của Công ty như Đồng Nai, Hải Phòng, Nghệ An và Hà Nội chịu tác động nặng nề của đại dịch, khiến cho hoạt động sản xuất trở nên khó khăn.

- (ii) Chuỗi cung ứng toàn cầu, đặc biệt là các tuyến đường biển đến những thị trường xuất khẩu chính của công ty. Cước biển một số tuyến như Châu Mỹ, Châu Âu tăng hơn 10 lần so với năm 2020 khiến việc bán hàng trở nên khó khăn, cùng với nhịp tăng công suất đầu tư đồng loạt của các nhà máy sản xuất Filler trong nước khiến cho biên lợi nhuận sụt giảm.

Theo đặc điểm của các ngành sản xuất vật liệu trung gian thông thường, biên lợi nhuận có xu hướng giảm dần do sự tham gia của các nhà đầu tư mới cũng như việc tăng năng suất của đối thủ cạnh tranh. Tuy nhiên, nhờ quá trình phát triển sản phẩm mới là sản phẩm công nghệ Hoàng Gia Pha Lê (SPC) tại liên doanh CTCP Hoàng Gia Pha Lê, hiệu quả hoạt động sản xuất chung của công ty vẫn được đảm bảo, biên lợi nhuận gộp duy trì ở mức 16,7% doanh thu. Trong khi đó, biên lợi nhuận gộp của mảng thương mại tiếp tục giữ ổn định.

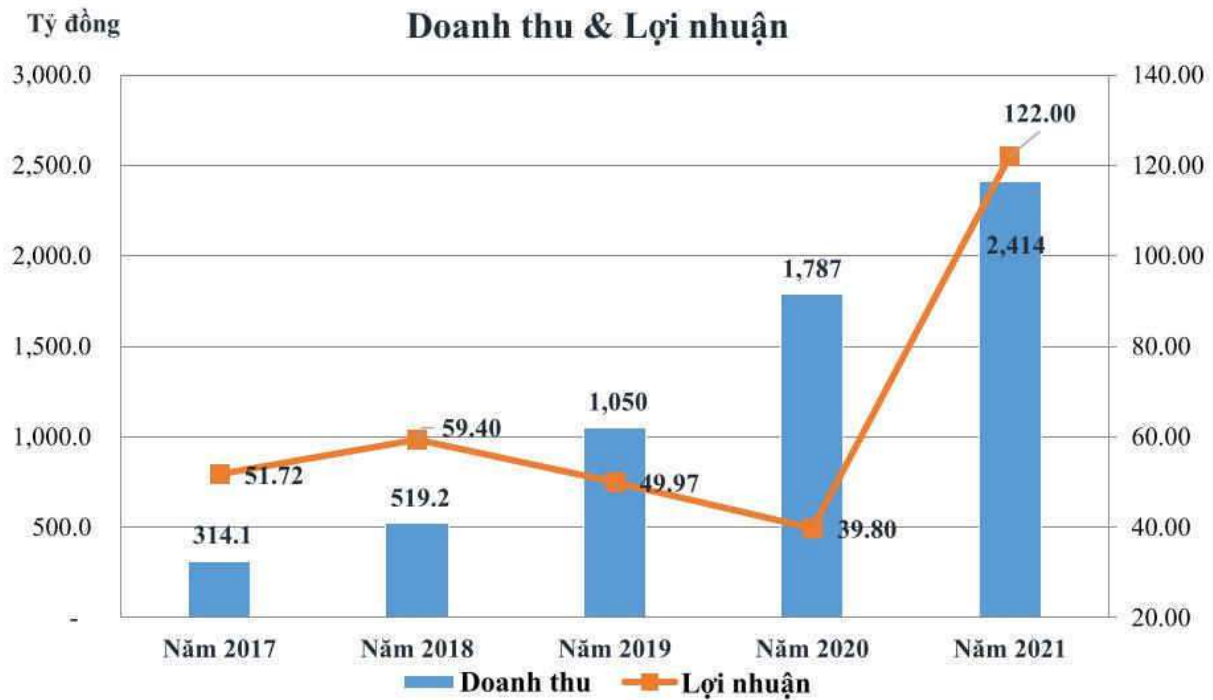
Dvt: Triệu đồng

	2019	2020	2021
Doanh thu	1.050.453	1.787.468	2.412.715
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>539.512</i>	<i>884.375</i>	<i>1,427,624</i>
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>510.942</i>	<i>903.093</i>	<i>985,091</i>
Giá vốn	923.206	1.628.631	2.157.705
<i>Thành phẩm</i>	<i>420.687</i>	<i>738.320</i>	<i>1,189,142</i>
<i>Hàng hóa</i>	<i>502.519</i>	<i>890.311</i>	<i>968,563</i>
Tỷ suất LN gộp	12,1%	8,9%	10,6%
<i>Thành phẩm</i>	<i>22,0%</i>	<i>16,5%</i>	<i>16,7%</i>
<i>Hàng hóa</i>	<i>1,6%</i>	<i>1,4%</i>	<i>1,7%</i>

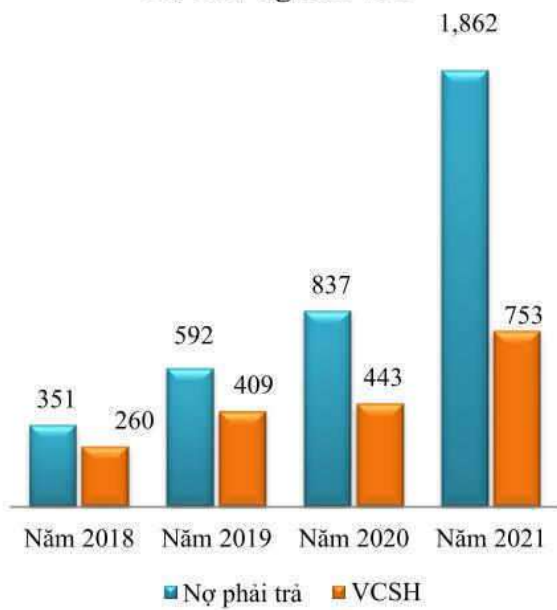
Do dịch Covid tiếp tục ảnh hưởng đến tiến độ thanh toán của đối tác, năm 2021 công ty đã phải tăng vay ngắn hạn để bổ sung nguồn vốn lưu động, đẩy chi phí tài chính tăng cao, khiến kết quả kinh doanh không đạt được như kỳ vọng ban đầu.

Nhìn chung, hoạt động kinh doanh chính của Công ty năm 2021 đã bước đầu cho thấy hiệu quả của định hướng chuyển dịch từ khai thác và bán nguyên liệu thô sang chế biến sâu, hướng đến các sản phẩm bán đến tận tay người tiêu dùng. Khi sản phẩm Filler có dấu hiệu chậm lại

theo chu kỳ, sản phẩm SPC mới hình thành tập trung thị trường xuất khẩu 95% vào Mỹ đã tạo ra hướng đi mới cho Công ty giai đoạn 2021-2025.



Tổng tài sản của Công ty năm 2021 tiếp tục tăng trưởng mạnh nhờ việc hợp nhất với công ty con là CTCP Hoàng Gia Pha Lê. Nhà máy Đồng Nai của CTCP Hoàng Gia Pha Lê có tổng mức đầu tư 350 tỷ đồng, mang lại doanh thu lên tới hơn 2.000 tỷ đồng. Với việc đầu tư thêm nhà máy mới, tài sản dài hạn công ty tăng thêm gần 500 tỷ đồng năm 2021. Tài sản ngắn hạn của Công ty cũng tăng từ 771 tỷ đồng năm 2020 lên 1.643 tỷ đồng năm 2021.

Cơ cấu nguồn vốn

Do quá trình tăng vốn của Công ty chưa được UBCKNN chấp thuận, việc đầu tư nhà máy cũng như phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn được tài trợ chủ yếu từ vốn vay. Công ty đang huy động vốn vay từ ngân hàng, trong đó tập trung vay ngắn hạn để tài trợ vốn lưu động. Doanh thu tăng cao khiến nhưng nhu cầu về dòng tiền để thanh toán cho nhà cung cấp cũng tăng theo, dẫn tới phát sinh tăng nhu bù đắp vốn lưu động thiếu hụt. Đầu năm 2022, Công ty đã được UBCK chấp thuận việc phát hành tăng vốn lên thêm 200 tỷ đồng và đang xin chấp thuận tăng vốn thêm 100 tỷ đồng nữa để bổ sung vốn lưu động. Kỳ vọng khi hoạt động

kinh doanh đi vào ổn định, Công ty dùng nguồn lợi nhuận để lại để bổ sung hoạt động, từ đó giảm vay ngân hàng và giảm bớt gánh nặng tài chính.

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ 2021

- ❖ **Nhà máy sản xuất sàn đá công nghệ SPC – Nhơn Trạch Đồng Nai**
- ✓ Hoàn tất thủ tục góp vốn liên doanh vào Công ty CP Hoàng Gia Pha Lê .
- Liên doanh đã hoàn tất thủ tục xin cấp Chứng nhận đầu tư mới cho dự án xây dựng Nhà máy sản xuất sàn đá công nghệ SPC với công suất 12 triệu m²/ năm với tổng mức đầu tư dự án là 350 tỷ đồng. Sản phẩm sàn đá công nghệ SPC có đặc tính ưu việt như chống cháy, chống mài mòn, trầy xước, chống trơn trượt, chịu nước, và độ ẩm 100%, do được cấu thành từ Poly Vinyl Clorua (PVC) nguyên sinh và bột đá nano siêu mịn, đồng thời sử dụng công nghệ khoá hèm vượt trội của Bỉ (Unilin Uniclic), giúp việc lắp đặt được dễ dàng, thuận tiện. Đặc biệt hơn, lớp màng Vinyl trắng trong cùng với lớp phủ chống tia UV trên bề mặt giúp ván sàn vĩnh viễn không bay màu.
- ✓ Hệ thống máy móc thiết bị đã được lắp đặt hoàn thiện, nhà máy được khánh thành trong Quý 2/ 2020.
- ❖ **Dự án Khu nhà ở thương mại Cao Xanh Hà Khánh A**
- ✓ Hoàn tất thủ tục góp vốn liên doanh vào Công ty CP Thương mại và Du lịch Tân Việt An.
- ✓ Liên doanh đã được Cấp phê duyệt TMB tỷ lệ 1/500 điều chỉnh nâng quy mô công trình. Dự án có quy mô tổng mức đầu tư gần 1.000 tỷ đồng, có vị trí đắc địa tại khu đô thị Cao Xanh – Hà Khánh A, gần cầu Cửa Lục 2 chuẩn bị xây dựng nối 2 bên bờ vịnh Cửa Lục. Dự án bao thực hiện trên lô đất rộng 3.500 m², bao gồm 1 tòa chung với tổng diện tích sàn xây dựng 50.000 m².
- ✓ Dự án dự kiến khởi công trong Quý 4/ 2022 hoàn thành đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2024.
- ❖ **Mỏ đá Lèn Minh Cẩm – Tuyên Hóa Quảng Bình**
- ✓ Hoàn tất thủ tục góp vốn liên doanh vào Công ty cổ phần Khoáng sản Minh Cẩm
- ✓ Công ty CP KS Minh Cẩm đã hoàn tất thủ tục xin cấp giấy phép khai thác với tổng diện tích khai thác và khai trường là 4 hecta . Trữ lượng địa chất là 1.348.068 m³, thời hạn khai thác đến tháng 6/ 2043.
- ✓ Việc sở hữu quyền khai thác tại mỏ đá Minh Cẩm thông qua việc mua lại cổ phần của CTCP Khoáng sản Minh Cẩm, công ty đã phát huy lợi thế trong lĩnh vực cốt lõi là khai thác và chế biến khoáng sản, hướng tới mở rộng quy mô sản xuất đáp ứng nguồn nguyên liệu cho các nhà máy sản xuất ván sàn SPC, đồng thời gia tăng lợi nhuận cho Nhựa Pha lê.
- ✓ Đầu năm 2022 dự án đã hoàn thiện các thủ tục pháp lý để có thể chính thức đi vào hoạt động, dự kiến Quý 4/2022 sẽ bắt đầu nổ mìn và cho khai thác những moong đá đầu tiên của mỏ.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,07	0,95
Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,67	0,61
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)			
Nợ/Tổng tài sản	%	65%	71%
Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	189%	247%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho bình quân	lần	6,72	5,25
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	lần	1,56	1,24
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,23%	5,06%
Lợi nhuận sau thuế/VCSH	%	8,97%	16,21%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	3,11%	4,67%
Lợi nhuận SXKD/Doanh thu thuần	%	2,47%	5,22%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/ cổ phiếu)		995	2.871

Nguồn: tính toán từ BCTC kiểm toán năm 2020, 2021

Tình hình công nợ phải thu*Đơn vị: đồng*

KHOẢN MỤC	31/12/2020	31/12/2021
Phải thu ngắn hạn	437,994,454,997	839,605,909,442
Phải thu khách hàng	313,256,587,265	764,549,041,528.0
Trả trước cho người bán	7,662,875,084	28,450,091,572.0
Phải thu về cho vay		
Phải thu khác	117,864,924,178	48,337,776,082.0
Dự phòng phải thu khó đòi	(789,931,530)	(1,730,999,740)
Phải thu dài hạn	2,419,893,187	2,528,780,532
Phải thu khác	2,419,893,187	2,528,780,532
Tổng cộng	440,414,348,184	842,134,689,974

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020,2021)

Với đặc thù chu kỳ vòng tiền mất từ 6-8 tháng, khi doanh thu tăng trưởng, vốn lưu động đặc biệt là khoản phải thu và tồn kho cũng tăng. Do thực hiện chính sách tài trợ thương mại cho khách hàng, công ty phải tự bỏ tiền ra để mua nguyên vật liệu phục vụ sản xuất đảm bảo giao hàng đúng hạn giúp tăng cường uy tín, khả năng cạnh tranh. Ngoài ra, tình trạng ách tắc hàng hóa tại cảng biển do ảnh hưởng của dịch COVID-19; thời gian quay vòng một container kéo dài do chính sách kiểm dịch tại các quốc gia; nhiều công nhân xếp dỡ tại cảng lại nghỉ do nhiễm dịch bệnh, năng suất giải phóng hàng hóa không đảm bảo, nhiều tàu phải xếp hàng chờ dài mới vào được cảng; tình trạng hủy chuyến, hoãn chuyến xảy ra thường xuyên. Do vậy, giá trị các khoản phải thu của Nhựa Pha Lê năm 2021 tăng 192% so với năm 2020.

Tình hình công nợ phải trả*Đơn vị: VND*

KHOẢN MỤC	31/12/2020	31/12/2021
Tổng nợ ngắn hạn	717,649,902,939	1,723,180,932,288
Phải trả người bán	68,537,117,902	387,071,398,554
Người mua trả tiền trước	193,410,253	15,147,417,175
Thuế và các khoản phải nộp NN	2,540,592,287	4,890,112,839
Phải trả người lao động	2,102,480,000	5,774,691,095
Chi phí phải trả	5,910,335,492	22,624,612,996
Phải trả phải nộp khác	3,663,800,804	55,945,072,570
Vay & nợ thuê tài chính ngắn hạn	625,601,758,044	1,222,794,371,789
Dự phòng phải trả	441,895,411	
Quỹ khen thưởng phúc lợi	8,658,512,746	8,933,255,270
Tổng nợ dài hạn	119,882,532,513	139,470,568,530
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	119,882,532,513	139,289,699,779
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		180,868,751
Tổng cộng	837,532,435,452	1,862,651,500,818

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020, 2021)

Doanh thu tăng trưởng, tuy nhiên trong bối cảnh dịch bệnh Covid đang diễn ra, giá dầu biến động mạnh, lường trước những yếu tố ảnh hưởng đến giá nguyên vật liệu đầu vào để chủ động nguồn nguyên vật liệu, tránh để biến động giá/ đứt gãy nguồn cung nguyên vật liệu đầu vào ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh, Công ty phải tăng lượng hàng tồn kho tối thiểu. Ngoài ra, một hoạt động mới của Pha Lê là sản xuất phào, nẹp - sản phẩm phụ trợ của sản đá công nghệ SPC bắt đầu được triển khai từ tháng 10/2021. Các nguyên nhân trên làm tăng giá trị tổng nợ phải trả của công ty từ 838 tỷ đồng cuối năm 2020 lên hơn 1.862 tỷ đồng năm 2021.

PHẦN IV
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I./ Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị

- ✚ Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê trong năm 2021 có 03 thành viên (1 thành viên từ nhiệm, 1 thành viên bầu bổ sung), trong đó có 02 thành viên Hội đồng quản trị điều hành, 01 thành viên Hội đồng quản trị độc lập.
- ✚ HĐQT đã tuân thủ nghiêm túc và thực hiện đầy đủ công việc theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, giám sát Ban TGD thực hiện tốt và kịp thời những yêu cầu của cổ đông như tổ chức, phân công HĐQT, tổ chức họp định kỳ các cuộc họp HĐQT, tương tác thường xuyên với Ban kiểm soát, tiếp xúc và thông tin định kỳ với Nhà đầu tư.
- ✚ Trong năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 13 buổi họp. Các cuộc họp đều đã được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp. Biên bản các cuộc họp HĐQT được lập đảm bảo đúng hình thức theo quy định của pháp luật; hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các thành viên tham dự họp để tham khảo, nghiên cứu trước theo đúng quy định của Điều lệ.
- ✚ HĐQT tiếp nhận các ý kiến đề xuất của BTGD, chất vấn để làm rõ và đáp ứng kịp thời những nhu cầu về nguồn nhân lực, sự thay đổi chính sách kinh doanh, nhu cầu đầu tư mở rộng, chính sách với người lao động nhằm tạo động lực phát triển tốt nhất cho Công ty.

II./ Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

- Năm 2021 là một năm phục hồi mạnh của nhiều nền kinh tế sau khi đã trải qua một năm tăng trưởng âm do chịu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19. Với việc nhiều loại vắc xin được phê duyệt đưa vào sản xuất, có mặt trong các chương trình tiêm chủng quốc gia đã phần nào làm hạn chế đi ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, từ đó các quốc gia có thể thực hiện những chính sách mở cửa cho nền kinh tế, thực hiện chính sách miễn dịch cộng đồng tạo điều kiện thuận lợi cho việc phục hồi. Các nền kinh tế lớn trên thế giới như Mỹ, Trung Quốc, EU, ... đều ghi nhận số liệu tăng trưởng dương trong năm 2021. Tuy nhiên, các số liệu lại đang không cho thấy sự tăng trưởng bền vững. Áp lực về lạm phát dự kiến sẽ gia tăng, thương mại toàn cầu tiếp tục gặp khủng hoảng khi mà các chuỗi cung ứng hàng hóa thiết yếu tiếp tục bị đứt đoạn khi mà đại dịch chưa được kiểm soát hoàn toàn. Dẫn đến giá cả của hàng hóa sẽ tăng cao trong thời gian dài. Với bối cảnh khách quan nói trên, Hội đồng quản trị Công ty CP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê đã chủ động nhận định, phân tích đúng tình hình, kịp thời đề ra các mục tiêu, linh hoạt đề ra các định hướng phù hợp với tình hình thực tế

để vừa tối ưu hóa nguồn lực của mình, vừa tận dụng kịp thời và tối đa các cơ hội kinh doanh mới được tạo ra do những thay đổi cả khách quan và chủ quan của môi trường kinh doanh.

- Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ và đem lại hiệu quả cho Công ty. Các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, giám sát chiến lược, quản trị rủi ro, nhân sự và lương thưởng đã được thực thi mang tính chuyên nghiệp. Về phương diện cá nhân, các thành viên Hội đồng quản trị đều đã chủ động và tích cực thực thi trách nhiệm của mình một cách chuyên nghiệp, có đóng góp thiết thực và hiệu quả vào thành tích chung của doanh nghiệp.
- Nhìn chung, hoạt động sản xuất Filler của Công ty vẫn tiếp tục có sự tăng trưởng nhưng hiệu quả mang lại không thực sự cao và không đạt được đúng như kỳ vọng. Một phần lý do bởi sự biến động mạnh của giá nguyên vật liệu đầu vào (hạt nhựa nguyên sinh, phụ gia, ...) cùng với giá cước biển liên tục tăng trong giai đoạn cuối năm đã khiến cho việc kinh doanh của công ty gặp khó khăn. Tuy nhiên, nhờ vào định hướng đúng đắn khi phát triển sản phẩm mới – sản đá công nghệ SPC – kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty có những bước tăng trưởng ấn tượng với doanh thu đạt hơn 2.400 tỷ đồng, tăng 35 % so với năm 2020. Lợi nhuận sau thuế đạt hơn 122 tỷ đồng, tăng hơn 3 lần so với năm 2020. Đây được xem là hướng đi mới cho Công ty trong những năm tiếp theo.

2. Đánh giá công tác đầu tư và tình hình thực hiện các dự án đầu tư

- Các dự án đã được đầu tư trong giai đoạn năm 2019-2020 đã bước đầu đi vào hoạt động, cụ thể:

Hoàn thiện pháp lý các dự án bất động sản

- Trong năm 2021, thị trường bất động sản tại Quảng Ninh tiếp tục có những diễn tiến mạnh và hấp dẫn các nhà đầu tư khi biên độ sinh lời đang không ngừng tăng lên. Thực tế cũng cho thấy nhà đầu tư các dự án bất động sản đang dần "hái quả ngọt" khi giá trị bất động sản tăng trưởng mạnh mẽ, hiệu quả khai thác kinh doanh nhìn thấy rõ rệt. Với tiềm năng phát triển của thị trường bất động sản Hạ Long, việc sở hữu cổ phiếu tại CTCP Xây dựng Hạ Long hứa hẹn sẽ mang lại cho Công ty nguồn lợi nhuận lớn trong những năm tiếp theo. Ngoài ra, nhằm tới tiềm năng phát triển của bất động sản Quảng Ninh, công ty đã thực hiện mua cổ phần của CTCP Thương Mại và Du lịch Tân Việt An. CTCP Thương Mại và Du lịch Tân Việt An đang là chủ sở hữu của các dự án bất động sản lớn trên địa bàn.

✦ Đẩy mạnh đầu tư mảng kinh doanh cốt lõi: công nghệ vật liệu ứng dụng trong lĩnh vực vật liệu xây dựng

- Là nước có tiềm năng khoáng sản đa dạng, nhưng với hiện trạng khai thác và chế biến khoáng sản, bao gồm cả các mỏ đá trắng trong thời gian qua, Việt Nam có thể rơi vào “Lời nguyền tài nguyên” hay “Cái bẫy tài nguyên” mà nhiều quốc gia giàu tài nguyên ở Châu Phi đã mắc phải. Đây là hiện tượng các nền kinh tế giàu tài nguyên thiên nhiên có xu hướng phát triển chậm hơn những nền kinh tế không có các tài nguyên thiên nhiên đáng kể. Để tránh rơi vào tình trạng này, Chính phủ Việt Nam đã có những chính sách kịp thời và hợp lý, tập trung chế biến sâu các sản phẩm thuộc về tài nguyên đồng thời siết chặt xuất khẩu khoáng sản thô, giúp tăng cao giá trị sản phẩm, tăng nguồn thu cho ngân sách, giảm thiểu thất thoát tài chính cũng như tài nguyên. Thực hiện theo định hướng phát triển chung của nền kinh tế, ngày 21/04/2018, Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê đã phê chuẩn chiến lược phát triển dài hạn của Công ty là dần chuyển dịch từ sản phẩm khoáng sản và hạt nhựa sang các sản phẩm chế biến sâu, đặc biệt tập trung vào lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng nhằm đa dạng hóa ngành nghề nhưng vẫn gắn với giá trị cốt lõi là các sản phẩm từ mỏ đá.
- Từ năm 2019 Công ty đã liên kết với các đối tác góp vốn thành lập CTCP Hoàng Gia Pha Lê nhằm thực hiện dự án đầu tư dây chuyền sản xuất sản phẩm sàn đá công nghệ SPC. Sàn đá công nghệ SPC là tên viết tắt tiếng anh của Stone Plastic Composite. Đây là một loại vật liệu dùng để lát sàn, khắc phục các nhược điểm và thay thế các sản phẩm truyền thống như sàn nhựa, sàn LVT, sàn gỗ tự nhiên,.....và đang được xem là vật liệu thế hệ mới thông minh nhất hiện nay trên thị trường. Dự án sản xuất sàn đá công nghệ SPC đã được đưa vào vận hành từ cuối năm 2020, đi vào vận hành ổn định trong năm 2021. Trong năm 2021, nhà máy SPC số 2 tại Hải Phòng cũng đã xây dựng hoàn thiện và chính thức đi vào hoạt động, song song với nhà máy SPC số 1 tại Nhơn Trạch – Đồng Nai. Con số doanh thu đem lại trong 9 tháng năm 2021 là xấp xỉ 700 tỷ doanh thu. Đây là một con số rất đáng mừng khi mà dự án mới đưa vào vận hành được một năm và trong điều kiện dịch bệnh covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp cũng như tình hình vận chuyển đường biển đang có những diễn biến khó lường về giá cước.
- Nhìn nhận được những tiềm năng to lớn của dự án ván sàn SPC về cả thị trường lẫn lợi nhuận, Hội đồng Quản trị đã quyết định nâng tỷ lệ sở hữu tại Hoàng Gia Pha Lê, từ đó có thể kiểm soát và điều phối hoạt động của doanh nghiệp này nhằm thống nhất với chính sách phát triển chung của toàn công ty. Việc sở hữu Hoàng Gia Pha Lê cũng giúp cho công ty tìm kiếm đầu ra mới, mở rộng hệ thống sản phẩm có giá trị gia tăng trong chuỗi các sản phẩm chế biến từ đá CaCo₃ được khai thác tại mỏ đá Nghệ An.

- Ngoài ra, trong công ty cũng thực hiện việc đưa vào thị trường sản phẩm mới là hệ thống các phụ kiện SPC (Phào, nẹp), với mục đích là mở rộng thị trường, đa dạng hóa nguồn sản phẩm cũng như tìm đầu ra cho nguồn nguyên liệu đang được khai thác ở mỏ đá của công ty. Ván sàn SPC là sản phẩm của công nghệ cao cấp, mang nhiều đặc tính ưu việt như: bền, chống nước, chống cháy, không cong vênh co ngót, đây cũng là xu hướng ván sàn mới trên toàn cầu. Để hỗ trợ cho tấm ván sàn SPC, công ty đã tận dụng những công nghệ tiên tiến cũng như kinh nghiệm nhiều năm trong việc nghiên cứu các sản phẩm Nhựa cũng như nguồn nguyên liệu đá từ chính những mỏ đá đang được khai thác tại Nghệ An để đưa vào thị trường các sản phẩm phụ kiện SPC (Phào, nẹp). Công ty tin tưởng rằng với bộ đôi sản phẩm ván sàn SPC và phụ kiện SPC chắc chắn sẽ có thể phát triển mạnh trong những năm tới.

3. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Điều hành

- ✚ Đội ngũ BDH và các cán bộ quản lý đã thể hiện trách nhiệm cao trong việc điều hành, đã chủ động các phương án ứng phó với các tình huống xảy ra vì vậy kết quả hoạt động kinh doanh, lợi nhuận năm 2021 của công ty đều có sự tăng trưởng so với năm 2020.
- ✚ BDH đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm, báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh một cách đầy đủ, minh bạch. Ban Điều hành đã tuân thủ các yêu cầu về trình và xin ý kiến các nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị tại các cuộc họp Hội đồng Quản trị định kỳ và đột xuất.
- ✚ Việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban Điều hành thực hiện theo đúng quy định tại điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị công ty.
- ✚ Ngoài ra, Hội đồng quản trị cũng đánh giá cao công tác điều hành của Ban Điều hành, hết sức tin tưởng vào năng lực quản lý và phẩm chất đạo đức của các thành viên BDH trong việc thực hiện định hướng chiến lược của công ty.

4. Kế hoạch hoạt động năm 2022 của HĐQT

- ✚ Hội đồng Quản trị thực hiện nghiêm túc công việc quản trị Công ty theo đúng các quy định về Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng và Điều lệ, quy chế Quản trị của CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê;
- ✚ Thực hiện việc lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của BDH trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp ban BDH hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- ✚ Hợp tác chặt chẽ với BKS, đảm bảo cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho BKS. Phối hợp với BKS trong việc giám sát việc chấn chỉnh, xử lý các sai phạm theo đề xuất của BKS.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2021, Ban Kiểm soát đã tiến hành các hoạt động sau:

BKS đã tiến hành 03 buổi họp và thông qua nhiều nội dung quan trọng liên quan đến các hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo Ban Kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình. Nhìn chung, hoạt động chính của BKS trong năm 2021 bao gồm những nội dung chính sau:

- Xem xét Báo cáo tài chính năm 2021.
- Tham gia các buổi làm việc của Hội đồng quản trị về kế hoạch hoạt động của Công ty.
- Tham gia một số buổi làm việc của Ban lãnh đạo công ty về hoạt động sản xuất kinh doanh năm và báo cáo tình hình thực hiện.
- Xem xét các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh do Ban điều hành và Phòng Tài chính kế toán chuẩn bị; Kiểm tra, giám sát hoạt động của bộ máy kế toán.
- Đánh giá việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT; Đánh giá sự phối hợp của HĐQT, Ban Tổng giám đốc với hoạt động của BKS
- Tổng kết hoạt động của Ban kiểm soát cùng các nội dung khác.

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, BDH

- HĐQT và BDH đã thực hiện đầy đủ các nội dung được thông qua trong Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2021.
- HĐQT hoạt động theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty trong quá trình chỉ đạo, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của BDH.
- BKS cho rằng BDH đã thể hiện trách nhiệm cao trong việc điều hành, đã chủ động các phương án thực hiện vì vậy kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận của công ty năm 2021 có sự tăng trưởng so với năm 2020.
- Ban kiểm soát đồng ý với chính sách tài chính, đầu tư phát triển của Hội đồng quản trị, các quyết định điều hành, phương án hoạt động của Ban điều hành.
- Trong năm 2021, Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty, cũng như không có những xung đột giữa lợi ích cá nhân với lợi ích của công ty.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành:

- Ban Kiểm soát đã phối hợp tốt với các bộ phận để triển khai công tác kiểm tra, giám sát tại các đơn vị thành viên. Qua các cuộc kiểm tra, Ban kiểm soát thông báo kết quả công

tác kiểm tra, giám sát với Hội đồng Quản trị và Ban điều hành để có những biện pháp xử lý kịp thời những vấn đề tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả quản lý.

- Hội đồng Quản trị Công ty đã cung cấp kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị cho Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty khi có yêu cầu. Hội đồng Quản trị Tổng công ty, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và các cán bộ quản lý của Công ty đã có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh.
- BKS tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT định kỳ và đột xuất, tham dự các cuộc họp giao ban, tổng kết năm của công ty, qua trao đổi các vấn đề phát sinh hàng ngày. Theo đó, BKS đã nắm bắt kịp thời tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, tham gia đóng góp ý kiến với HĐQT, BDH trong việc ra quyết định và thực hiện các mục tiêu được ĐHCĐ phê duyệt.
- Đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 là Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC là đơn vị kiểm toán được ĐHCĐ năm 2021 thông qua. Sau khi xem xét báo cáo kiểm toán, BKS nhất trí với số liệu và kết luận của đơn vị kiểm toán.
- BDH đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm, báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh một cách đầy đủ, minh bạch

✚ Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2022

Năm 2022, với mục tiêu phát huy vai trò trong việc giám sát, kiểm tra tính tuân thủ, minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, BKS dự kiến sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động, tập trung hơn nữa vào các vấn đề sau:

- Giám sát việc chấp hành theo Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mới sửa đổi
- Giám sát hoạt động quản lý và điều hành của HĐQT, Ban Điều hành.
- Thẩm định báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính của Công ty hàng quý, 06 tháng và năm theo đúng nhiệm vụ của BKS.
- Tư vấn cho HĐQT, BTGD ý kiến chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tài sản.

THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS**Thù lao và các khoản lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (VNĐ)
1	Ông Mai Thanh Phương	Chủ tịch HĐQT	100.000.000
2	Ông Lê Thạc Tuấn	TV HĐQT độc lập	100.000.000
3	Ông Nguyễn Hồ Hưng	TV HĐQT độc lập (miễn nhiệm ngày 22/09/2021)	100.000.000
4	Bà Trần Hải Yến	TV HĐQT độc lập kiêm Tổng giám đốc	100.000.000
	Tổng cộng		400.000.000

Thù lao của Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (VNĐ)
1	Ông Đinh Đức Tuấn	Trưởng BKS	20.000.000
2	Bà Mai Thị Thanh Hoa	Thành viên BKS	20.000.000
3	Bà Vũ Ngọc Thúy	Thành viên BKS	20.000.000
	Tổng cộng		60.000.000

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO**1. Các rủi ro hoạt động****+ Sự cạnh tranh của các đối thủ trong nước**

Trong bối cảnh đại dịch Covid khiến cho các hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các chuỗi cung ứng bị gián đoạn. Việc vận hành sản xuất cũng như phân phối và tiêu thụ sản phẩm đều gặp những khó khăn nhất định. Ngành nhựa cũng không thể tránh khỏi những ảnh hưởng này. Dịch bệnh đã tác động trực tiếp đến đầu ra (việc tiêu thụ các sản phẩm từ nhựa thay đổi tập trung mạnh vào các sản phẩm dùng một lần, có thể mang đi) cũng như đầu vào (hoạt động mua sắm vận chuyển nguyên vật liệu bị cản trở, hoạt động sản xuất bị gián đoạn) đã khiến cho các nhà sản xuất sản phẩm cuối thu hẹp và hạn chế phần nào việc sản xuất của mình. Điều này có ảnh hưởng trực tiếp tới các nhà cung cấp hạt nhựa Filler masterbatch như Pha Lê. Thị trường trong nước đã trở nên quá nhỏ với sự cạnh tranh của hàng loạt nhà cung cấp nhựa lớn trong thời gian qua, kết hợp với việc hạn chế sản xuất của các nhà sản xuất đã khiến cho cuộc cạnh tranh giữa các nhà cung cấp hạt nhựa Filler masterbatch càng trở nên khốc liệt hơn, chủ yếu đến từ việc giảm giá, chính sách trả chậm, ... nhằm mục đích lấy được các đơn hàng từ số ít các nhà sản xuất. Sản lượng cũng như đôi tác xuất khẩu đều có sự biến động mạnh qua từng tháng, các đối tác xuất khẩu cũng tranh thủ sự dòi dào về nguồn cung để có thể có những lựa chọn về chất lượng, về giá cả cũng như có những mặc cả để có lợi trong việc mua hàng, dẫn đến sự cạnh tranh càng trở nên gay gắt giữa các nhà cung cấp trong nước.

+ Tác nghẽn chuỗi cung ứng toàn cầu

Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, mạng lưới rộng lớn kết nối các cảng, tàu container và các công ty vận tải hàng hóa đường bộ trên khắp thế giới đang rối loạn nghiêm trọng, trong khi chi phí vận chuyển tăng chóng mặt. Tình trạng thiếu container dai dẳng, việc các nhà máy phải ngừng hoạt động do dịch COVID-19 bùng phát tại khu vực Đông Nam Á và những ảnh hưởng sót lại từ vụ tắc nghẽn kênh đào Suez khiến tình hình chuỗi cung ứng trở nên tệ hơn. Giá cước tăng cao đã và đang bào mòn lợi nhuận của doanh nghiệp, đồng thời ảnh hưởng để khả năng thanh toán của khách hàng gây nên rủi ro mất cân đối tài chính.

+ Giá dầu liên tục tăng trong năm 2021

Hạt nhựa nguyên sinh chiếm tỷ trọng thấp trong trọng lượng sản phẩm Filler Masterbatch, nhưng lại chiếm tỷ trọng cao trong giá thành sản phẩm. Giá nhựa nguyên sinh ảnh hưởng rất lớn đến giá thành sản phẩm, xu hướng biến động của giá

nhựa nguyên sinh trong năm 2021 là tăng. Xu hướng này chịu ảnh hưởng của giá dầu, giá dầu thế giới năm 2021 tăng mạnh do nhu cầu tăng cũng như những biến động về địa chính trị toàn cầu. Dự báo cho năm 2022 xu hướng giá dầu tăng cao cũng sẽ chưa hạ nhiệt, giá nhựa nguyên sinh cũng sẽ ở mức cao.

Rủi ro tỷ giá

Rủi ro về tỷ giá là một trong những ảnh hưởng đến chi phí của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất. Do nguyên liệu chiếm khoảng 60 – 70% tổng chi phí tại Nhựa Pha Lê nên chỉ cần biến động tỷ giá sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí đầu vào.

Tiếp tục chịu sự ảnh hưởng của đại dịch Covid-19

Bước sang năm 2021, nhiều loại vắc xin đã được phê duyệt và sản xuất đại trà, các chương trình tiêm chủng được tổ chức, các biện pháp ứng phó với đại dịch được đưa ra tuy nhiên nó chỉ hạn chế được phần nào những ảnh hưởng.

Các chuỗi cung ứng toàn cầu bị đình trệ, giá cước biển tăng cao cũng ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động xuất nhập khẩu của công ty.

Duy trì sử dụng đòn bẩy tài chính

Trong năm 2021, tiếp tục thực hiện việc đầu tư để mở rộng sản xuất, đầu tư cho các dự án BDS, nên công ty tiếp tục duy trì và mở rộng nguồn vốn vay từ ngân hàng. Vấn đề chênh lệch giữa chính sách phải thu – phải trả chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19 tiếp tục khiến cho nhu cầu vốn lưu động tiếp tục tăng. Rủi ro về dòng tiền trả nợ và chi phí lãi vay của công ty vẫn đang hiện hữu.

2. Công tác quản trị rủi ro

Bên cạnh mở rộng sản xuất, Ban lãnh đạo của Nhựa Pha Lê luôn chú trọng đến phát triển hệ thống quản trị rủi ro. Theo đó, hệ thống quản trị rủi ro của Công ty được tổ chức theo 3 tuyến đối với nhiều loại rủi ro trọng yếu khác nhau trên cơ sở nguyên tắc là tất cả các rủi ro trọng yếu trong doanh nghiệp đều phải có quy trình quản trị rủi ro. Quy trình quản trị đối với mỗi loại rủi ro đều gồm có 5 bước cơ bản, bao gồm: nhận dạng rủi ro, đo lường rủi ro, theo dõi rủi ro, báo cáo rủi ro và xử lý rủi ro.

Quản trị rủi ro đến từ các yếu tố vĩ mô

Các yếu tố vĩ mô luôn được Công ty theo dõi sát diễn biến để có đối sách kịp thời và phù hợp:

- + Đối với tình trạng tắc nghẽn chuỗi cung ứng: Công ty đã chuyển dịch dần điều kiện giao hàng từ FOB sang CIF để chủ động hơn trong hoạt động vận tải, từ

đó chủ động trong quá trình sản xuất và cân đối tài chính.

- + Đối với biến động giá dầu: Nhằm mục đích tận dụng tránh rủi ro đến từ biến động giá nguyên vật liệu đầu vào, công ty chủ trương thực hiện tăng cường tích trữ hàng tồn kho khi giá rẻ, và bán ra hàng tồn kho khi giá ở mức cao.
- + Đối với rủi ro tỷ giá: Tiếp tục sử dụng đồng tiền thanh toán đồng nhất (chủ yếu là USD) giữa việc bán hàng và mua nguyên liệu, từ đó tạo ra nguồn ngoại tệ vừa để sử dụng vừa để tích lũy.
- + Đối với áp lực cạnh tranh: Nhựa Pha Lê đã đưa ra một số định hướng phát triển như: Tập trung sản xuất những sản phẩm chất lượng cao và tạo ra sự chuyên biệt so với các doanh nghiệp khác; Phát huy tối đa ứng dụng nhựa công nghệ cao vào các sản phẩm hàng tiêu dùng tạo phân khúc thị trường khác biệt; Đẩy mạnh hoạt động marketing, truyền thông, quảng bá sản phẩm, ..



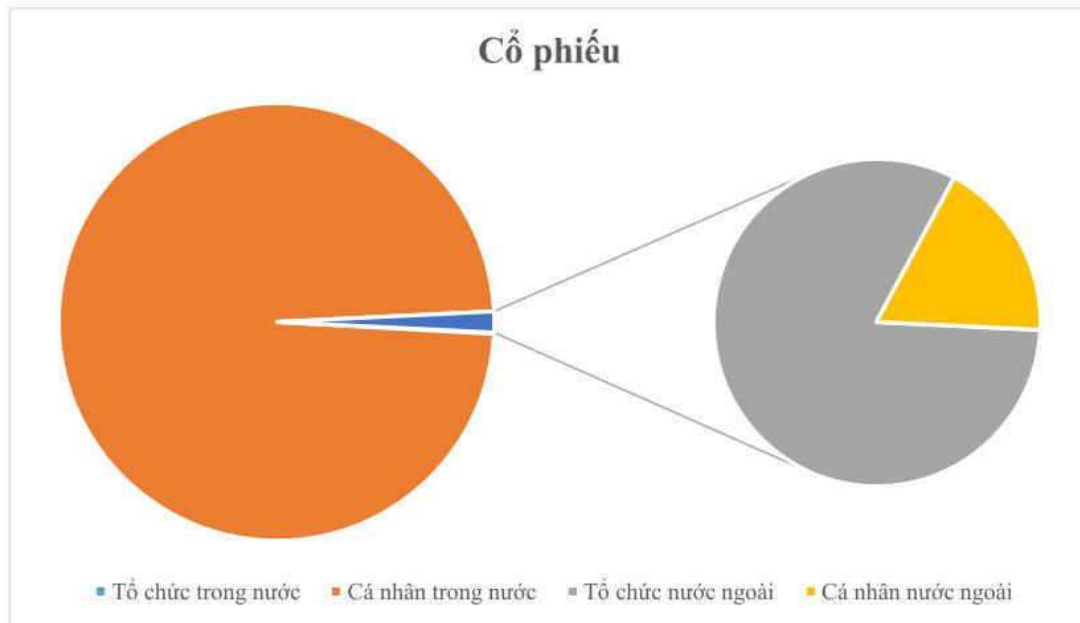
Quản trị rủi ro hoạt động

- + Nhựa Pha Lê đã đề ra các chiến lược như: chuẩn hóa hệ thống kiểm tra kiểm soát và ban hành các chính sách chặt chẽ, thuê tư vấn chuyên nghiệp tái cấu trúc mô hình quản lý, quản trị rủi ro;
- + Tập trung đào tạo, huấn luyện phát triển nhân viên, đặc biệt là nguồn nhân lực kế thừa; Đối với những vị trí quan trọng, Công ty chú trọng tuyển chọn các vị trí quản lý và vận hành có kinh nghiệm lâu năm. Đối với những vị trí chưa có nhiều kinh nghiệm, Công ty sẽ tổ chức các chương trình đào tạo thực hành tại thực tế đơn vị sản xuất trước khi chính thức giao việc. Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng chăm lo tốt cho người lao động thông qua các chính sách lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ, khơi dậy tài năng, tạo môi trường làm việc thuận lợi và cơ hội thăng tiến công bằng.



Quản trị rủi ro tài chính

- + Năm 2021, Công ty tiếp tục áp dụng chính sách xếp hạng tín dụng đối với các khách hàng tùy theo mức độ nghiêm trọng của đại dịch Covid-19 diễn ra tại quốc gia của khách hàng đó. Từ bảng xếp hạng, Công ty có cơ sở áp dụng hạn mức công nợ đối với từng khách hàng theo từng khu vực, cũng như có khả năng cảnh báo và kiểm soát trước các rủi ro thanh toán tiềm ẩn.
- + Năm 2021, Công ty tiếp tục duy trì tập trung vào quản trị rủi ro ở các cấp độ, ở dòng tiền để từ đó đưa ra những phương án, biện pháp trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như quản trị. Nhờ đó, năm 2021 Nhựa Pha Lê không phát sinh thêm các rủi ro trọng yếu nào liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.



(Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty tại ngày 19/01/2022)

- ❖ **Số cổ phiếu đang lưu hành:**
39.999.847 cổ phiếu. Tất cả cổ phiếu của Công ty đều tự do chuyển nhượng.
Cổ phiếu quỹ: 153 cổ phiếu
- ❖ **Giao dịch cổ phiếu quỹ:**
Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm
- ❖ **Các đợt tăng vốn cổ phần trong năm:**
Phát hành tăng vốn: Tháng 6/2020, ĐHĐCĐ thường niên của công ty thông qua việc tăng vốn điều lệ từ 400 tỷ đồng lên 600 tỷ đồng. Tại ĐHĐCĐ thường niên và bất thường năm 2021, ĐHĐCĐ tiếp tục nhất trí thông qua việc tiếp tục triển khai Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ đã được thông qua trước đó.
 - ✓ Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
 - ✓ Tỷ lệ thực hiện quyền: 2:1 (1 cổ phiếu được hưởng 1 quyền, 2 quyền được mua 1 cổ phiếu mới)
 - ✓ Giá phát hành: 10.000/cổ phiếu
 - ✓ Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm trong đợt phát hành: 20.000.000 cổ phiếu
 - ✓ Thời điểm hoàn thành: Tháng 4/2022
 - ✓ Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: Toàn bộ số cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền sẽ được tự do chuyển nhượng. Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh và số lượng cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua được chào bán cho đối tác khác, bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

PHẦN V
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TỔNG QUAN BÁO CÁO

Trong những năm trở lại đây, Nhựa Pha Lê luôn đặt ra định hướng phát triển thương hiệu gắn liền với trách nhiệm môi trường, xã hội và kinh tế, vì đó là sự đảm bảo cho sự tăng trưởng vững chắc của doanh nghiệp. Tại Nhựa Pha Lê, “Phát triển bền vững” không còn là nhiệm vụ của một bộ phận, một đơn vị, một cá nhân lãnh đạo, mà đó là chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp. Chiến lược “Phát triển bền vững” của Nhựa Pha Lê là cân bằng sự phát triển kinh tế với xã hội và bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo sự phát triển dài hạn của công ty.

PHẠM VI BÁO CÁO

- ✓ Báo cáo phát triển bền vững 2021 là một tài liệu tích hợp, gắn kết chặt chẽ với Báo cáo thường niên và Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.
- ✓ Báo cáo được lập định kỳ hàng năm theo niên độ kế toán, kết thúc 31/12/2021. Các số liệu trong báo cáo được thu thập từ số liệu hoạt động thực tế của Nhựa Pha Lê.
- ✓ Các số liệu tài chính trong báo cáo được dẫn chiếu từ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021. Báo cáo phản ánh các kết quả hoạt động trong năm 2021, đề cập đến định hướng và mục tiêu của Nhựa Pha Lê trong những năm tới về vấn đề phát triển bền vững.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Cam kết phát triển bền vững

❖ Cầu nối các bên liên quan

Mỗi quyết định của các bên liên quan đều có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trong dài hạn. Việc xây dựng niềm tin và gắn kết các bên liên quan được Công ty xác định đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng chiến lược phát triển của Nhựa Pha Lê, đặc biệt là trong giai đoạn tái cấu trúc. Thông qua nhiều phương thức tiếp cận khác nhau, HĐQT và BLĐ Công ty đã chủ động trao đổi với các bên nhằm tìm ra các giải pháp hiệu quả, đáp ứng mối quan tâm của các bên theo định hướng bền vững, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến quản trị, hiệu quả kinh tế, bảo vệ môi trường và trách nhiệm với xã hội.

❖ **Định hướng hoạt động**

- | | |
|------------------------------------|--|
| Khách hàng và đối tác | <ul style="list-style-type: none"> • Lấy khách hàng là trung tâm, đảm bảo hoàn thành những cam kết với khách hàng và đối tác với chất lượng cao nhất |
| Các bộ phận & nhân viên | <ul style="list-style-type: none"> • Đặt con người là cốt lõi của sự thay đổi và phát triển • Xây dựng hệ thống chế độ đãi ngộ và lộ trình phát triển tương xứng và công bằng |
| Môi trường – Xã hội | <ul style="list-style-type: none"> • Đầu tư nghiên cứu phát triển công nghệ mới, tạo nhiều công ăn việc làm, đóng góp cho sự phát triển xã hội • Lắp đặt các thiết bị sản xuất tự động, giảm thiểu tác động có hại lên sức khỏe của người lao động |

❖ **Lựa chọn các vấn đề trọng yếu**

Kinh tế:	<ul style="list-style-type: none"> • Hiệu quả hoạt động kinh tế, chính sách thuế đối với nhà nước • Tác động kinh tế gián tiếp • Lợi ích cho cổ đông
Môi trường:	<ul style="list-style-type: none"> • Nguyên vật liệu, phụ gia • Năng lượng • Nguồn Nước, phát thải
Xã hội	<ul style="list-style-type: none"> • Phát triển cộng đồng địa phương • Chống cạnh tranh không lành mạnh • Quyền con người
Lao động và việc làm	<ul style="list-style-type: none"> • Tạo việc làm, đảm bảo quyền của người lao động địa phương • An toàn và sức khỏe nghề nghiệp • Đào tạo • Đa dạng và cơ hội bình đẳng
Trách nhiệm sản phẩm	<ul style="list-style-type: none"> • Thông tin sản phẩm minh bạch • An toàn và sức khỏe của khách hàng • Truyền thông và tiếp thị có trách nhiệm • Cơ chế giải quyết khiếu nại

CTCP SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LỄ

❖ **Hài hòa nhu cầu và lợi ích - Gắn kết các bên liên quan**

Nhận diện bên liên quan	Kênh tương tác	Những vấn đề liên quan	Nỗ lực đáp ứng kỳ vọng các bên liên quan của Nhựa Pha Lễ
<p>Cơ quan nhà nước</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cập nhật, áp dụng chính sách, quy định mới của Nhà nước • Phối hợp với chính quyền địa phương trong công tác PCCC, BVMT, ANVSLE • Tham gia các hội nghị, hội thảo do cơ quan nhà nước tổ chức • Tương tác hiệu quả với cơ quan nhà nước 	<p>Những vấn đề liên quan</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đóng góp cho ngân sách nhà nước • Ứng hộ các chính sách và kêu gọi của các cơ quan nhà nước • Kinh doanh có trách nhiệm, bao đảm lợi ích người tiêu dùng, giữ vững uy tín và giá trị thương hiệu 	<p>Nỗ lực đáp ứng kỳ vọng các bên liên quan của Nhựa Pha Lễ</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tuân thủ các quy định của nhà nước trong quá trình hoạt động • Thực thi hiệu quả các chính sách tiết kiệm tài nguyên, nguyên vật liệu • Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế cho ngân sách nhà nước 	
<p>Cổ đông, nhà đầu tư</p> <ul style="list-style-type: none"> • DHDCEĐ thường niên • Gặp gỡ và tham vấn trực tiếp • Kênh quan hệ nhà đầu tư : website, email, điện thoại, mạng xã hội, diễn đàn • Roadshow trong ngoài nước, gặp gỡ nhà đầu tư, chuyên gia phân tích 	<p>Những vấn đề liên quan</p> <ul style="list-style-type: none"> • Năng lực quản trị, điều hành của BLD • Chiến lược phát triển trung và dài hạn • Tinh thần thủ và tinh minh bạch trong CBTT • Giá trị nội tại của công ty, giá thị trường cổ phiếu • Bảo vệ quyền lợi, sự công bằng của cổ đông • Kết quả kinh doanh ổn định, 	<p>Nỗ lực đáp ứng kỳ vọng các bên liên quan của Nhựa Pha Lễ</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tuân thủ các quy định về CBTT • Chủ động tìm kiếm cơ hội hợp tác với cổ đông, nhà đầu tư chiến lược • Linh hoạt điều chỉnh chiến lược kinh doanh nhằm tối đa hóa lợi nhuận, mang đến lợi ích cho cổ đông • Đạt Top 10 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt nam 	

CTCP SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

<p>Khách hàng</p>	<ul style="list-style-type: none"> Gặp gỡ trực tiếp, trao đổi qua điện thoại, email với khách hàng Các hội thảo, hội chợ ngành nhựa Các hội thảo, hội nghị tư vấn về kiến trúc, vật liệu xây dựng Website, mạng xã hội, diễn đàn... Nghiên cứu khảo sát thị trường 	<p>tăng trưởng</p> <ul style="list-style-type: none"> Thương hiệu và uy tín Chất lượng sản phẩm Đội ngũ nhân sự Giá thành sản phẩm Tiến độ giao hàng 	<p>2021 (FAST500)</p> <ul style="list-style-type: none"> 100% sản phẩm xuất bán tới tay khách hàng được kiểm soát về chất lượng Đạt chứng chỉ TBI 2021 - Chứng nhận "Nhà cung cấp chất lượng – Trusted Quality Supplier 2021" Đầu tư máy móc thiết bị công nghệ Châu Âu và các quốc gia phát triển trong khu vực Hoàn thành cam kết với khách hàng với chất lượng cao nhất
<p>Đối tác, nhà cung ứng</p>	<ul style="list-style-type: none"> Gặp gỡ và trao đổi trực tiếp Hội nghị, hội thảo dành cho các nhà cung cấp dịch vụ Truyền thông ra bên ngoài thông qua website, email, điện thoại 	<ul style="list-style-type: none"> Đánh giá tin dụng doanh nghiệp Thông qua các báo cáo tin dụng định kì Gặp gỡ trao đổi trực tiếp thông qua diễn đàn, hội nghị Công bố thông tin công khai Khảo sát, đánh giá nhằm đánh giá cơ hội hợp tác 	<ul style="list-style-type: none"> Tạo được các mối quan hệ gắn kết, hợp tác bền vững Hợp mật với đối tác để cùng nghiên cứu, đưa ra các giải pháp cải tiến chất lượng sản phẩm, dịch vụ Thanh toán đúng như cam kết với nhà cung cấp
<p>Người lao động</p>	<ul style="list-style-type: none"> Khảo sát thường niên về môi 	<ul style="list-style-type: none"> Sự ổn định trong công việc, 	<ul style="list-style-type: none"> Chế độ đãi ngộ và lộ trình phát

CTCP SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LỄ

	<p>trường làm việc, chính sách lương thưởng, phúc lợi</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đại hội CBCNV hàng năm • Các cuộc họp tổng kết • Các chương trình đào tạo • Truyền thông nội bộ • Cơ chế trao đổi trực tiếp, giải quyết khiếu nại, tham vấn hai chiều 	<p>môi trường làm việc chuyên nghiệp, công bằng, không phân biệt đối xử, đảm bảo an toàn lao động</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chính sách phúc lợi, lương thưởng, chế độ làm việc tốt • Thành tựu, đóng góp, ghi nhận • Chương trình đào tạo phù hợp để nâng cao tay nghề, kiến thức • Cơ hội thăng tiến nghề nghiệp, đào tạo đội ngũ kế thừa 	<p>miền xung đáng và công bằng, Đào tạo đội ngũ kế thừa</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chính sách lương thưởng, phúc lợi cao hơn mặt bằng chung thị trường • Tổ chức hội thao, phong trào rèn luyện sức khỏe cho CBCNV • Các chương trình truyền thông nội bộ được 100% CBCNV hưởng ứng nhiệt liệt
<p>Cộng đồng</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Các chương trình thiện nguyện tại địa phương • Trao đổi song phương qua các sự kiện • Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện các chương trình cộng đồng • Các chương trình liên kết với các trường cao đẳng nghề, đại học 	<ul style="list-style-type: none"> • Tạo cơ hội nghề nghiệp, cải thiện thu nhập cho người địa phương • Kinh doanh có trách nhiệm, góp phần phát triển kinh tế địa phương • Tạo việc làm cho sinh viên và thu hút các tài năng trẻ • Phát triển hạ tầng khu vực 	<ul style="list-style-type: none"> • Đạt Chứng nhận “Chỉ số tín nhiệm xanh – TOPGreen 2021” • Tham gia chương trình “Cập nhật yêu cầu” cùng Tổng công ty Đường sắt Việt Nam • Tham gia Ban chấp hành liên đoàn Bóng chày và Bóng mềm Việt Nam (VBSF)

HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

❖ **Vun đắp nguồn nhân lực**

Máy móc có thể duy trì sự chính xác nhưng con người sẽ mang lại những giá trị cộng sinh cho doanh nghiệp như sự hài lòng của khách hàng, quyền lợi gia tăng cho cổ đông, cải thiện quy trình sản xuất... Chính vì vậy, để doanh nghiệp phát triển bền vững, Nhựa Pha Lê luôn chú trọng gia tăng động lực và phát triển nguồn nhân lực công ty một cách tối đa, bởi chúng tôi hiểu rằng, sự thành công trong kinh doanh của chúng tôi không chỉ là nhờ vào các sản phẩm của công ty, mà còn nhờ vào sự đóng góp của những con người trong công ty – đó là tài sản quan trọng nhất đối với chúng tôi. **Yếu tố con người chính là động lực để Nhựa Pha Lê tiếp tục vững bước trên con đường phát triển sau này.**

❖ **Tổng quan lực lượng lao động**

Bảng số lượng lao động thống kê theo giới tính/ chức vụ/ trình độ/ độ tuổi năm 2021

STT	TIÊU CHÍ	Số lượng	
		TỔNG	Tỷ lệ %
1	Nhóm tuổi	241	
	Dưới 30 tuổi	73	30%
	Từ 30 - 50 tuổi	135	56%
	Trên 50 tuổi	33	14%
2	Giới tính	241	
	Nam	174	72%
	Nữ	67	28%
3	Cấp bậc	241	
	Quản lý cấp cao	4	2%
	Quản lý cấp trung	40	17%
	Nhân viên khối gián tiếp	60	25%
	Nhân viên trực tiếp sản xuất	137	57%
4	Trình độ học vấn	241	
	Trên Đại Học	2	0.8%

CTCP SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

	<i>Đại Học tại nước ngoài</i>	3	1.2%
	<i>Đại Học trong nước</i>	78	32.4%
	<i>Cao đẳng, Trung cấp</i>	66	27.4%
	<i>Lao động phổ thông</i>	92	38.2%

❖ **Hoạt động công đoàn**

- Công đoàn Công ty hiện đang quản lý 228 đoàn viên với 3 công đoàn cơ sở. Hoạt động công đoàn luôn nhận được sự quan tâm từ chính ban lãnh đạo cùng chính quyền địa phương. Ban điều hành công đoàn Công ty đặc biệt chú trọng việc chăm lo đời sống vật chất cũng như tinh thần của người lao động
- Năm 2021 là năm đầy biến động và khó khăn đối với Công ty do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 nhưng Công ty vẫn tiến hành điều chỉnh nâng lương cho 100% CBCNV đủ điều kiện.

+ Tiền lương bình quân tháng cho NLĐ:

- ✓ Hà Nội : 17.847.860 đồng/ tháng (Tăng 25% so với năm 2020)
- ✓ Hải Phòng : 11.094.945 đồng/ tháng (Tăng 33% so với năm 2020)
- ✓ Nghệ An : 8.969.000 đồng/ tháng (Tăng 21% so với năm 2020)

- Các hoạt động văn nghệ, hội thao, thể thao thường niên trong năm được tổ chức theo nguyên tắc đảm bảo phòng chống dịch. Công đoàn đã phối hợp với bộ phận chuyên môn tặng quà vào các dịp Quốc tế lao động, Quốc tế thiếu nhi, Trung thu, Quốc tế phụ nữ 08/03, ngày phụ nữ Việt Nam, tham hội khiếu, hi ...

▪ **An toàn sức khỏe người lao động**

Công ty luôn cam kết đảm bảo sức khỏe cho tất cả người lao động. Công ty tổ chức bộ phận y tế để chăm sóc sức khỏe cho người lao động.

Tăng cường công tác kiểm tra để đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, thực phẩm, thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh, thực hiện đo đạc đánh giá tác động môi trường định kỳ để có những biện pháp phòng ngừa, cải thiện môi trường làm việc.

Thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động bị ảnh hưởng do dịch bệnh như trợ cấp thêm hằng tháng, hỗ trợ chi phí thuốc men cho người lao động bị F0 hay gia đình người lao động gặp khó khăn do dịch bệnh hay điều chỉnh chính sách nghỉ hằng năm linh hoạt trong điều kiện dịch bệnh Covid-19 và sự giãn cách xã hội kéo dài

▪ **Bảo đảm an toàn trong lao động:**

Trang bị bảo hộ lao động được cấp phát đầy đủ cho người lao động. Định kỳ tổ chức kiểm tra độ an toàn thiết bị làm việc, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ tại tất cả các đơn vị trong Công ty.

Ban an toàn, vệ sinh lao động thực hiện giám sát thực hiện an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống cháy nổ, sơ cấp cứu..., đồng thời tổ chức tập huấn an toàn vệ sinh lao động cho công nhân, đặc biệt là các vị trí làm việc quan trọng sử dụng thiết bị áp lực, thiết bị nâng hạ, thiết bị điện

▪ **Về việc thực hiện khám chữa bệnh:**

Với tiêu chí đảm bảo an toàn sức khỏe cho người lao động, Ban lãnh đạo Công ty đã tạo điều kiện tiến hành tiêm chủng vaccine phòng ngừa covid-19 cho toàn bộ CBCNV Công ty trong thời gian sớm nhất (100% CBCNV đã tiêm đủ 2-3 mũi phòng ngừa vaccine).

Cùng với đó, Công ty cũng thực hiện nâng cấp cơ sở vật chất: bổ sung tiện nghi sinh hoạt khu nội trú, khu bếp ăn đảm bảo an toàn vệ sinh cũng như cung cấp đầy đủ dinh dưỡng cho cán bộ làm việc, khu vận động nghỉ dưỡng giúp người lao động có cơ hội luyện tập, nâng cao sức khỏe, xả stress; khu y tế với đầy đủ trang thiết bị cần thiết, ứng phó kịp thời với những tình huống bất ngờ.... Chế độ bồi dưỡng ca 3, nước uống giải nhiệt mùa hè đều được Công ty thực hiện tốt.

▪ **Chính sách ưu tiên với đội ngũ lao động nữ:**

Thực hiện đầy đủ chế độ thai sản, nuôi con nhỏ dưới 1 tuổi; bố trí công việc phù hợp sau khi sinh, tư vấn các vấn đề liên quan đến các bệnh về phụ nữ để phòng chống hiệu quả.

❖ **Tuyển dụng**

- Nhựa Pha Lê luôn minh bạch và chú trọng công tác tuyển dụng. Công ty đã triển khai những chương trình thực tập tiềm năng thu hút nhiều sinh viên tại các trường đại học để sinh viên có cơ hội trải nghiệm thực tế, trau dồi kinh nghiệm và qua đó tuyển dụng được nhiều ứng viên tài năng.
- Với sứ mệnh tạo ra một lực lượng lao động có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao, có tâm, có tầm phục vụ cho sự phát triển và hội nhập của công ty, trong suốt quá trình phát triển, Nhựa Pha Lê đặc biệt quan tâm, đào tạo và nâng cao chất lượng đội ngũ

nhân lực.

- + Các đơn vị liên tục tổ chức, tạo điều kiện cho CBCNV theo học các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn như: quản lý doanh nghiệp, quản lý kho, kiến thức kinh doanh, an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy...
- + Chủ động tiếp nhận công nghệ sản xuất mới, vận hành các thiết bị sản xuất hiện đại. Năm 2021 đã ghi nhận những quyết tâm, sắp xếp và đánh giá cán bộ, mạnh dạn luân chuyển và bổ nhiệm các cán bộ mới để phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Công ty cũng như yêu cầu của từng vị trí công việc.

❖ Văn hóa Công ty

- Văn hóa làm việc với tốc độ cao, hiệu quả và tuân thủ kỷ luật đã thấm nhuần trong mọi hành động của Cán bộ công nhân viên. ***Là tài sản vô hình nhưng quý giá, văn hóa trở thành vũ khí sắc bén***, tạo nên sức mạnh tổng hợp đưa Nhựa Pha Lê phát triển vượt bậc trong các hoạt động kinh doanh.
- ***Sự quyết liệt, nhiệt huyết không chỉ là đặc điểm nổi bật trong công việc mà cũng là nét văn hóa đặc trưng của Nhựa Pha Lê trong các hoạt động văn thể và hoạt động vì cộng đồng.***
- Tại đây, mỗi thành viên đều xác định và coi nơi đây là ngôi nhà thứ 2, nơi mình gắn bó và dành phần lớn thời gian hàng ngày để sống và làm việc. Ở bất cứ vai trò và vị trí nào, chúng tôi luôn tự hào là Người của gia đình Pha Lê
- Công ty luôn hướng tới môi trường làm việc bình đẳng - hòa đồng - thân thiện, luôn cố gắng tạo ra văn hóa của Công ty để xây dựng môi trường làm việc tốt đẹp. Nói cách khác, không ngừng nỗ lực nâng cao tiêu chuẩn làm việc của mỗi nhân viên. Năm 2021 với nhiều khó khăn của tình hình kinh doanh, tuy nhiên Nhựa Pha Lê vẫn cố gắng duy trì các hoạt động truyền thông nội bộ, gắn kết các thành viên, tạo động lực cho sự cố gắng.
- Là một công ty hoạt động chủ yếu về lĩnh vực sản xuất nên Nhựa Pha Lê luôn chú trọng đến việc phát triển công nghệ kỹ thuật và sáng tạo trong công việc. Các chính khuyến khích sáng tạo được duy trì và tạo điều kiện tốt nhất cho mọi cá nhân được thể hiện ý kiến của mình. Ngoài những cuộc thi về những chủ đề liên quan đến sản xuất thì bên cạnh đó công ty cũng tổ chức các cuộc thi về những chủ đề mang tính thực tiễn, mang lại những giá trị hữu ích cho Công ty

❖ Sản phẩm hoàn hảo

Phương châm sản xuất của Nhựa Pha Lê và đặt vấn đề chất lượng lên hàng đầu, bảo đảm quyền lợi của khách hàng khi sử dụng sản phẩm của Công ty. Chính vì vậy mà Nhựa Pha Lê luôn đầu tư những dây chuyền sản xuất và máy móc thiết bị hiện đại công nghệ Châu Âu. Hệ thống thiết bị luôn đảm bảo độ chính xác cao, đảm bảo đồng nhất về vật liệu và cho năng suất cao, chất lượng sản phẩm luôn ở mức tốt nhất.

Hiện nay, Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015. Việc xây dựng và duy trì một hệ thống quản lý chất lượng được Ban lãnh đạo công ty nhiệm túc chỉ đạo một cách nghiêm ngặt.

✚ Quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm:

Mục đích tạo ra những sản phẩm tốt nhất, Nhựa Pha Lê chủ động xây dựng ra khung chuẩn về yêu cầu kiểm tra, dụng cụ kiểm tra, tiêu chuẩn kiểm tra và biểu mẫu ghi chép kết quả kiểm tra của từng loại sản phẩm của công ty được thực hiện qua các bước kiểm tra của công nhân sản xuất, kiểm tra ca máy sản xuất, kiểm hành chính của nhà máy và cán bộ phòng quản lý chất lượng. Với hệ thống phân cấp phân nhiệm rõ ràng đi kèm những yêu cầu định lượng cụ thể chi tiết, tất cả quá trình sản xuất đều được kiểm soát chặt chẽ để hạn chế tối đa những rủi ro liên quan đến chất lượng sản phẩm.

✚ Cung cấp thông tin về sản phẩm:

Thông tin trên nhãn, bao bì và trên chữ in sản phẩm của Nhựa Pha Lê đảm bảo tuân thủ luật pháp và đầy đủ thông tin cho khách hàng. Các thông tin bao gồm:

- + **Thông tin về Công ty (logo, thương hiệu, địa chỉ sản xuất,...)**
- + **Tên sản phẩm**
- + **Các thông số kỹ thuật của sản phẩm**
- + **Công dụng sản phẩm và các khuyến cáo**

Những thông tin này không những nhằm mục đích cung cấp thông tin cho khách hàng mà còn để Nhựa Pha Lê kiểm soát chất lượng thông qua truy tìm nguồn gốc sản phẩm khi có khiếu nại khách hàng.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(đính kèm)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



MAI THANH PHƯƠNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ, khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải,
phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-53
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10-11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12-53

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ, khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải,
phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê tiền thân là Công ty Cổ phần Khoáng sản Pha Lê, được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 02221000087 do Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp ngày 08 tháng 10 năm 2014, điều chỉnh lại ngày 12 tháng 12 năm 2014. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103018538 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 11 năm 2008 và đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần thứ 16 ngày 10 tháng 03 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ, khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Mai Thanh Phương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hồ Hưng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 22/09/2021
Ông Lê Thạch Tuấn	Ủy viên	
Bà Trần Hải Yến	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 13/11/2021

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Trần Hải Yến	Tổng Giám đốc	
Ông Cao Văn Thái	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27/05/2021

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Đinh Đức Tuấn	Trưởng ban	
Bà Vũ Ngọc Thúy	Thành viên	
Bà Mai Thị Thanh Hoa	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ, khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc &



Trần Hải Yến
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê được lập ngày 15 tháng 03 năm 2022, từ trang 06 đến trang 53, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.


Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên


Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC




Phạm Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0777-2018-002-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2022


Trương Thị Mai
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 4931-2019-002-1

01/03/2022
12/03/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.643.140.576.574	771.407.396.477
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	42.206.032.035	36.473.597.664
111	1. Tiền		42.206.032.035	36.473.597.664
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	171.612.411.969	8.700.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		119.659.535.969	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(1.093.404.000)	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		53.046.280.000	8.700.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		839.605.909.442	437.994.454.997
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	764.549.041.528	313.256.587.265
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	28.450.091.572	7.662.875.084
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	48.337.776.082	117.864.924.178
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.730.999.740)	(789.931.530)
140	IV. Hàng tồn kho	10	543.813.200.614	277.861.758.111
141	1. Hàng tồn kho		543.813.200.614	277.861.758.111
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		45.903.022.514	10.377.585.705
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	4.838.549.915	1.102.092.370
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		41.060.388.259	9.275.493.335
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	4.084.340	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		973.376.556.295	509.818.776.390
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.528.780.532	2.419.893.187
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	2.528.780.532	2.419.893.187
220	II. Tài sản cố định		708.579.111.124	209.603.119.221
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	404.759.666.168	196.414.602.470
222	- Nguyên giá		515.806.332.795	260.544.123.501
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(111.046.666.627)	(64.129.521.031)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	98.625.848.613	-
225	- Nguyên giá		104.735.414.453	-
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.109.565.840)	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	205.193.596.343	13.188.516.751
228	- Nguyên giá		218.152.457.548	15.036.788.688
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(12.958.861.205)	(1.848.271.937)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		124.548.780	1.864.349.092
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		124.548.780	1.864.349.092
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	5	209.605.221.126	260.032.013.925
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		89.399.739.733	244.400.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		115.520.000.000	19.511.000.000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.114.518.607)	(6.878.986.075)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		5.800.000.000	3.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		52.538.894.733	35.899.400.965
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	44.249.773.714	35.899.400.965
269	2. Lợi thế thương mại	15	8.289.121.019	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.616.517.132.869	1.281.226.172.867

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021		Năm 2020	
			VND		VND	
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	2.414.050.223.449	1.787.467.937.182		
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	1.335.094.415	1.394.334.131		
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.412.715.129.034	1.786.073.603.051		
11	4. Giá vốn hàng bán	26	2.157.705.261.787	1.628.631.066.500		
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		255.009.867.247	157.442.536.551		
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	84.723.843.457	2.359.348.852		
22	7. Chi phí tài chính	28	87.609.292.217	61.581.650.176		
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		78.956.513.306	52.842.797.827		
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		6.015.780.466	-		
25	9. Chi phí bán hàng	29	88.815.457.650	32.299.370.153		
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	43.343.029.965	21.887.215.697		
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		125.981.711.338	44.033.649.377		
31	12. Thu nhập khác		908.312.843	583.179.712		
32	13. Chi phí khác		2.487.308.070	1.936.572.225		
40	14. Lợi nhuận khác		(1.578.995.227)	(1.353.392.513)		
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		124.402.716.111	42.680.256.864		
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	3.247.448.037	2.882.456.394		
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(1.018.647.346)	-		
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		122.173.915.420	39.797.800.470		
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		114.843.610.496	39.797.800.470		
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		7.330.304.924	-		
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	2.871	995		



Phạm Thị Thu
 Người lập

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2022



Phạm Xuân Trí
 Kế toán trưởng



Trần Hải Yến
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		124.402.716.111	42.680.256.864
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		55.848.179.685	20.641.942.177
03	- Các khoản dự phòng		(4.171.890.669)	7.050.123.149
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		603.631.953	195.699.541
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.360.684.239)	(654.791.905)
06	- Chi phí lãi vay		78.956.513.306	52.842.797.827
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		253.278.466.147	122.756.027.653
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(442.218.795.074)	(137.962.113.057)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(265.951.442.503)	(70.822.957.711)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		397.648.525.350	33.083.670.930
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(12.086.830.294)	6.343.415.116
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(119.659.535.969)	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(76.194.237.931)	(52.842.797.827)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.063.005.971)	(700.000.000)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.175.147.500)	(1.743.439.600)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(270.422.003.745)	(101.888.194.496)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(361.770.323.435)	(2.914.048.716)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(52.446.280.000)	(9.400.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		5.300.000.000	5.530.000.000
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(102.000.000.000)
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		66.880.000.000	13.489.000.000
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.425.306.621	573.784.714
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(340.611.296.814)	(94.721.264.002)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		2.452.311.084.953	1.882.998.857.150
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.825.880.588.430)	(1.694.802.247.435)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(9.623.112.306)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		616.807.384.217	188.196.609.715

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		5.774.083.658	(8.412.848.783)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		36.473.597.664	44.889.239.943
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(41.649.287)	(2.793.496)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	<u>42.206.032.035</u>	<u>36.473.597.664</u>

Phạm Thị Thu
Người lập

Phạm Xuân Trí
Kế toán trưởng



Trần Hải Yên
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2021

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê tiền thân là Công ty Cổ phần Khoáng sản Pha Lê, được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 02221000087 do Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp ngày 08 tháng 10 năm 2014, điều chỉnh lại ngày 12 tháng 12 năm 2014. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103018538 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 11 năm 2008 và đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần thứ 16 ngày 10 tháng 03 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ, khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 400.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 400.000.000.000 đồng; tương đương 40.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 240 người, tổng số nhân viên của Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 290 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là: 243 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Thăm dò, khai thác, chế biến và mua bán khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình thể thao, vui chơi giải trí, sân tennis, sân golf; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng cơ sở;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh các công trình thể thao, vui chơi giải trí, sân tennis, sân golf;
- Xây dựng các công trình công ích. Chi tiết: Thi công xây dựng công trình thủy điện vừa và nhỏ;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Mua bán ô tô;
- Bán mô tô, xe máy. Chi tiết: Mua bán xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Mua bán trang thiết bị, phụ tùng ô tô;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy. Chi tiết: Mua bán trang thiết bị, phụ tùng xe máy;
- Và các ngành nghề khác có mã: 1020, 1311, 1312, 1313, 1321, 1322, 2013, 2030, 2220, 2396, 2410, 2420, 2511, 2610, 2630, 2640, 2710, 2750, 2819, 3312, 3314, 3320, 3530, 4312, 4321, 4322, 4632, 4652, 4649, 4669, 6820, 7730, 8299, và các ngành nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2021 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	Tỉnh Đồng Nai	51,00%	51,00%	Sản xuất sản phẩm ván sàn SPC

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2021 là năm đầu tiên Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021. Riêng Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2021 (là ngày đạt quyền kiểm soát) đến ngày 31/12/2021. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cản trở vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 22 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50 năm

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 06 tháng đến 36 tháng.

Chi phí san lấp mặt bằng khu mỏ để phục vụ cho hoạt động khai thác và sản xuất kinh doanh chung tại chi nhánh Nghệ An. Công ty đánh giá các chi phí này phục vụ cho hoạt động kinh doanh lâu dài và phân bổ vào chi phí hoạt động trong 10 năm.

Các chi phí liên quan đến cấp giấy phép và đầu tư khai thác mỏ tại chi nhánh Nghệ An phân bổ theo thời gian khai thác còn lại khu mỏ, thời gian phân bổ trong vòng 19 năm.

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 03 tháng đến 36 tháng.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 . Vay

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

2.20 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và phải xử lý ghi giảm vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu theo quy định tại Điều 134 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Điều 36 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 06/12/2019, trừ các trường hợp sau đây:

a) Công ty phải bán ra ngay sau khi mua lại đối với các cổ phiếu sau:

- Cổ phiếu mua lại để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ;
- Cổ phiếu lẻ mua lại theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phương án phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu;
- Cổ phiếu lô lẻ mua lại theo yêu cầu của cổ đông.

b) Công ty không được mua lại cổ phiếu quỹ của chính mình cho đến khi hoàn thành việc xử lý cổ phiếu quỹ đã mua từ trước thời điểm Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 có hiệu lực ngày 01/01/2021. Cổ phiếu quỹ Công ty đã mua trước đây được bán hoặc dùng cổ phiếu quỹ làm cổ phiếu thưởng theo quy định tại Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 và các văn bản quy định chi tiết thi hành các văn bản trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.21 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.22 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

2.23 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.24 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.25 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

c) Chính sách ưu đãi thuế

Theo Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 0222100087 ngày 08/10/2014 và Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh ngày 12/12/2014 của Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng, thuế suất thuế TNDN áp dụng đối với thu nhập từ Dự án đầu tư "Dự án nhà máy sản xuất bột đá siêu mịn và phụ gia ngành nhựa" là 10% trong 15 năm được tính liên tục từ năm đầu tiên dự án có doanh thu. Đồng thời, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo được tính liên tục từ năm đầu tiên phát sinh thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư (năm 2021 Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp).

Theo Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 6007621343 ngày 11/08/2010 và Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần thứ 2 ngày 21/07/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An, thuế suất thuế TNDN áp dụng đối với thu nhập từ Dự án đầu tư "Khai thác và xây dựng hệ thống nhà xưởng chế biến đá ốp lát tại xã Châu Tiến, huyện Quỳnh Hợp" theo quy định hiện hành của pháp luật. Do đó, thuế suất thuế TNDN đối với dự án là 10% trong 15 năm được tính liên tục từ năm đầu tiên dự án có doanh thu; đồng thời Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo được tính liên tục từ năm đầu tiên phát sinh thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư (năm 2021 là năm thứ 3 Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp).

d) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong năm 2021, Công ty được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN như sau:

- Miễn thuế TNDN đối với thu nhập từ Dự án đầu tư "Khai thác và xây dựng hệ thống nhà xưởng chế biến đá ốp lát tại xã Châu Tiến, huyện Quỳnh Hợp".
- Thuế suất đối với thu nhập từ Dự án đầu tư "Dự án nhà máy sản xuất bột đá siêu mịn và phụ gia ngành nhựa" là 10%, được giảm 50% số thuế phải nộp;
- Thuế suất 20% đối với các hoạt động còn lại.

2.26 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.27 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

2.28 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . HỢP NHẤT KINH DOANH

Vào ngày 01 tháng 07 năm 2021, Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê đã hoàn tất việc mua thêm 1.330.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê với tổng giá phí đầu tư là 36.100.000.000 VND, tương đương với tỷ lệ 7% vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê tại Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê đã tăng từ 44% lên 51%. Tại ngày này, Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê trở thành công ty con của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê.

Giá trị hợp lý của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được của Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê vào ngày hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh như sau:

<u>Diễn giải</u>	<u>Giá trị ghi sổ tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát</u>	<u>Các điều chỉnh theo giá trị hợp lý (a)</u>	<u>Giá trị hợp lý tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát</u>
Tài sản			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.358.985.260	-	5.358.985.260
Các khoản phải thu	136.843.924.322	-	136.843.924.322
Hàng tồn kho	202.933.394.409	-	202.933.394.409
Tài sản ngắn hạn khác	28.615.269.514	-	28.615.269.514
Tài sản cố định	327.345.476.302	199.603.168.860	526.948.645.162
Tài sản dở dang dài hạn	11.911.341	-	11.911.341
Tài sản dài hạn khác	13.510.178.393	-	13.510.178.393
Cộng tài sản	714.619.139.541	199.603.168.860	914.222.308.401
Nợ phải trả	523.156.459.064	-	523.156.459.064
Cộng nợ phải trả	523.156.459.064	-	523.156.459.064
Tổng giá trị tài sản thuần	191.462.680.477		391.065.849.337
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		97.805.552.741	191.622.266.175
Tổng giá trị tài sản thuần tương ứng với lợi ích của Tập đoàn			199.443.583.162
Tổng giá phí của khoản đầu tư này			208.168.973.708
<i>Trong đó (*):</i>			
Giá trị hợp lý của khoản đầu tư 44% vốn chủ sở hữu ban đầu tại ngày đạt được quyền kiểm soát (ngày 01/07/2021) (b)			172.068.973.708
Giá phí đầu tư thêm 7% vốn chủ sở hữu			36.100.000.000
Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 15)			8.725.390.546

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(a) Các điều chỉnh theo giá trị hợp lý tại ngày Tập đoàn đạt quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê bao gồm:

- Đánh giá tăng thêm nguyên giá tài sản số định vô hình 199.603.168.860 đồng, đồng thời tăng khấu hao lũy kế tương ứng 9.980.158.443 đồng, tài sản thuần tăng thêm 189.623.010.417 đồng.

(b) Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản đầu tư 44% vốn chủ sở hữu ban đầu tại ngày đạt được quyền kiểm soát với giá phí của khoản đầu tư đó (giá trị tính theo phương pháp vốn chủ sở hữu) được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. (Thuyết minh số 27).

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	9.981.601.948	3.132.225.872
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.516.530.087	33.341.371.792
Tiền đang chuyển	15.707.900.000	-
	<u><u>42.206.032.035</u></u>	<u><u>36.473.597.664</u></u>

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	53.046.280.000	-	8.700.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (1)	53.046.280.000	-	8.700.000.000	-
Đầu tư dài hạn	5.800.000.000	-	3.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (2)	2.000.000.000	-	-	-
- Trái phiếu (3)	3.800.000.000	-	3.000.000.000	-
	<u><u>58.846.280.000</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>11.700.000.000</u></u>	<u><u>-</u></u>

(1) Bao gồm tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng và 12 tháng tại các ngân hàng thương mại có giá trị 53.046.280.000 VND với lãi suất từ 3,7% đến 4,9%/năm;

(2) Tiền gửi kỳ hạn 24 tháng tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hải Phòng có giá trị 2.000.000.000 VND với lãi suất 5,4%/năm.

Tại ngày 31/12/2021, các khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị 23.046.280.000 VND đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (xem chi tiết tại thuyết minh số 19).

(3) Trái phiếu có kỳ hạn 8 năm tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam có giá trị 2.000.000.000 VND với lãi suất quy định theo từng thời điểm và trái phiếu có kỳ hạn 07 năm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam có giá trị 1.800.000.000 VND với lãi suất quy định theo từng thời điểm.

Tại ngày 31/12/2021, trái phiếu của Công ty có giá trị 3.800.000.000 VND đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (xem chi tiết tại thuyết minh số 19).

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
<i>GEX</i>	14.258.385.225	26.585.100.000	-	-	-	-
<i>TCB</i>	33.593.404.000	32.500.000.000	(1.093.404.000)	-	-	-
<i>SHS</i>	39.437.318.100	54.901.000.000	-	-	-	-
<i>STB</i>	8.192.860.336	8.813.700.000	-	-	-	-
<i>VPB</i>	15.919.080.000	16.109.821.000	-	-	-	-
<i>IPA</i>	8.258.488.308	14.722.560.000	-	-	-	-
	119.659.535.969	153.632.181.000	(1.093.404.000)	-	-	-

Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa của các chứng khoán này trên sàn HNX và HOSE tại ngày 01/01/2021 và 31/12/2021.

c) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2021			01/01/2021		
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
- Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê (1)				Tỉnh Đồng Nai	44,00%	44,00%
- Công ty Cổ phần xây dựng Hà Long (2)				Tỉnh Quảng Ninh	30,00%	30,00%
- Công ty Cổ phần khoáng sản Minh Cẩm	Tỉnh Quảng Bình	25,64%	25,64%	Tỉnh Quảng Bình	25,64%	25,64%
- Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Tân Việt An (3)	Tỉnh Quảng Ninh	50,00%	50,00%			
			89.399.739.733			244.400.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ, khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TẠI CHÍNH

(1) Theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông số 06/2020/NQ-DHĐCĐ ngày 19/11/2020, Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê tăng vốn điều lệ từ 70 tỷ lên 190 tỷ. Theo đó, trong năm Công ty góp vốn bổ sung theo tỷ lệ sở hữu tương ứng là 44%, tương ứng 5.280.000 cổ phiếu, tương ứng số tiền 52,8 tỷ đồng. Trong đó, Công ty góp bằng khoản cho vay với Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê số tiền là 24.440.656.701 đồng, bằng công nợ phải thu hàng với Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê số tiền là 28.359.343.299 đồng. Ngày 1/7/2021, Công ty nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê từ ông Cao Văn Thái số lượng 1.140.000 cổ phần giá trị 34,2 tỷ đồng, từ ông Vũ Đức Tiến số lượng 190.000 cổ phần giá trị 1,9 tỷ đồng. Sau các giao dịch trên, tại ngày 31/12/2021, Công ty đang sở hữu 9.690.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê, chiếm 51% tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ lợi ích, Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê trở thành Công ty con của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê.

Các giao dịch trong yếu tố giữa Công ty và Công ty liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 37.

d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

- Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Neo Global (4)
- Công ty Cổ phần xây dựng Hạ Long

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Neo Global (4)	-	-	19.511.000.000	(90.681.616)
- Công ty Cổ phần xây dựng Hạ Long	115.520.000.000	(1.114.518.607)	-	-
	115.520.000.000	(1.114.518.607)	19.511.000.000	(90.681.616)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(2) Trong năm, Công ty chuyển nhượng 5.720.000 cổ phần của Công ty Cổ phần xây dựng Hạ Long cho ông Đỗ Mạnh Tùng với giá 11.700 đồng/cp, số tiền 66.924.000.000 đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2007/2021-HĐCNCP ngày 20/07/2021. Tỷ lệ kiểm soát của Công ty tại Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Neo Global giảm từ 30% xuống 19% khiến khoản đầu tư chuyển từ đầu tư liên kết thành đầu tư khác.

(3) Trong năm, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Tân Việt An từ ông Phạm Xuân Trí số lượng 660.000 cổ phần giá trị 14 tỷ đồng, từ bà Trần Hải Yên số lượng 990.000 cổ phần giá trị 21 tỷ đồng, từ ông Mai Thanh Phương số lượng 1.650.000 cổ phần giá trị 35 tỷ đồng. Sau các giao dịch trên, tại ngày 31/12/2021, Công ty đang sở hữu 3.300.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Tân Việt An, tương đương tổng mệnh giá 33.000.000.000 đồng.

(4) Trong năm, Công ty chuyển nhượng 1.330.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Neo Global cho ông Nguyễn Quang Hưng theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 30.03/2021/HĐCNC.NEO ngày 30/03/2021, giá bán bằng với giá trị khoản đầu tư là 19,511 tỷ đồng. Tại ngày 31/12/2021, số còn phải thu ông Nguyễn Quang Hưng là 33,511 tỷ đồng (Chi tiết ở Thuyết minh số 7), Công ty không còn sở hữu cổ phần tại Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Neo Global.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty TNHH Thương mại Nhựa Hà Nội	70.598.928.942	-	25.145.864.956	-
Công ty TNHH Phát triển Thương mại Vũ Hoàng	93.867.854.300	-	114.695.374.300	-
Công ty Cổ phần Neo Floor	65.317.663.845	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Kinh doanh Sông Hồng	81.193.830.000	-	8.802.400.000	-
APOLLO FLOORING DISTRIBUTOR	75.351.457.749	-	-	-
SINGATE INTERNATION	46.872.366.811	-	35.386.411.710	-
Phải thu khách hàng khác	331.346.939.882	(1.730.999.740)	129.226.536.299	(789.931.530)
	<u>764.549.041.528</u>	<u>(1.730.999.740)</u>	<u>313.256.587.265</u>	<u>(789.931.530)</u>

b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan

65.317.663.845

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)

7 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Vinomig Singapore Pte., Ltd	-	-	1.727.646.576	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và cơ khí Đông A	1.285.813.283	-	947.790.200	-
Hangzhou bestway IMP&EXP CO., Ltd	2.865.722.184	-	-	-
Ningbo Chisage Resource Co. Ltd	3.487.219.840	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	20.811.336.266	-	4.987.438.308	-
	<u>28.450.091.572</u>	<u>-</u>	<u>7.662.875.084</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

8 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	463.902.558	-	172.785.207	-
Tạm ứng	123.076.140	-	225.633.030	-
Ký cược, ký quỹ	6.093.062.328	-	-	-
Phải thu ông Mai Thanh Phương (1)	-	-	35.000.000.000	-
Phải thu Trần Hải Yến (1)	-	-	21.000.000.000	-
Phải thu Phạm Xuân Trí (1)	-	-	14.000.000.000	-
Phải thu về cho vay Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	-	-	17.628.748.701	-
Phải thu Nguyễn Quang Hưng (2)	33.511.000.000	-	14.000.000.000	-
Phải thu cục thuế Hải Phòng tiền hoàn thuế GTGT	-	-	15.739.950.408	-
Phải thu tiền thuế GTGT theo Hợp đồng ủy thác	6.561.212.935	-	-	-
Lê Hà Giang mượn tiền	1.450.000.000	-	-	-
Phải thu khác	135.522.121	-	97.806.832	-
	48.337.776.082	-	117.864.924.178	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	2.528.780.532	-	2.419.893.187	-
	2.528.780.532	-	2.419.893.187	-
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
	-	-	70.000.000.000	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)

(1) Đây là các khoản ứng trước để nhận chuyển nhượng cổ phần Tân Việt An, trong năm các giao dịch nhận chuyển nhượng đã hoàn thành (Chi tiết ở Thuyết minh số 4c).

(2) Phải thu tiền bán cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Neo Global cho ông Nguyễn Quang Hưng theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2020/HĐCN.NEO ngày 19/06/2020 và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 30.03/2021/HĐCN.NEO ngày 30/03/2021, tổng số tiền còn phải thu là 33.511.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

9 . NỢ XẤU

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Sản Xuất Thương mại Và Bao bì Duy Anh	188.760.000	-	188.760.000	-
- Công ty TNHH Thịnh Phát	444.125.900	-	444.125.900	46.800.000
- Công ty CP Khoáng sản, Bao bì và Nhựa	454.082.750	136.224.825	-	-
- Công ty TNHH MTV Đức Linh	333.624.467	100.087.340	-	-
- Công ty TNHH Sản xuất - Xuất khẩu - Thương mại Vạn Trường Sinh	157.010.000	78.505.000	-	-
- PT.GUNAWANFAJAR	434.889.000	217.444.500	-	-
- Các đối tượng khác	280.636.088	29.866.800	280.535.438	76.689.808
	2.293.128.205	562.128.465	913.421.338	123.489.808

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	2.372.056.407	-	2.008.272.250	-
Nguyên liệu, vật liệu	354.175.104.068	-	244.104.529.209	-
Công cụ, dụng cụ	4.848.377.255	-	124.605.620	-
Thành phẩm	178.709.415.046	-	27.472.014.203	-
Hàng hoá	3.708.247.838	-	4.152.336.829	-
	543.813.200.614	-	277.861.758.111	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ
 Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ, khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải,
 Phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Công cụ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND		
Số dư đầu năm	94.109.617.160	139.121.831.308	26.725.367.586	587.307.447	260.544.123.501				
- Mua trong năm	-	15.890.369.751	1.526.183.637	483.231.818	17.899.785.206				
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.460.517.334	-	-	-	1.460.517.334				
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	223.862.453.179	11.971.263.575	68.190.000	235.901.906.754				
Số dư cuối năm	95.570.134.494	378.874.654.238	40.222.814.798	1.138.729.265	515.806.332.795				
Giá trị hao mòn lũy kế									
Số dư đầu năm	15.713.407.530	40.952.389.874	7.251.560.804	212.162.823	64.129.521.031				
- Khấu hao trong năm	6.792.540.219	22.953.379.876	2.738.864.720	168.555.439	32.653.340.254				
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	13.364.682.363	846.351.586	52.771.393	14.263.805.342				
Số dư cuối năm	22.505.947.749	77.270.452.113	10.836.777.110	433.489.655	111.046.666.627				
Giá trị còn lại									
Tại ngày đầu năm	78.396.209.630	98.169.441.434	19.473.806.782	375.144.624	196.414.602.470				
Tại ngày cuối năm	73.064.186.745	301.604.202.125	29.386.037.688	705.239.610	404.759.666.168				
<i>Trong đó:</i>									
- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 147.151.060.673 đồng.									
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 21.904.196.044 đồng.									

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Tại 31/12/2021, tài sản cố định thuê tài chính tại Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê là hệ thống máy móc thiết bị với tổng nguyên giá là 104.735.414.453 VND, giá trị hao mòn lũy kế đến thời điểm 31/12/2021 là 6.109.565.840 VND với giá trị khấu hao trong năm là 5.236.770.720 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ
 Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ, khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải,
 phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

13 . TÀI SẢN CỔ ĐÌNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Phần mềm kế toán VND	Lợi thế kinh doanh VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	15.036.788,688	-	-	-	15.036.788,688
- Mua trong năm	-	1.151.500,000	-	-	1.151.500,000
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	2.328.500,000	32.500,000	199.603.168,860	201.964.168,860
Số dư cuối năm	15.036.788,688	3.480.000,000	32.500,000	199.603.168,860	218.152.457,548
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.848.271,937	-	-	-	1.848.271,937
- Khấu hao trong năm	375.919,716	232.849,998	5.416,668	9.980.158,443	10.594.344,825
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	504.508,329	11.736,114	-	516.244,443
Số dư cuối năm	2.224.191,653	737.358,327	17.152,782	9.980.158,443	12.958.861,205
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	13.188.516,751	-	-	-	13.188.516,751
Tại ngày cuối năm	12.812.597,035	2.742.641,673	15.347,218	189.623,010,417	205.193.596,343

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.482.738.170	491.677.816
Chi phí bảo hiểm	628.712.325	424.775.254
Chi phí sửa chữa bảo dưỡng	219.443.311	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	507.656.109	185.639.300
	4.838.549.915	1.102.092.370
b) Dài hạn		
- Chi phí phát sinh trong giai đoạn đầu tư ở Hoàng Gia Pha Lê	4.653.009.397	-
- Chi phí liên quan đến cấp giấy phép khai thác mỏ, khoáng sản	3.415.565.850	3.687.626.070
- Chi phí đầu tư khai thác mỏ khoáng sản ở Nghệ An phân bổ	2.469.990.520	2.653.518.584
- Chi phí thuế GTGT đầu vào không được hoàn phải phân bổ của tài sản cố định trong dự án "Nhà máy sản xuất bột đá siêu mịn và phụ gia ngành nhựa" theo biên bản Thanh tra thuế	1.131.024.740	1.397.148.224
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	5.073.821.838	369.669.606
- Xây dựng cung cấp, lắp đặt thiết bị Văn phòng Hà Nội	162.174.074	530.993.283
- Thi công nội thất văn phòng	58.661.663	305.852.914
- Chi phí san lấp mặt bằng (*)	23.273.238.565	26.182.393.393
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	2.628.579.040	-
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.383.708.027	772.198.891
	44.249.773.714	35.899.400.965

(*) Chi phí san lấp mặt bằng khu mỏ để phục vụ cho hoạt động khai thác và sản xuất kinh doanh chung tại chi nhánh Nghệ An. Công ty đánh giá các chi phí này phục vụ cho hoạt động kinh doanh lâu dài và phân bổ vào chi phí hoạt động trong 10 năm.

15 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Nguyên giá		
- Giá trị lợi thế thương mại phát sinh trong năm (thuyết minh số 03)	8.725.390.546	-
- Số dư cuối năm	8.725.390.546	-
Giá trị hao mòn lũy kế		
- Số phân bổ, tổn thất trong năm	436.269.527	-
- Số dư cuối năm	436.269.527	-
Giá trị còn lại		
- Số dư đầu năm	-	-
- Số dư cuối năm	8.289.121.019	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Nhựa OPEC	138.329.020.640	138.329.020.640	42.071.657.879	42.071.657.879
FLOORING INDUSTRIES LIMITED SARL	35.595.562.335	35.595.562.335	-	-
PRIME WORLD INTERNATION AL GROUP LIMITED	48.684.277.695	48.684.277.695	-	-
Phải trả các đối tượng khác	164.462.537.884	164.462.537.884	26.465.460.023	26.465.460.023
	387.071.398.554	387.071.398.554	68.537.117.902	68.537.117.902

17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
PARLIAMENT FLOORS	5.676.834.152	-
T&A SUPPLY RENTON OVERFLOW	3.815.269.911	-
Reliance Granite and Marble Corp	2.113.020.000	-
ARIF WOVEN BAG INDUSTRIES	169.929.568	169.929.568
Đối tượng khác	3.372.363.544	23.480.685
	15.147.417.175	193.410.253

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LỄ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ, khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường
Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tăng/giảm phải nộp do hợp nhất công ty con trong kỳ	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	2.791.789	1.422.610.122	1.391.051.911	(34.350.000)	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	1.232.988	3.377.988	-	2.145.000	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.182.456.394	3.247.448.037	3.063.005.971	1.159.928.513	-	3.526.826.973
Thuế Thu nhập cá nhân	-	116.343.000	352.742.442	452.334.442	62.952.465	258.535	79.962.000
Thuế Tài nguyên	-	216.767.968	2.525.939.634	1.797.761.380	-	-	944.946.222
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	38.659.763	40.340.568	-	1.680.805	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	22.233.136	5.946.868.187	5.630.723.679	-	-	338.377.644
	-	2.540.592.287	13.535.501.173	12.378.595.939	1.188.530.978	4.084.340	4.890.112.839

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự Kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	6.355.191.773	3.592.916.398
- Trích trước tiền điện	480.310.605	383.025.742
- Trích trước chi phí vận chuyển	13.251.480.592	993.491.300
- Trích trước tiền viết báo	-	300.000.000
- Chi phí phải trả khác	2.537.630.026	640.902.052
	22.624.612.996	5.910.335.492

20 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	919.396.551	669.154.041
- Bảo hiểm xã hội	1.126.391.574	676.767.521
- Bảo hiểm y tế	126.016.441	22.193.690
- Bảo hiểm thất nghiệp	27.555.371	9.795.157
- Phải trả Chi cục thuế huyện Quỳnh Hợp do chênh lệch đối chiếu khi điều chuyển nhà máy	432.784.383	432.784.383
- Ông Vũ Đức Tiến - Tiền chuyển nhượng cổ phần (1)	1.900.000.000	-
- Ông Cao Văn Thái - Tiền chuyển nhượng cổ phần (1)	34.200.000.000	-
- Bà Trần Hải Yến (2)	559.855.312	-
- Ông Lã Văn Huấn (2)	13.000.000.000	-
- Ông Phạm Đông Phong (2)	2.000.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.653.072.938	1.853.106.012
	55.945.072.570	3.663.800.804
b) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan	36.659.855.312	-
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)</i>		

(1) Phải trả tiền mua cổ phần tại Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê của ông Vũ Đức Tiến theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2021-HĐCNCP ngày 02/01/2021, thanh lý Hợp đồng ngày 01/07/2021 số tiền là 1.900.000.000 đồng và ông Cao Văn Thái theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2021/HĐCN/HGPL-PL ngày 10/03/2021, thanh lý Hợp đồng ngày 01/07/2021, số tiền là 34.200.000.000 đồng (Chi tiết ở Thuyết minh số 4c).

(2): Các khoản phải trả tiền mượn nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ, khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

21 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	611.201.758.044	611.201.758.044	2.253.140.580.769	1.808.619.573.970	1.055.722.764.843	1.055.722.764.843
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Thủ đô (1)	79.859.921.596	79.859.921.596	168.315.024.243	168.436.262.591	79.738.683.248	79.738.683.248
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đa (2)	428.996.012.749	428.996.012.749	1.101.770.878.412	1.116.829.746.292	413.937.144.869	413.937.144.869
- Ngân hàng TNHH MTV HongLeong Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (3)	29.267.305.063	29.267.305.063	74.802.490.809	79.203.827.740	24.865.968.132	24.865.968.132
- Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh Hồng Bàng (4)	49.316.423.206	49.316.423.206	124.378.730.537	123.720.526.428	49.974.627.315	49.974.627.315
- Ngân Hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hải Phòng (5)	1.874.100.000	1.874.100.000	16.621.064.132	6.615.520.560	11.879.643.572	11.879.643.572
- Ngân Hàng TMCP Vietcombank - Chi nhánh Thăng Long (6)	8.877.208.230	8.877.208.230	39.595.225.264	28.483.471.864	19.988.961.630	19.988.961.630
- Vay tài khoản thẻ tín dụng Ngân hàng Shinhan - Chi nhánh Phạm Hùng (7)	11.946.427.680	11.946.427.680	24.111.619.120	24.260.231.680	11.797.815.120	11.797.815.120
- Vay thẻ tín dụng Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở chính (8)	1.064.359.520	1.064.359.520	352.459.628	1.416.684.650	134.498	134.498
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng (9)	-	-	67.309.677.026	4.912.924.469	62.396.752.557	62.396.752.557
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (10)	-	-	147.405.690.582	42.323.014.102	105.082.676.480	105.082.676.480
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đa (11)	-	-	397.902.021.172	166.798.702.358	231.103.318.814	231.103.318.814
- Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh TP Hà Nội (12)	-	-	90.575.699.844	45.618.661.236	44.957.038.608	44.957.038.608

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LỄ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

21 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Nợ dài hạn đến hạn trả						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đa (13)	14.400.000.000	14.400.000.000	14.400.000.000	14.400.000.000	14.400.000.000	14.400.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đa (15)	-	-	30.000.000.000	-	30.000.000.000	30.000.000.000
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Dầu tư Hoàng Gia (16)	-	-	3.425.382.334	-	3.425.382.334	3.425.382.334
- Công ty CTTC TNHH MTV ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (17)	-	-	19.246.224.612	-	19.246.224.612	19.246.224.612
- Trái phiếu phát hành (18)	-	-	100.000.000.000	-	100.000.000.000	100.000.000.000
	<u>625.601.758.044</u>	<u>625.601.758.044</u>	<u>2.420.212.187.715</u>	<u>1.823.019.573.970</u>	<u>1.222.794.371.789</u>	<u>1.222.794.371.789</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LỄ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ, khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

21 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đa (13)	34.282.532.513	34.282.532.513	-	14.400.000.000	19.882.532.513	19.882.532.513
- Ông Mai Thanh Phương	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cẩm (14)	-	-	25.000.000.000	820.000.000	24.180.000.000	24.180.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đa (15)	-	-	86.700.049.582	-	86.700.049.582	86.700.049.582
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Dầu tư Hoàng Gia (16)	-	-	3.674.000.000	248.617.666	3.425.382.334	3.425.382.334
- Công ty CTTC TNHH MTV ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (17)	-	-	81.796.454.602	9.623.112.306	72.173.342.296	72.173.342.296
- Trái phiếu phát hành (18)	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	100.000.000.000	100.000.000.000
	134.282.532.513	134.282.532.513	199.170.504.184	27.091.729.972	306.361.306.725	306.361.306.725
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(14.400.000.000)	(14.400.000.000)	(167.071.606.946)	(14.400.000.000)	(167.071.606.946)	(167.071.606.946)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	119.882.532.513	119.882.532.513			139.289.699.779	139.289.699.779

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LIỄ

Lô đất CN4.3 Khu công nghiệp Mĩ Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

STT	Ngân hàng / Hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Thời hạn của hợp đồng	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2021		Tổng VND tương đương	Mục đích vay
				USD	VND		
Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Liễ vay:							
1	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Thủ đô	80.000.000.000 VND	đến hết ngày 17/06/2022	1.296.742,28	50.030.317,613	79.738.683,248	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất giai đoạn 2021-2022
2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đa	430.000.000.000 VND	đến hết ngày 31/08/2022	330.816,48	406.341.598,488	413.937.144,869	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo lãnh, mở L/C
3	Ngân hàng TNHH MTV HongLeong Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	2.000.000 USD	tối đa 180 ngày kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đối với mỗi khoản giải ngân hoặc kể từ ngày phát hành mỗi LC	106.303,90	22.429.482.745	24.865.968.132	Tài trợ việc nhập khẩu và mua nội địa hàng hóa/ dịch vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh
4	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - chi nhánh Hồng Bàng	Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2021 - HBCVHM/NHCT166-PHALE ngày 15/01/2021 và văn bản sửa đổi bổ sung số 01 ngày 19/05/2021	kể từ ngày 15/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021	229.812,88	44.683.185.753	49.974.627.315	Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C, chiết khấu BCT, phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty
5	Ngân Hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hải Phòng	Hợp đồng tín dụng số 574/2021/HDDTD/THU/01 ngày 23/08/2021	kể từ ngày ký hợp đồng	133.039,35	8.830.381,670	11.879.643,572	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LỄ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp KP Đình Vũ, khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

STT	Ngân hàng / Hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Thời hạn của hợp đồng	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2021		Tổng VND tương đương	Mục đích vay
				USD	VND		
6	Ngân hàng TMCP Vietcombank - Chi nhánh Thăng Long Hợp đồng cấp tín dụng số 7221/CTD/NHUAPHALE ngày 08/12/2021	20.000.000.000 VND	đến hết ngày 07/12/2022	183.972,82	15.772.304,596	19.988.961,630	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
7	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phạm Hùng Hợp đồng tín dụng số SHBHC/HĐTĐ/790500000685 ngày 22/04/2020 và phụ lục sửa đổi, bổ sung số SHBHC/HĐTĐ/790500000685/01	12.000.000.000 VND	01 năm cho đến hết ngày 21/04/2022	-	-	11.797.815,120	Bổ sung vốn lưu động, tài trợ thương mại nhập khẩu
8	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở chính Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 23/03/2020	3.000.000.000 VND	12 tháng	-	134,498	134,498	Thanh toán tiền hàng cho Công ty CP Nhựa OPEC
9	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Hợp đồng cấp tín dụng số 41395.21.065.2826044.TD ngày 06/08/2021	100.000.000,000 VND	đến hết ngày 13/07/2022	169.327,74	58.511,527,563	62.396.752,557	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh bột đá, hạt nhựa
10	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội Hợp đồng vay giao dịch ký quỹ	-	-	-	105.082.676,480	105.082.676,480	Mua chứng khoán
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê vay:							
11	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đa Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/12822834/HĐTĐ ngày 31/08/2021	300.000.000,000 VND	đến hết ngày 31/08/2022	1.759.666,13	190.553,182,989	231.103.318,814	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh mở L/C
12	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - chi nhánh thành phố Hà Nội Hợp đồng cho vay hạn mức số 04/2021-HĐCVHM/NHCT106-HGPL ngày 20/04/2021	100.000.000,000 VND	đến hết ngày 15/03/2022	1.001,408,02	22.008,534,326	44.957,038,608	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh mở L/C

Ghi chú: Lãi suất vay của các hợp đồng tín dụng được áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh theo từng kỳ theo quy định của các ngân hàng. Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ. Riêng Hợp đồng vay giao dịch ký quỹ với Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (mục 10), tài sản đảm bảo gồm tiền, chứng khoán trong tài khoản giao dịch ký quỹ theo quy định của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ
 Lô đất CN4.3 Khu công nghiệp MP Đình Vũ, khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải,
 phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

STT	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2021		Số dư nợ gốc phải trả trong 12 tháng tới		Mục đích vay		
			VND	USD	Tổng VND tương đương	VND		USD	Tổng VND tương đương
<i>Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê vay:</i>									
13	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đa	Hợp đồng tín dụng số 01/2018/2878672/HDDTD ngày 26/04/2018	19.882.532.513	-	19.882.532.513	14.400.000.000	-	14.400.000.000	Đầu tư mở rộng dự án cải tạo, mở rộng xưởng nghiên cứu tuyển đá và nhà máy sản xuất bột đá siêu mịn CaCO3 Nghệ An và Nhà máy sản xuất phụ gia ngành nhựa - CaCO3 Filler Masterbatch Hải Phòng
14	Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cẩm	Hợp đồng mượn tiền số đến hết ngày 09/04/HDMT/MC-PL ngày 31/03/2023 09/04/2021	24.180.000.000	-	24.180.000.000	-	-	-	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
<i>Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê vay:</i>									
15	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đa	Hợp đồng tín dụng số 60 tháng 01/2020/12822834/HDDTD ngày 20/02/2020 và văn bản sửa đổi, bổ sung lập ngày 25/11/2020	86.700.049.582	-	86.700.049.582	30.000.000.000	-	30.000.000.000	Thanh toán tiền mua phương tiện, máy móc, thiết bị sản xuất của dự án Nhà máy sản xuất ván sản nhựa Hoàng Gia Pha Lê tại KCN Nhơn Trạch II, tỉnh Đồng Nai;
Tổng cộng			130.762.582.095		130.762.582.095	44.400.000.000			

Ghi chú: Lãi suất vay của các hợp đồng tín dụng được áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh theo từng thời kỳ theo quy định của các ngân hàng và các khoản vay này đều được thế chấp bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ
Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MIP Đình Vũ, khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải,
Phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

(16) Các hợp đồng Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê vay với Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia kỳ hạn năm không tính lãi suất và mục đích vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2021 là 3.425.382.334 đồng, trong đó số phải trả trong năm tới là 3.425.382.334 đồng.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản nợ thuê tài chính:

(17) Khoản nợ thuê tài chính theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 111.20.08/CTTC của Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê với Công ty CTTC TNHH MTV Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ngày 07/09/2020 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Loại tài sản: SPC Production Equipments;
- + Số tiền cho thuê: 87.948.000.000 đồng;
- + Thời hạn thuê: 60 tháng;
- + Lãi suất: 8,6%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 72.173.342.296 đồng, trong đó số phải trả trong năm tới là 19.246.224.612 đồng.

(18) Thông tin chi tiết liên quan đến trái phiếu thường Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê phát hành:

- + Mệnh giá: 1.000.000 đồng/trái phiếu (với số lượng: 100.000 trái phiếu);
- + Kỳ hạn: 18 tháng;
- + Phương thức phát hành: Đại lý phát hành;
- + Tài sản đảm bảo: Trái phiếu được đảm bảo thế chấp bằng 07 triệu cổ phần Công ty Cổ phần Cảng Miprec của ông Mai Thanh Phương (Chủ tịch công ty) giá trị 144.837.000.000 đồng;
- + Lãi suất: Lãi suất cố định 12% cho toàn bộ thời hạn trái phiếu;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 100.000.000.000 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 100.000.000.000 VND.
- + Mục đích phát hành: Bổ sung nguồn vốn hoạt động cho Công ty.

Các khoản vay đối với các bên liên quan:

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có số dư nợ gốc vay với bên liên quan là Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cẩm (Công ty liên kết của Công ty), số tiền 24.180.000.000 đồng; số dư nợ gốc vay với bên liên quan là Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia (cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê), số tiền 3.425.382.334 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LỄ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích có đóng góp		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	250.000.000,000	17.000.000,000	-	-	5.556.759,663	136.896,725,419	-	-	409.453,485,082					
Tăng vốn trong năm trước	150.000.000,000	-	(1.530,000)	-	-	-	-	-	149.998,470,000					
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	39.797,800,470	-	-	39.797,800,470					
Phân phối lợi nhuận	-	(17.000.000,000)	-	-	(1.660,822,718)	(136,895,195,419)	-	-	(155,556,018,137)					
Số dư cuối năm trước	400.000.000,000	-	(1.530,000)	-	3.895,936,945	39,799,330,470	-	-	443,693,737,415					
Số dư đầu năm nay	400.000.000,000	-	(1.530,000)	-	3,895,936,945	39,799,330,470	-	-	443,693,737,415					
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	114,843,610,496	-	-	7,330,304,924					
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	1,989,890,024	(4,439,780,048)	-	-	(2,449,890,024)					
Tăng/giảm khác do hợp nhất năm đầu tiên	-	-	-	-	-	(1,174,396,935)	-	-	191,622,266,175					
Số dư cuối năm nay	400.000.000,000	-	(1.530,000)	-	5.885,826,969	149,028,763,983	-	-	198,952,571,099					753,865,632,051

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 24/04/2021/NQ-DHĐCĐ ngày 24/04/2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

Phân phối lợi nhuận	Tài Công ty mẹ VND
Trích Quỹ đầu tư phát triển	1.989.890,024
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.989.890,024
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	460.000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Ông Mai Thanh Phương	24,60%	98.400.000.000	24,60%	98.400.000.000
Ông Huỳnh Cảnh Phúc	3,32%	13.280.090.000	7,92%	31.680.090.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	0,00%	-	6,02%	24.094.400.000
Các cổ đông khác	72,08%	288.319.910.000	61,46%	245.825.510.000
	100%	400.000.000.000	100%	400.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	400.000.000.000	250.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	400.000.000.000	250.000.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	150.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	400.000.000.000	400.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.000.000	40.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	40.000.000	40.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	40.000.000	40.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	153	153
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	153	153
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.999.847	39.999.847
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	39.999.847	39.999.847
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Quỹ đầu tư phát triển	5.885.826.969	3.895.936.945
	5.885.826.969	3.895.936.945

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động với Công ty Cổ phần Rivera Hà Nội tại tầng 2 tòa nhà Rivera Park Hà Nội với diện tích 447m², thời gian thuê từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2021.

Công ty ký các hợp đồng thuê đất gồm hợp đồng thuê đất tại lô đất KB1.9 - Khu công nghiệp MP Minh Vũ - khu Kinh tế Hải Phòng để sử dụng với mục đích phục vụ sản xuất kinh doanh từ năm 2014 đến năm 2057, diện tích khu đất thuê là 20.000 m² và hợp đồng thuê đất tại xã Châu Tiến, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An để sử dụng với mục đích phục vụ sản xuất kinh doanh từ năm 2010 đến năm 2060, diện tích khu đất thuê là 29.881 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2021	01/01/2021
- Đồng đô la Mỹ (USD)	316.826,45	191.789,63

24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	1.402.097.810.815	884.375.025.942
Doanh thu bán hàng hóa	1.011.952.412.634	903.092.911.240
	2.414.050.223.449	1.787.467.937.182
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)	159.482.912.586	-

25 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	26.780.985	298.042.903
Hàng bán bị trả lại	942.375.583	470.598.978
Giảm giá hàng bán	365.937.847	625.692.250
	1.335.094.415	1.394.334.131

26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.157.460.499.286	738.319.601.804
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.000.244.762.501	890.311.464.696
	2.157.705.261.787	1.628.631.066.500

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	876.423.972	654.791.905
Lãi bán các khoản đầu tư	1.772.069.600	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	840.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4.609.945.229	1.523.283.288
Lãi do hợp nhất kinh doanh	76.625.394.298	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	10.358	181.273.659
	84.723.843.457	2.359.348.852

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	78.956.513.306	52.842.797.827
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	5.695.466.091	1.442.466.015
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	603.631.953	195.699.541
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	1.326.517.017	6.878.986.075
Chi phí tài chính khác	1.027.163.850	221.700.718
	87.609.292.217	61.581.650.176

29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	74.493.233	15.764.050
Chi phí nhân công	3.052.458.276	1.983.259.097
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.250.002	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	82.816.368.976	26.186.174.669
Chi phí khác bằng tiền	2.859.887.163	4.114.172.337
	88.815.457.650	32.299.370.153

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.719.164.291	2.915.692.439
Chi phí nhân công	17.549.667.347	11.570.502.447
Chi phí khấu hao tài sản cố định (*)	10.888.302.588	1.010.227.683
Thuế, phí, lệ phí	447.731.758	516.232.608
Chi phí dự phòng	941.068.210	171.137.074
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.477.143.223	4.208.892.993
Chi phí khác bằng tiền	1.883.683.021	1.494.530.453
Phân bổ lợi thế thương mại	436.269.527	-
	43.343.029.965	21.887.215.697

(*) Trong đó, chi phí khấu hao phân bổ đối với Lợi thế kinh doanh tăng thêm khi xác định giá trị hợp lý của Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê tại thời điểm trở thành công ty con của Công ty là 9.980.158.443 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	3.084.281.728	2.882.456.394
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.084.281.728	2.882.456.394
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	163.166.309	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	2.182.456.394	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tăng do Hợp nhất	1.159.928.513	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(3.063.005.971)	(700.000.000)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	3.526.826.973	2.182.456.394

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	114.843.610.496	39.797.800.470
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	114.843.610.496	39.797.800.470
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	39.999.847	39.999.947
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.871	995

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.277.466.293.663	687.562.799.009
Chi phí nhân công	57.598.229.658	34.542.810.314
Chi phí khấu hao tài sản cố định	48.484.455.799	20.641.942.177
Chi phí dịch vụ mua ngoài	92.114.036.232	60.162.960.421
Chi phí khác bằng tiền	9.065.877.207	7.821.798.181
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	941.068.210	171.137.074
	2.485.669.960.769	810.903.447.176

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.206.032.035	-	36.473.597.664	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	815.415.598.142	(1.730.999.740)	433.541.404.630	(789.931.530)
Các khoản cho vay	58.846.280.000	-	11.700.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	119.659.535.969	(1.093.404.000)	-	-
	1.036.127.446.146	(2.824.403.740)	481.715.002.294	(789.931.530)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	1.362.084.071.568	745.484.290.557
Phải trả người bán, phải trả khác	443.016.471.124	72.200.918.706
Chi phí phải trả	22.624.612.996	5.910.335.492
	1.827.725.155.688	823.595.544.755

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Đầu tư ngắn hạn	118.566.131.969	-	-	118.566.131.969
	118.566.131.969	-	-	118.566.131.969

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.206.032.035	-	-	42.206.032.035
Phải thu khách hàng, phải thu khác	811.155.817.870	2.528.780.532	-	813.684.598.402
Các khoản cho vay	53.046.280.000	3.800.000.000	2.000.000.000	58.846.280.000
	<u>906.408.129.905</u>	<u>6.328.780.532</u>	<u>2.000.000.000</u>	<u>914.736.910.437</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.473.597.664	-	-	36.473.597.664
Phải thu khách hàng, phải thu khác	430.331.579.913	2.419.893.187	-	432.751.473.100
Các khoản cho vay	8.700.000.000	3.000.000.000	-	11.700.000.000
	<u>475.505.177.577</u>	<u>5.419.893.187</u>	<u>-</u>	<u>480.925.070.764</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

03,
T,
-AI
IAT
NG
HAI
HA

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Vay và nợ	1.222.794.371.789	139.289.699.779	-	1.362.084.071.568
Phải trả người bán, phải trả khác	443.016.471.124	-	-	443.016.471.124
Chi phí phải trả	22.624.612.996	-	-	22.624.612.996
	1.688.435.455.909	139.289.699.779	-	1.827.725.155.688
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	625.601.758.044	119.882.532.513	-	745.484.290.557
Phải trả người bán, phải trả khác	72.200.918.706	-	-	72.200.918.706
Chi phí phải trả	5.910.335.492	-	-	5.910.335.492
	703.713.012.242	119.882.532.513	-	823.595.544.755

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 2404/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2021, tờ trình số 10/2021/TTr-HĐQT ngày 2/4/2021 của Hội đồng quản trị Công ty về việc tiếp tục triển khai Phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 0510/2021/NQ-HĐQT ngày 05/10/2021 thông qua Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu như sau:

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông;
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu;
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu;
- Số lượng dự kiến phát hành: 20.000.000 cổ phiếu;
- Tổng giá trị cổ phiếu phát hành dự kiến: 200.000.000.000 đồng;
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu do Trung tâm lưu ký lập;
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 2:1 (01 cổ đông được hưởng 01 quyền, 02 quyền được mua 01 cổ phiếu mới).

Ngày 02/03/2022 Công ty đã kết thúc đợt chào bán và thu được 200 tỷ đồng như dự kiến. Ngày 03/03/2022, Công ty đã nhận được Văn bản số 1050/UBCK-QLCB của Ủy ban chứng khoán Nhà nước ký ngày 03/03/2022 thông báo về việc báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty.

Đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu và tăng vốn.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động sản xuất	Hoạt động thương mại	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.400.762.716.400	1.011.952.412.634	2.412.715.129.034
Chi phí trực tiếp	1.157.460.499.286	1.000.244.762.501	2.157.705.261.787
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	243.302.217.114	11.707.650.133	255.009.867.247
Tổng chi phí mua TSCĐ			18.772.002.228
Tài sản bộ phận trực tiếp	1.403.439.478.694	22.443.637.284	1.425.883.115.978
Tài sản không phân bổ			1.190.634.016.891
Tổng tài sản	1.403.439.478.694	22.443.637.284	2.616.517.132.869
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	171.781.728.616	-	171.781.728.616
Nợ phải trả không phân bổ			1.690.869.772.202
Tổng nợ phải trả	171.781.728.616	-	1.862.651.500.818

Theo khu vực địa lý

	Bán hàng trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.364.482.572.560	1.048.232.556.474	2.412.715.129.034
Tài sản bộ phận	1.234.485.827.304	191.397.288.674	1.425.883.115.978
Tài sản không phân bổ			1.190.634.016.891
Tổng chi phí mua TSCĐ			18.772.002.228

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 21.)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Doanh thu bán hàng		159.482.912.586	-
Công ty Cổ phần Neo Floor	Cùng Chủ tịch HĐQT	159.482.912.586	-
Vay		32.100.000.000	95.000.000.000
Phạm Xuân Trí	Kế toán trưởng	5.100.000.000	15.000.000.000
Mai Thanh Phương	Chủ tịch HĐQT	2.000.000.000	80.000.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cẩm	Công ty liên kết	25.000.000.000	-
Trả nợ gốc vay		7.920.000.000	95.000.000.000
Phạm Xuân Trí	Kế toán trưởng	5.100.000.000	15.000.000.000
Mai Thanh Phương	Chủ tịch HĐQT	2.000.000.000	80.000.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cẩm	Công ty liên kết	820.000.000	-
Nhận chuyển nhượng cổ phần		104.200.000.000	-
Ông Mai Thanh Phương	Chủ tịch HĐQT	35.000.000.000	-
Bà Trần Hải Yến	Tổng Giám đốc	21.000.000.000	-
Ông Phạm Xuân Trí	Kế toán trưởng	14.000.000.000	-
Ông Cao Văn Thái	Phó Tổng Giám	34.200.000.000	-

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2021	01/01/2021
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		65.317.663.845	-
Công ty Cổ phần Neo Floor	Cùng Chủ tịch HĐQT	65.317.663.845	-
Phải thu khác		-	70.000.000.000
Ông Mai Thanh Phương	Chủ tịch HĐQT	-	35.000.000.000
Bà Trần Hải Yến	Tổng Giám đốc	-	21.000.000.000
Ông Phạm Xuân Trí	Giám đốc tài chính	-	14.000.000.000
Phải trả khác		36.659.855.312	-
Bà Trần Hải Yến	Tổng Giám đốc	559.855.312	-
Ông Cao Văn Thái	Phó Tổng Giám đốc	34.200.000.000	-
Ông Vũ Đức Tiến	Cổ đông lớn Công ty con	1.900.000.000	-

Tổng thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc được hưởng như sau:

Hội đồng quản trị	Chức vụ	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Mai Thanh Phương	Chủ tịch	621.000.000	(*)
Nguyễn Hồ Hưng	Ủy viên	-	100.000.000
Lê Thạc Tuấn	Ủy viên	-	100.000.000
Vũ Đức Tiến	Ủy viên, miễn nhiệm ngày 07/10/2020	-	100.000.000
Trần Hải Yến	Ủy viên, bổ nhiệm ngày 13/11/2020	(*)	(*)

(*) Đã được trình bày tại thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

CÔNG
H
NH
C
K
A
A



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
 khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
 quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

<u>Ban Tổng Giám đốc</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
		VND	VND
Mai Thanh Phương	Tổng Giám đốc, miễn nhiệm ngày 25/08/2020	-	660.000.000
Trần Hải Yên	Tổng Giám đốc, bổ nhiệm ngày 25/08/2020	538.800.000	480.000.000
Cao Văn Thái	Phó Tổng Giám đốc	120.000.000	480.000.000

Ngoài các bên liên quan có phát sinh giao dịch và số dư nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Đây là năm đầu tiên Công ty lập báo cáo hợp nhất do đó số liệu so sánh đang trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất không thể so sánh được.

Phạm Thị Thu
 Người lập

Phạm Xuân Trí
 Kế toán trưởng

Trần Hải Yên
 Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2022

